

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY  
**THERAVĀDA**  
PHẬT-LỊCH 2565



# **PĀTIMOKKHUDDESA**

*TỠ KHỮU HỘ PHÁP*  
(*DHAMMARAKKHITA BHIKKHU*)  
(*AGGAMAHĀPAṆḌITA*)

*SÁCH BIỂU*  
**LỮU HÀNH NỘI BỘ**

**DƯƠNG - LỊCH 2021**

*“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.”*  
*Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.*

## **BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT**

*Dhammapaṇṇākāra*  
*Món Quà Pháp*

*Dhammanandā upāsikā kính dâng*



Mục lục

## *Thành Kính Tri Ân*

*Tất cả chúng con biết được Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.*

*Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đánh lễ Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.*

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY  
THERAVĀDA  
PHẬT-LỊCH 2565

**BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT**

*TỈ-KHUU HỘ-PHÁP*  
*(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)*  
*(AGGAMAHĀPAᅇᅇITA)*

DƯƠNG-LỊCH 2021

*NamoTassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*  
*Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn*  
*ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

### **Paṇāmagāthā**

*Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,*  
*pāyāsibhayahiṃsakaṃ.*

*Āyunopariyosānaṃ,*  
*gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.*

*Ādimajjhantakalyāṇaṃ,*  
*Buddhassa dhamamosadhaṃ.*

*Nibbānapariyosānaṃ,*  
*gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.*

*Tassa sāvakaṣaṅghaṅca,*  
*puññakkhettaṃ anuttaraṃ.*

*Arahattapriyosānaṃ,*  
*gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.*

*Buddhaṃ Dhammaṅca Saṅghaṅca,*  
*abhivandiya sādaraṃ.*

***Bhikkhupātimokkhuddeso,***  
*Ayaṃ gantho mayā kato.*

## **Kệ Đánh Lễ Tam-Bảo**

*Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,  
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,  
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Phật,  
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

*Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,  
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,  
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Pháp,  
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.*

*Tăng bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử-Phật,  
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,  
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Tăng,  
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.*

*Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,  
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,  
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,  
**Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt.***



*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*  
*Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn*  
*ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

## **Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt**

*Soạn-giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp*  
*(Dhammarakkhita Bhikkhu)*  
*(Aggamahāpaṇḍita)*

### **Lời Nói Đầu**

*Pātimokkha có 2 loại:*

- *Ovādapātimokkha: Lời giáo huấn của Đức-Phật.*
- *Āṇāpātimokkha: Đức-Phật chế-định ra các điều-giới, rồi ban hành đến chư tỳ-khuru giữ gìn.*

*1- **Ovādapātimokkha** là lời giáo huấn của Đức-Phật, có 3 câu kệ như sau:*

*“Khantī paramaṃ tapo titikkhā,  
Nibbānaṃ paramaṃ vadanti Buddhā.  
Na hi pabbajito parūpaghātī,  
Na samaṇo hoti paraṃ viheṭṭhayaṃto.  
Sabbapāpassa akaraṇaṃ,  
kusalassa upasampadā.*



*Sacittapariyodapanam,  
 etaṃ Buddhānasāsanam.  
 Anupavādo anupaghāto,  
 patimokkhe ca saṃvaro.  
 Mattaññutā ca bhattasmiṃ.  
 pantañca sayanāsanam,  
 Adhicitte ca āyogo,  
 etaṃ Buddhānasāsanam.”<sup>(1)</sup>*

*(Nhẫn-nại là đức-hạnh cao thượng,  
 chư Phật dạy Niết-bàn là cao thượng.  
 Bậc xuất gia không sát hại chúng-sinh.  
 Bậc sa-môn không làm khổ chúng-sinh.*

*Không tạo mọi ác-nghiệp,  
 hoàn thành 4 loại thiện-nghiệp.  
 Tâm trong sạch thanh-tịnh,  
 đó là lời giáo huấn của chư Phật.*

*Không vu oan người khác,  
 không làm hại chúng-sinh.  
 Biết tri túc vật thực, nằm ngòì nơi thanh vắng.  
 Tinh-tấn trong pháp-hành nhập định,  
 đó là lời giáo huấn của chư Phật).*

*Đức-Phật Gotama thuyết dạy ovādapātimokkha*

<sup>1</sup> Dīghanikāya Mahāvaggapāli, Mahāpadānasutta.

bằng ba câu kệ này vào ngày rằm tháng giêng, là ngày **đại hội chư Thánh-Tăng** lần đầu tiên gồm có 1.250 bậc Thánh A-ra-hán, tại ngôi chùa Veluvana, gần kinh-thành Rājagaha.

Trong thời-kỳ ấy, chư bậc Thánh-Tăng và chư bậc phàm-Tăng đều là những bậc có thân, khẩu trong sạch thanh-tịnh hoàn toàn, chưa hề có lỗi nào bị người đời chê trách (Đức-Phật chưa chế-định ra điều-giới nào ban hành đến chư tỳ-khuru).

Cho nên, từ hạ thứ nhất cho đến hạ thứ 20, đến ngày Samgha uposatha chư tỳ-khuru-Tăng tụ hội tại Sīmā, Đức-Phật chỉ thuyết dạy ovādapātimokkha bằng 3 câu kệ ấy đến chư tỳ-khuru-Tăng mà thôi.

2- **Āṇāpātimokkha**: Đức-Phật chế-định ra các điều-giới, rồi ban hành đến chư tỳ-khuru cần phải giữ gìn các điều-giới ấy cho được trong sạch.

Đến hạ thứ 20, giáo-pháp của Đức-Phật càng ngày càng phát triển, được truyền bá khắp mọi nơi, có nhiều người nam đến xin xuất gia trở thành tỳ-khuru, và nhiều người nữ cũng xin xuất gia trở thành tỳ-khuru-ni càng ngày càng đông. Có số vị tỳ-khuru phàm-nhân, vị tỳ-khuru-ni phàm-nhân có tâm dễ dôi, thân, khẩu bất-thiện, tạo ác-nghiệp,

bị người đời chê trách. Vì vậy, Đức-Phật chế định ra các điều-giới, rồi cho ban hành đến chư tỳ-khuru, chư tỳ-khuru-ni cần phải giữ gìn các điều-giới cho được trong sạch, gọi là *āṇāpātimokkha*.

### **Đức-Phật cho phép tụng bhikkhupātimokkha**

Trong *Vinayapīṭaka*, *Cūlavagga*, *Pātimokkhud-desayācana*.

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa *Pubbārāma*, gần kinh-thành *Sāvattihī*. Trong ngày *Samgha uposatha* chư tỳ-khuru-Tăng đông đủ tụ hội tại *Sīmā*. Khi ấy, Đức-Phật ngự đến ngôi trên *Pháp-tòa*.

Canh đầu đêm đã qua, Ngài Trưởng-lão *Ānanda* chấp tay hướng về Đức-Thế-Tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, canh đầu đêm đã qua, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết dạy *ovādapātimokkha*. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn ngồi im lặng.

Canh giữa đêm đã qua, ...

Canh chót đêm đã qua, sắp rạng đông, Ngài Trưởng-lão *Ānanda* chấp tay hướng về Đức-Thế-Tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, canh chót đêm đã qua, sắp rạng đông, chư tỳ-khuru-Tăng ngồi chờ đợi đã lâu. Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết dạy *ovādapātimokkha*. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Ānanda! Trong nhóm chư tỳ-khuru này có tỳ-khuru phạm giới, giới không trong sạch.

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna suy xét rằng:

“Vây, Đức-Phật ám chỉ đến vị tỳ-khuru nào?”

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna sử dụng phép-thần-thông (*abhiññā*) xem xét thấy rõ, biết rõ vị tỳ-khuru ấy phạm giới, giới không trong sạch, hành ác, đáng bị chê trách, che giấu tội lỗi của mình, không phải bậc hành phạm-hạnh tự cho là bậc hành phạm-hạnh, tâm bị ô nhiễm bởi phiền não. Vị tỳ-khuru ấy đang ngồi trong nhóm chư tỳ-khuru có giới-hạnh trong sạch.

Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đến đứng trước vị tỳ-khuru phạm giới ấy, bảo rằng:

- Này tỳ-khuru phạm giới! Ngươi hãy đứng dậy đi ra khỏi nơi này, Đức-Thế-Tôn đã biết rõ ngươi rồi! Ngươi không được phép ngồi chung với chư tỳ-khuru-Tăng có giới-hạnh trong sạch.

Dù Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bảo như vậy, nhưng vị tỳ-khuru phạm giới vẫn ngò lì không chịu đi ra.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna nắm tay vị tỳ-khuru phạm giới ấy dắt ra khỏi cửa, rồi vào hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã bắt vị tỳ-khuru phạm giới ấy đưa ra khỏi nhóm chư tỳ-khuru-Tăng có giới-hạnh trong sạch.

- Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết dạy ovāda-pātimokkha. Bạch Ngài.

Đức-Phật thuyết giảng 8 điều phi thường trong đại dương với 8 điều phi thường trong Phật giáo xong, Đức-Phật thuyết bài kệ rằng:

*Channamativassati, vivaṭaṃ nātivassati.*<sup>(1)</sup>

*Tasmā channaṃ vivaretha, evaṃ taṃ nātivassati.*

*Phiền não thắm ướt tỳ-khuru che giấu āpatti.*

*Phiền não không thắm ướt tỳ-khuru sám hối āpatti.*

*Vì vậy, đã che giấu āpatti thì phải nên sám hối.*

*Như vậy, phiền não không thắm ướt tỳ-khuru đã sám hối āpatti.*

---

<sup>1</sup> Vinayapiṭaka, Cūlavagga, Pātimokkhaṭṭhapanakkhandhaka.

*Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:*

*- Nay chư tỳ-khuru! Kể từ nay về sau, Như-lai sẽ không đến dự ngày uposatha nữa, Như-lai không thuyết dạy ovādapātimokkha nữa.*

*Kể từ nay về sau, các con hành lễ saṃgha uposatha, các con tụng bhikkhupātimokkha.*

*- Nay chư tỳ-khuru! Chẳng do nhân do duyên nào, Như-lai dự ngày uposatha, Như-lai thuyết dạy ovādapātimokkha trong nhóm chư tỳ-khuru có tỳ-khuru phạm điều-giới, giới không trong sạch.*

*- Nay chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru có phạm điều-giới, không được phép vào ngôi chung với chư tỳ-khuru có giới-hạnh trong sạch, nghe bhikkhupātimokkha.*

*Tỳ-khuru nào nghe, tỳ-khuru ấy bị phạm điều-giới dukkaṭa.*

### **Kỳ kết tập Tam-tạng Pāli lần thứ nhất**

*Sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn được 3 tháng 4 ngày, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đứng ra tổ chức kỳ kết Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ nhất, gồm có 500 bậc Thánh A-ra-hán có tư-tuệ-phân-tích, lục-thông, đặc biệt thông thuộc Tam-tạng, rành Chú-giải Pāli do Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa*

chủ trì, tại động Sattapaṇṇi, gần kinh-thành Rājagaha, đất nước Māgadha.

**Tipiṭaka:** Tam-tạng đó là Vinayapiṭaka: Tạng-luật, Suttantapiṭaka: Tạng-kinh, Abhidhammapiṭaka: Tạng-vi-diệu-pháp. Trong 3 Tạng này, Tạng-luật là nền tảng của Phật-giáo.

“Vinayo nāma Buddhasāsanassa āyu,  
vinaye thite, sāsanaṃ thitam hoti.”<sup>(1)</sup>

(Tạng-luật gọi là tuổi thọ của Phật-giáo, khi Tạng-luật tồn tại thì Phật-giáo tồn tại.)

Chư Ngài Đại-Trưởng-lão đều tôn trọng Tạng-luật, nên các Ngài đã kết tập Tạng-luật đầu tiên. Tất cả mọi điều-giới và mọi pháp-hành Tăng-sự mà Đức-Phật đã chế-định đều thuộc về phần Tạng-luật.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa chủ trì tại động Sattapaṇṇi, đọc **tuyên-ngôn** (ñatti) trong đoạn cuối rằng:

“... Yadi Saṃghassa pattakallaṃ, Saṃgho appaṇṇattaṃ nappaṇṇapeyya paṇṇattaṃ na samucchindeyya, yathāpaṇṇattesu sikkhāpadesu samādāya vatteyya, esa ñatti.”

<sup>1</sup> Vinayapiṭaka, Pārājikakaṇḍaṭṭhakathā, Bāhiraṇidānakathā.

- ... Nếu hợp pháp đối với chư tỳ-khuru-Tăng, thì chư tỳ-khuru-Tăng không được phép chế-định thêm điều-giới nào mà Đức-Phật không chế-định, không được phép cắt bỏ điều-giới nào mà Đức-Phật đã chế-định. Chư tỳ-khuru-Tăng cần phải giữ gìn duy trì, thực hành nghiêm chỉnh đúng theo các điều-giới mà Đức-Phật đã chế-định. Đó là lời tuyên-ngôn.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa chủ trì tại động Sattapaṇṇi, đọc **thành-sự-ngôn** (kamma-vāca) trong đoạn cuối rằng:

“... Saṃgho appaṇṇattaṃ nappaṇṇapeti, paṇṇattaṃ na samucchindati, yathāpaṇṇattesu sikkhāpadesu samādāya vattati, yassāyasmato khamati appaṇṇattassa nappaṇṇāpanā, paṇṇattassa asamucchedo, yathāpaṇṇattesu sikkhāpadesu samādāya vattanā, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.

Saṃgho appaṇṇattaṃ nappaṇṇapeti, paṇṇattaṃ na samucchindati, yathāpaṇṇattesu sikkhāpadesu samādāya vattati, khamati Saṃghassa, tasmā tuṇhī evametam dhārayāmi.<sup>(1)</sup>

<sup>1</sup> Vinayaṭṭaka, Cūlavaggapāli, Pañcasatikakkhandhaka.



- ... Chư tỳ-khuru-Tăng không được phép chế-định thêm điều-giới nào mà Đức-Phật không chế-định, không được phép cắt bỏ điều-giới nào mà Đức-Phật đã chế-định. Chư tỳ-khuru-Tăng cần phải giữ gìn duy trì, thực hành nghiêm chỉnh đúng theo các điều-giới mà Đức-Phật đã chế-định.

Không được phép chế-định thêm điều-giới nào mà Đức-Phật không chế-định, không được phép cắt bỏ điều-giới nào mà Đức-Phật đã chế-định, cần phải giữ gìn duy trì, thực hành nghiêm chỉnh đúng theo các điều-giới mà Đức-Phật đã chế-định. Vị nào hài lòng thì Vị ấy ngồi làm thỉnh, nếu Vị nào không hài lòng thì xin Vị ấy phát biểu lên giữa chư tỳ-khuru-Tăng.

Chư tỳ-khuru-Tăng không được phép chế-định thêm điều-giới nào mà Đức-Phật không chế-định, không được phép cắt bỏ điều-giới nào mà Đức-Phật đã chế-định. Chư tỳ-khuru-Tăng cần phải giữ gìn duy trì, thực hành nghiêm chỉnh đúng theo các điều-giới mà Đức-Phật đã chế-định. Chư tỳ-khuru-Tăng đều hài lòng, vì vậy, đều ngồi làm thỉnh im lặng. Bản tăng xin ghi nhận trạng thái hài lòng bằng cách làm thỉnh im lặng ấy. Đó là lời thành-sự-ngôn.

**Điều-giới** của tỳ-khuru trong bhikkhupātimokkha gồm có 227 điều-giới, còn trong Tạng-luật gồm có 91.805.036.000 điều-giới. <sup>(1)</sup>

**Bhikkhupātimokkha** nghĩa là vị tỳ-khuru có tác-y giữ gìn các điều-giới của mình trong sạch và đầy đủ, giữ gìn thân và khẩu được trong sạch khỏi mọi ác-nghiệp nên không tự chê trách mình, tránh khỏi bị bậc thiện-trí chê trách, thoát khỏi 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh).

Vị tỳ-khuru có giới-hạnh trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát sinh và tăng trưởng, từ tam-giới thiện-pháp cho đến 9 siêu-tam-giới-pháp đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Để giới-hạnh của vị tỳ-khuru được trong sạch, mỗi vị tỳ-khuru cần phải học hỏi hiểu biết 227 điều-giới của tỳ-khuru và 14 pháp-hành của tỳ-khuru, rồi nghiêm chỉnh thực hành đầy đủ.

Mỗi khi biết phạm điều-giới nào, vị tỳ-khuru liền biết **cách sám hối điều-giới ấy**, làm cho giới của mình trong sạch trở lại, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát sinh và phát triển tốt.

---

<sup>1</sup> Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

Mỗi tháng có 2 ngày lễ **Samgha uposatha** tại Sīmā vào ngày 15 và ngày 14 cuối tháng thiếu<sup>(1)</sup>, mỗi vị tỳ-khuru không thể vắng mặt; và đặc biệt vào ngày rằm tháng 9 (âm-lịch) là ngày lễ **Pavāraṇā** thay ngày Samgha uposatha, mỗi vị tỳ-khuru lớn hạ, nhỏ hạ đều phải đọc lời pavāraṇā 3 lần giữa chư tỳ-khuru-Tăng.

Hàng năm đến ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), chư tỳ-khuru đều phải an cư nhập hạ tại một ngôi chùa hoặc một chỗ cố định nào trong suốt 3 tháng mùa mưa, không được phép tự thay đổi chỗ ở.

Sau khi chư tỳ-khuru mãn hạ 3 tháng mùa mưa, nếu có thí-chủ có trí-tuệ hiểu biết làm lễ cúng-dường kính dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khuru-Tăng, thì chư tỳ-khuru-Tăng được phép nhận y kathinacīvara ấy của các thí-chủ. Chư tỳ-khuru-Tăng chọn vị tỳ-khuru xứng đáng làm lễ thọ tâm y kathinacīvara ấy của chư tỳ-khuru-Tăng xong, chư tỳ-khuru-Tăng đồng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng.

---

<sup>1</sup> Một tháng đủ có 30 ngày chia ra 2 thời. Sukkapakkha: nửa tháng đầu từ ngày 1 đến ngày 15 (pannaraso), và kālapakkha: nửa tháng sau từ ngày 1 đến ngày 15 cuối tháng (pannaraso). Nếu tháng thiếu có 29 ngày, thì nửa tháng sau từ ngày 1 đến ngày 14 cuối tháng (cātuddaso).

Tất cả chư tỳ-khuru ấy hưởng được 5 đặc-ân trong 5 tháng kể từ ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) đến ngày rằm tháng 2 (âm-lịch), mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara.

Sau khi chư tỳ-khuru mãn hạ 3 tháng mùa mưa, nếu không có thí-chủ làm lễ kính dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khuru-Tăng, thì chư tỳ-khuru chỉ hưởng được 5 đặc-ân trong 1 tháng kể từ ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) đến ngày rằm tháng 10 (âm-lịch) mà thôi.

Quyển sách **Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt** này tuy nhỏ nhưng gom nhặt những điều nên biết đối với chư tỳ-khuru như sau:

\* Ngày lễ **Samgha uposatha** có 3 loại:

1- Samgha uposatha.

2- Gaṇa uposatha.

3- Puggala uposatha.

- Nếu chư tỳ-khuru-Tăng có 4 vị tỳ-khuru trở lên thì hành Tăng-sự Samgha uposatha tại Sīmā, vị tỳ-khuru luật-sư tụng bhikkhupātimokkha.

- Nếu chư tỳ-khuru-Tăng chỉ có 4 vị tỳ-khuru thì hành Tăng-sự Samgha uposatha tại Sīmā, vị tỳ-khuru luật-sư tụng bhikkhupātimokkha.

- Nếu chư tỳ-khuru chỉ có 3 vị tỳ-khuru thì hành lễ *gaṇa uposatha* tại *Sīmā*, vị tỳ-khuru tụng *ñatti*, rồi mỗi vị tỳ-khuru đọc lời *parisuddhi*.

- Nếu chư tỳ-khuru chỉ có 2 vị tỳ-khuru thì hành lễ *gaṇa uposatha* tại *Sīmā*, mỗi vị tỳ-khuru đọc lời *parisuddhi*.

- Nếu tỳ-khuru chỉ có 1 vị thì vị ấy hành lễ *puggala uposatha* tại *Sīmā*, vị tỳ-khuru đọc lời phát nguyện ngày *uposatha*.

Trong quyển sách này có trình bày nghi thức tụng *bhikkhupātimokkha tóm tắt* (xem trang 46).

\* Ngày lễ ***Samghapavāraṇā*** có 3 loại:

1- *Samghapavāraṇā*.

2- *Gaṇapavāraṇā*.

3- *Puggalapavāraṇā*.

- Nếu chư tỳ-khuru-Tăng có 5 vị tỳ-khuru trở lên thì hành Tăng-sự *Samghapavāraṇā* tại *Sīmā*, vị tỳ-khuru luật-sư tụng tuyên-ngôn *pavāraṇāñatti* xong, đầu tiên Ngài Đại-Trưởng-lão lớn hạ nhất đọc lời *pavāraṇā* 3 lần, tiếp theo Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ theo tuần tự cho đến vị tỳ-khuru nhỏ hạ nhất đọc lời *pavāraṇā* 3 lần.

- Nếu tỳ-khuru-Tăng chỉ có 5 vị tỳ-khuru thì hành Tăng-sự Saṃghapavāraṇā tại Sīmā, vị tỳ-khuru luật-sư tụng tuyên-ngôn pavāraṇāñatti xong, vị tỳ-khuru lớn hạ đọc lời pavāraṇā 3 lần, tiếp theo vị tỳ-khuru nhỏ hạ theo tuần tự đọc lời pavāraṇā 3 lần.

- Nếu tỳ-khuru chỉ có 4 vị tỳ-khuru thì hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā, vị tỳ-khuru luật-sư tụng tuyên-ngôn pavāraṇāñatti xong, vị tỳ-khuru lớn hạ đọc lời pavāraṇā 3 lần, tiếp theo vị tỳ-khuru nhỏ hạ theo tuần tự đọc lời pavāraṇā 3 lần.

- Nếu tỳ-khuru chỉ có 3 vị tỳ-khuru thì hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā, vị tỳ-khuru luật-sư tụng tuyên-ngôn pavāraṇāñatti xong, vị tỳ-khuru lớn hạ đọc lời pavāraṇā 3 lần, tiếp theo vị tỳ-khuru nhỏ hạ theo tuần tự đọc lời pavāraṇā 3 lần.

- Nếu tỳ-khuru chỉ có 2 vị tỳ-khuru thì hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā, vị tỳ-khuru lớn hạ đọc lời pavāraṇā 3 lần, tiếp theo vị tỳ-khuru nhỏ hạ đọc lời pavāraṇā 3 lần.

- Nếu tỳ-khuru chỉ có 1 vị thì hành lễ puggalavāraṇā tại Sīmā, vị tỳ-khuru ấy đọc lời phát nguyện ngày lễ pavāraṇā.

Vị tỳ-khuru nào đã phạm điều-giới, Đức-Phật

không cho phép vị tỳ-khuru ấy tham dự lễ Saṃgha uposatha, nghe tụng bhikkhupātimokkha và cũng không cho phép hành lễ Saṃghapavāraṇā, đọc lời pavāraṇā 3 lần.

Tuy nhiên, nếu vị tỳ-khuru nào đã phạm điều-giới (āpatti) nào thì làm lễ sám hối āpatti ấy. Sau khi làm lễ sám hối āpatti ấy xong, vị tỳ-khuru ấy có giới-hạnh trong sạch, được phép tham dự lễ Saṃgha uposatha, nghe tụng bhikkhupātimokkha và cũng được phép hành lễ Saṃghapavāraṇā, đọc lời pavāraṇā 3 lần.

Sau khi chư tỳ-khuru đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa, nếu có thí-chủ biết cúng-dường dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khuru-Tăng, Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru-Tăng nhận y kathinacīvara của thí-chủ, rồi chọn một vị tỳ-khuru xứng đáng làm lễ thọ tẩm y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng, đúng theo luật. Chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng xong, tất cả chư tỳ-khuru hưởng được 5 đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng trong 5 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) cho đến ngày rằm tháng 2 (âm-lịch), mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara.

*Quyển sách nhỏ “**Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt**” này, bản sư đã cố gắng sưu tầm gom nhặt nhiều nguồn tài liệu từ trong Tam-tạng Pāli, bộ Chú-giải Pāli, và các bộ sách khác chỉ được bấy nhiêu thôi!*

*Tuy bản sư cố gắng giải thích những điều nên biết đối với chư tỳ-khuru, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bản sư.*

*Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư tỳ-khuru có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin chư tỳ-khuru xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi vị tỳ-khuru có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung.*

*Bản sư kính cần đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư tỳ-khuru, và kính xin quý vị ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bản sư.*

*\* Quyển sách nhỏ “**Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt**” này được hoàn thành do nhờ nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem kỹ bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem*



kỹ lại bản thảo, làm thành quyển sách, in thành quyển sách nhỏ làm Pháp-thí dâng cúng đường đến chư tỳ-khuru.

*Bản sư vô cùng hoan-hỷ biết ơn tất cả quý vị.*

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khuru Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp-thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vamsarakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời kính dâng đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhân (chùa Thiên-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

*Con kính mong quý Ngài hoan-hỷ.*

***Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.***

*Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng*

con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

***Imaṃ puññābhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.***

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới.

Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, mong quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

***Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.***

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

*Nếu mỗi người trong chúng con chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, và cũng do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong 7 cõi thiện-dục-giới.*

*Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

*Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người, hưởng được mọi sự an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù được*

*thành tựu quả báu ở cõi trời, hưởng được mọi an lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.*

*Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi người chúng con chỉ có mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn mà thôi.*

*Ichchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,  
khippameva samijjhatu.*

*Điều mong ước, ý nguyện của chúng con  
Mong cầu sớm được thành tựu như ý.*

*PL. 2565 / DL. 2021  
Rừng Núi Viên Không  
xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ  
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

*Tỳ-khuru Hộ-Pháp  
(Dhammarakkhita Bhikkhu)  
(Aggamahāpaṇḍita)*



## MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO

LỜI NÓI ĐẦU

### BHIKKHUPĀTIMOKKHA

<b>Bhikkhupātimokkha đầy đủ</b> .....	1
- Nghi thức tụng bhikkhupātimokkha .....	3
- Bhikkhupātimokkha đầy đủ .....	6
Pātimokkhuddesa.....	12
- Cách tụng 5 loại bhikkhupātimokkha tóm tắt	13
- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhất	14
- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì	16
- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ ba .	19
- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ tư..	22
- Cách tụng bhikkhupātimokkha thứ năm.....	26
- Đức-Phật không cho phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt .....	32
- Đức-Phật cho phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, nếu có antarāya (trở ngại)....	33

- Antarāya có 10 loại .....	34
Tụng bhikkhupātimokkha là phận-sự của chư bậc Trưởng-lão.....	35
- Chuyện Ngài Trưởng-lão Mahākappina .....	41
- Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đi dự lễ Saṃgha uposatha.....	44
<b>Nghi thức tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt .....</b>	<b>46</b>
- Tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì.....	46
<b>Uposatha có 3 loại .....</b>	<b>51</b>
1- Saṃgha uposatha.....	52
2- Gaṇa uposatha .....	52
- Cách hành lễ parisuddhi uposatha 3 vị tỳ-khuru. 53	
- Cách hành lễ parisuddhi uposatha 2 vị tỳ-khuru. 55	
3- Puggala uposatha.....	56
- Cách hành lễ puggala uposatha .....	57
<b>Phần dịch nghĩa bhikkhupātimokkha tóm tắt ...</b>	<b>58</b>
- Tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì.....	62
- Phạm 4 điều-giới pārājika āpatti với 4 ví dụ ..	71
- Tỳ-khuru phạm điều-giới pārājika āpatti .....	73





2.2- Gaṇapavāraṇā có 2 vị tỳ-khuru .....	112
- Cách hành lễ gaṇapavāraṇā có 2 vị tỳ-khuru	113
3- Puggalapavāraṇā có 1 vị tỳ-khuru .....	115
- Tỳ-khuru có āpatti không được dự lễ pavāraṇā	116
- Lễ pavāraṇā có 4 cách.....	117
1- Đọc pavāraṇā 3 lần .....	117
2- Đọc pavāraṇā 2 lần .....	118
3- Đọc pavāraṇā 1 lần .....	118
4- Chư tỳ-khuru đồng hạ với nhau cùng đọc pavāraṇā 3 lần. ....	119
<b>Lễ dâng y kathina đến chư tỳ-khuru-tăng.....</b>	<b>121</b>
- Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru thọ y kathina .....	124
- Thời hạn tỳ-khuru hưởng 5 đặc-ân .....	126
- Tám y kathina (kathinacīvara) .....	127
- Thời gian, thí chủ làm lễ kính dâng y kathinacīvara....	128
- Thí-chủ làm lễ kính dâng y kathinacīvara ..	129
- Chư tỳ-khuru-Tăng nhận y kathinacīvara ....	129
- Lễ dâng y kathinacīvara thời xưa và thời nay .....	129

- Nghi lễ trao y kathinacīvara  
của tỳ-khuru-Tăng ..... 131
- Nghi thức thọ y kathinacīvara..... 134
- Nghi lễ thỉnh chư tỳ-khuru-Tăng  
anumodanā..... 137
- Chư tỳ-khuru đọc câu hoan-hỷ  
lễ thọ y kathina ..... 139
- Những tỳ-khuru không được đọc  
câu hoan-hỷ ..... 140
- Nhận y và thọ y kathinacīvara ..... 141
- Tỳ-khuru hưởng được 5 đặc-ân  
trọn 5 tháng với 2 điều-kiện .... 148

#### ĐOẠN KẾT

- Năm chi-pháp thành trở thành tỳ-khuru ..... 3
- Năm chi-pháp hoại không trở thành tỳ-khuru ... 4

#### PHẦN PHỤ LỤC



*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.  
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn  
ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

## **Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt**

Tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ là việc hành Tăng-sự của tất cả chư tỳ-khuru từ 4 vị tỳ-khuru trở lên trong ngày Saṃgha uposatha tại Sīmā, mỗi tháng 2 ngày: ngày pannaraso là ngày 15 và ngày cātuddaso là ngày 14 cuối tháng thiếu. <sup>(1)</sup>

Đức-Phật truyền dạy rằng:

*“Anujānāmi bhikkhave therādhikam  
pātimokkham.”* <sup>(2)</sup>

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép tụng  
bhikkhupātimokkha là phận-sự của Ngài Trưởng-  
lão cao hạ.*

**Bhikkhupātimokkha** gồm có 227 điều của tỳ-khuru, được chia ra làm 8 loại:

---

<sup>1</sup> Một tháng thiếu có 29 ngày chia ra 2 kỳ: nửa tháng đầu từ ngày 1 đến ngày 15 và nửa tháng sau thiếu từ ngày 1 đến ngày 14 cuối tháng.

<sup>2</sup> Vinayapiṭaka. Mahāvagga, Uposathakkhandhaka.

- 1- *Pārājika* có 4 điều-giới.
- 2- *Samghādisesa* có 13 điều-giới.
- 3- *Aniyata* có 2 điều-giới.
- 4- *Nissaggiya pācittiya* có 30 điều-giới.
- 5- *Suddha pācittiya* có 92 điều-giới.
- 6- *Pāṭidesanīya* có 4 điều-giới.
- 7- *Sekhiya* có 75 điều-giới.
- 8- *Adhikaraṇasamatha* có 7 điều.

Mỗi vị tỳ-khuru cần phải học hỏi hiểu biết rành rẽ mỗi điều-giới, biết cẩn trọng không để phạm điều-giới nào, biết giữ gìn 227 điều-giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn.

Nếu vị tỳ-khuru nào phạm điều-giới nào rồi, thì vị tỳ-khuru ấy có giới không trong sạch, có sự nguy hại (*antarāya*) làm trở ngại không thể chứng đắc các bậc thiền, và cũng không thể chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.

Nếu vị tỳ-khuru nào biết đã phạm điều-giới nhẹ nào rồi, thì vị tỳ-khuru ấy cần phải tìm đến vị tỳ-khuru khác để xin làm lễ sám hối điều-giới nhẹ ấy.

Sau khi sám hối điều-giới ấy xong, vị tỳ-khuru ấy có giới trở lại trong sạch trọn vẹn, làm nơi nương nhờ để thực hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,

4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm; và thực hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.

### **Nghi thức tụng bhikkhupātimokkha**

Trước khi hành Tăng-sự tụng bhikkhupātimokkha tại Sīmā, vị luật sư trình bày các việc, phận sự cần phải thực hiện trước.

1- **Pubbakaraṇa**: 4 việc cần phải làm trước

*Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca.*

*Uposathassa etāni, “pubbakaraṇan”ti vuccati.*

*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pubbakaraṇāni katāni.*

2- **Pubbakicca**: 5 phận sự cần phải trình trước

*Chanda pārisuddhi utukkhānaṃ,*

*bhikkhugaṇanā ca ovādo.*

*Uposathassa etāni, “pubbakiccan”ti vuccati.*

*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni pañca pubbakiccāni katāni.*

3- **Pattakalla**: 4 điều hợp thời đúng luật

*Uposatho yāvatikā ca bhikkhū kammappattā,*

*Sabhāgāpattiyo ca na vijjanti.*

*Vajjanīyā ca puggalā tasmim na honti,  
“pattakallan”ti vuccati.*

*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri patta-  
kallaṅgāni samānītāni.*

*Pubbakaraṇapubbakiccāni samāpetvā desitā-  
pattikassa samaggassa bhikkhusaṅghassa  
anumatīyā pātimokkhaṃ uddisitum ārādhanaṃ  
karoma.*

(Sau khi vị tỳ-khuru luật sư trình bày xong các điều trên.)

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*

### **Nidāna: Tụng tuyên-ngôn ñatti**

*Suṇātu me bhante<sup>(1)</sup> (āvuso) saṅgho,  
ajjuposatho pannaraso (cātuddaso)<sup>(2)</sup>, yadi  
saṅghassa pattakallaṃ, saṅgho uposathaṃ  
kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.*

<sup>1</sup> Vị tỳ-khuru nhỏ hạ dùng từ **bhante**, Ngài Trưởng-lão cao hạ dùng từ **āvuso**.

<sup>2</sup> Tháng thiếu nhằm vào ngày 14 cuối tháng gọi là **cātuddaso**.

*Kiṃ saṃghassa pubbakiccaṃ?*

*Pārisuddhiṃ āyasmanto ārocetha, pāti-mokkhaṃ uddisissāmi, taṃ sabbeva santā sādhukaṃ suṇoma manasi karoma. Yassa siyā āpatti, so āvikareyya, asantiyā āpattiyā tuṅhī bhavitabbaṃ, tuṅhībhāvena kho panāyasmante “parisuddhā”ti vedissāmi.*

*Yathā kho pana paccekapuṭṭhassa veyyākaraṇaṃ hoti, evameva evarūpāya parisāya yāvattiyāṃ anusāvitāṃ hoti. Yo pana bhikkhu yāvattiyāṃ anusāviyamāne saramāno santiṃ āpattiṃ nāvikareyya, sampajānamusāvādassa hoti. Sampajānamusāvādo kho panā’yasmanto antarāyiko dhammo vutto bhagavatā, tasmā saramānena bhikkhunā āpannena visuddhāpekkhena santī āpatti āvikātabbā āvikatā hi’ssa phāsu hoti.*

*Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Nidānaṃ niṭṭhitaṃ.*



## Bhikkhupātimokkha đầy đủ

Sau khi tụng nidāna xong, tiếp theo tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ gồm có 227 điều như sau:

### 1- Pārājika có 4 điều-giới

*Tatime cattāro pārājikā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārājikā dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā, pārājiko hoti asaṃvāso.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Pārājikaṃ niṭṭhitam.*

### 2- Saṃghādisesa có 13 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(2)</sup> ...*

---

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

<sup>2</sup> pe: peyyāla: 13 điều-giới còn lại chưa tụng.

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā nava paṭhamāpattikā, cattāro yāvata-tīyakā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā yāvatihaṃ jānaṃ paṭicchādeti, tāvatīhaṃ tena bhikkhunā akāmā parivatthabbaṃ. Parivutthaparivāsenā bhikkhunā uttari chārattaṃ bhikkhumānattāya paṭipajjitabbaṃ, ciñṇamānatto bhikkhu yattha siyā vīsatiṅgaṇo bhikkhusaṃgho, tattha so bhikkhu abbhetabbo. Ekenapi ce ūno vīsatiṅgaṇo bhikkhusaṃgho taṃ bhikkhuṃ abbheyya, so ca bhikkhu anabbhito, te ca bhikkhū gārayhā, ayam tattha sāmīci.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam dhārayāmīti.*

*Saṃghādiseso niṭṭhito.*

### 3- Aniyata có 2 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto dve aniyatā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto dve aniyatā dhammā.*

---

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 2 điều-giới còn lại chưa tụng.

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam dhārayāmīti.*

*Aniyato niṭṭhito.*

#### 4- Nissaggiyapācittiya có 30 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe)<sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam dhārayāmīti.*

*Nissaggiyapācittiyā niṭṭhitā.*

#### 5- Suddhapācittiya có 92 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto dvenavuti pācittiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe)<sup>(2)</sup> ...*

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 30 điều-giới còn lại chưa tụng.

<sup>2</sup> pe: peyyāla: 92 điều-giới còn lại chưa tụng.

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto dvenavuti pācittiyā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametam dhārayāmīti.*

*Pācittiyā niṭṭhitā.*

## 6- Pāṭidesanīya có 4 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto cattāro pāṭidesanīyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pāṭidesanīyā dhammā.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametam dhārayāmīti.*

*Pāṭidesanīyā niṭṭhitā.*

## 7- Sekhiya có 75 điều-giới

---

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

*Ime kho panāyasmanto sekhiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto sekhiyā dhammā.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Sekhiyā niṭṭhitā.*

## 8- Adhikaraṇasamatha có 7 điều

*Ime kho panāyasmanto satta adhikaraṇasamathā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(2)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto satta adhikaraṇasamathā dhammā.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Adhikaraṇasamathā niṭṭhitā.*

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 75 điều-giới còn lại chưa tụng.

<sup>2</sup> pe: peyyāla: 7 điều adhikaraṇasamatha còn lại chưa tụng.

- *Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.*
- *Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā terasa saṃghādisesā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā dve aniyatā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā dvenavuti pācittiyā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā sekhiyā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā satta adhikaraṇasamathā dhammā.*

*Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.*

*Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.*

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

## Pātimokkhuddesa <sup>(1)</sup>

Đức-Phật truyền dạy **pātimokkhuddesa** có 5 loại như sau:

1- Tỳ-khuru tụng *nidāna* xong, còn lại 8 loại tụng bằng **suta** (đã từng nghe), đó là *pātimokkhuddesa* thứ nhất.

2- Tỳ-khuru tụng *nidāna*, tụng *pārājika* có 4 điều-giới xong, còn lại 7 loại tụng bằng **suta**, đó là *pātimokkhuddesa* thứ nhì.

3- Tỳ-khuru tụng *nidāna*, tụng *pārājika* có 4 điều-giới, tụng *saṃghādisesa* có 13 điều-giới xong, còn lại 6 loại tụng bằng **suta**, đó là *pātimokkhuddesa* thứ ba.

4- Tỳ-khuru tụng *nidāna*, tụng *pārājika* có 4 điều-giới, tụng *saṃghādisesa* có 13 điều-giới, tụng *aniyata* có 2 điều-giới xong, còn lại 5 loại tụng bằng **suta**, đó là *pātimokkhuddesa* thứ tư.

5- Tỳ-khuru tụng đầy đủ 227 điều (từ đầu tụng *nidāna* cho đến cuối tụng *adhikaraṇasamatha* có 7 điều), đó là *pātimokkhuddesa* thứ 5.

- Nay chư tỳ-khuru! *Pātimokkhuddesa* có 5 loại như vậy.

---

<sup>1</sup> Vinayaṭṭaka. Mahāvagga, Saṅkhena pātimokkhuddesa.

### Cách tụng 5 loại bhikkhupātimokkha tóm tắt

Cách tụng 5 loại bhikkhupātimokkha tóm tắt tại Sīmā, phần đầu trước khi tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt hoàn toàn giống hệt như phần đầu tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ, tụng như sau:

1- **Pubbakaraṇa**: 4 việc cần phải làm trước  
*Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca.*  
*Uposathassa etāni, “pubbakaraṇan”ti vuccati.*  
*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pubba-*  
*karaṇāni katāni.*

2- **Pubbakicca**: 5 phận sự cần phải trình trước  
*Chanda pārisuddhi utukkhānaṃ,*  
*bhikkhugaṇanā ca ovādo.*  
*Uposathassa etāni, “pubbakiccan”ti vuccati.*  
*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni pañca pubba-*  
*kiccāni katāni.*

3- **Pattakalla**: 4 điều hợp thời đúng luật  
*Uposatho yāvatikā ca bhikkhū kammappattā,*  
*Sabhāgāpattiyo ca na vijjanti.*  
*Vajjanīyā ca puggalā tasmim na honti,*  
*“pattakallan”ti vuccati.*  
*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pattakallaṅ-*  
*gāni samānītāni.*



- *Pubbakaraṇapubbakiccāni samāpetvā desitā-pattikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa anumatiyā pātimokkhaṃ uddisitum ārādhanaṃ karoma.*

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

### 1- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhất

Đức-Phật truyền dạy rằng:

“Tỳ-khuru tụng *nidāna* xong, còn lại 8 loại tụng bằng *sūta* (đã từng nghe).”

Mọi nghi thức thực hành như sau:

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*

*Suṇātu me bhante (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.*

*Kim saṃghassa pubbakiccaṃ?*

*Pārisuddhiṃ āyasmanto ārocetha, pāti-mokkhaṃ uddisissāmi, taṃ sabbeva santā sādhukaṃ suṇoma manasi karoma. Yassa siyā āpatti, so āvikareyya, asantiyā āpattiyā tuṃhī*

*bhavitabbam, tuṅhībhāvena kho panāyasmante “parisuddhā”ti vedissāmi.*

*Yathā kho pana paccekapuṭṭhassa veyyākaraṇam hoti, evameva evarūpāya parisāya yāvattatīyam anusāvitam hoti. Yo pana bhikkhu yāvattatīyam anusāviyamāne saramāno santim āpattim nāvikareyya, sampajānamusāvādassa hoti. Sampajānamusāvādo kho panā’yasmanto antarāyiko dhammo vutto bhagavatā, tasmā saramānena bhikkhunā āpannena visuddhāpekkhena santī āpatti āvikātabbā āvikatā hi’ssa phāsu hoti.*

*Uddiṭṭham kho āyasmanto nidānam. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam dhārayāmīti.*

*Nidānuddeso niṭṭhito.*

- *Uddiṭṭham kho āyasmanto nidānam.*
- *Sutā kho panā’yasmantehi cattāro pārājikā dhammā.*
- *Sutā terasa saṃghādisesā dhammā.*
- *Sutā dve aniyatā dhammā.*

- *Sutā tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.*
- *Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā.*
- *Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.*
- *Sutā sekhiyā dhammā.*
- *Sutā satta adhikaraṇasamathā dhammā.*

*Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammadamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.*

*Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.*

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

## 2- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì

Sau khi tụng phần đầu trước khi tụng bhikkhupātimokkha xong, tiếp theo tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

*“Tỳ-khuru tụng nidāna, tụng pārājika có 4 điều-giới xong, còn lại 7 loại tụng bằng suta (đã từng nghe).”*

Mọi nghi thức thực hành như sau:

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*

*Suṇātu me **bhante** (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.*

*Kim saṃghassa pubbakiccaṃ? ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Nidānuddeso niṭṭhito.*

Tiếp theo tụng pārajika có 4 điều-giới

*Tatime cattāro pārajikā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(2)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārajikā dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā, pārajiko hoti asaṃvāso.*

<sup>1</sup> pe: peyyāla: Nidāna còn lại chưa tụng.

<sup>2</sup> pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuñhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Pārājikuddeso niṭṭhito.*

- *Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.*
- *Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā.*
- *Sutā kho pan'āyasmantehi terasa saṃghādisesā dhammā.*
- *Sutā dve aniyatā dhammā.*
- *Sutā tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.*
- *Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā.*
- *Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.*
- *Sutā sekhiyā dhammā.*
- *Sutā satta adhikaraṇasamathā dhammā.*

*Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.*

*Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.*

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

### 3- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ ba

Sau khi tụng phần đầu trước khi tụng bhikkhupātimokkha xong, tiếp theo tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ ba.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

“Tỳ-khuru tụng *nidāna*, tụng *pārājika* có 4 điều-giới, tụng *saṃghādisesa* có 13 điều-giới xong, còn lại 6 loại tụng bằng *suta* (đã từng nghe).”

Mọi nghi thức thực hành như sau:

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*

*Suṇātu me bhante (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.*

*Kiṃ saṃghassa pubbakiccaṃ? ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametam dhārayāmīti.*

*Nidānuddeso niṭṭhito.*

---

<sup>1</sup> pe: peyyāla: Nidāna còn lại chưa tụng.

Tiếp theo tụng pārajika có 4 điều-giới

*Tatrimē cattāro pārajikā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārajikā dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā, pārajiko hoti asaṃvāso.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhet-thāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam dhārayāmīti.*

*Pārajikuddeso niṭṭhito.*

Tiếp theo tụng saṃghādisesa có 13 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(2)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā nava paṭhamāpattikā, cattāro yāva-tatiyakā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā yāvatīhaṃ jānaṃ paṭicchādeti, tāva-*

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

<sup>2</sup> pe: peyyāla: 13 điều-giới còn lại chưa tụng.

*tīhaṃ tena bhikkhunā akāmā parivatthabbaṃ. Parivutthaparivāsenā bhikkhunā uttari chārattaṃ bhikkhumānattāya paṭipajjitabbaṃ, ciñṇamānatto bhikkhu yattha siyā vīsatiḡaṇo bhikkhusaṃgho, tattha so bhikkhu abbhetabbo. Ekenapi ce ūno vīsatiḡaṇo bhikkhusaṃgho taṃ bhikkhuṃ abhēyya, so ca bhikkhu anabbhito, te ca bhikkhū gārayhā, ayaṃ tattha sāmīci.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam dhārayāmīti.*

*Samghādisesuddeso niṭṭhito.*

- *Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.*
- *Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā terasa saṃghādisesā dhammā.*
- *Sutā kho pan'āyasmantehi dve aniyatā dhammā.*
- *Sutā tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.*
- *Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā.*
- *Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.*
- *Sutā sekhiyā dhammā.*
- *Sutā satta adhikaraṇasamathā dhammā.*



*Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.*

*Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.*

Tất cả chư Tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

#### 4- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ tư

Sau khi tụng phần đầu trước khi tụng bhikkhupātimokkha xong, tiếp theo tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ tư.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

“Tỳ-khuru tụng *nidāna*, tụng *pārājika* có 4 điều-giới, tụng *saṃghādisesa* có 13 điều-giới, tụng *aniyata* có 2 điều-giới xong, còn lại 5 loại tụng bằng *suta* (đã từng nghe).”

Mọi nghi thức thực hành như sau:

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*

*Suṇātu me bhante (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.*

*Kim saṃghassa pubbakiccaṃ? ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.  
Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā,  
dutiyaṃpi pucchāmi, kaccittha parisuddhā,  
tatiyaṃpi pucchāmi, kaccittha parisuddhā,  
parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam  
dhārayāmi.*

*Nidānuddeso niṭṭhito.*

Tiếp theo tụng pārajika có 4 điều-giới

*Tatthime cattāro pārajikā dhammā uddesaṃ  
āgacchanti. ... (pe) <sup>(2)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārajikā  
dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā  
aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi  
saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā,  
pārajiko hoti asaṃvāso.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā,  
dutiyaṃpi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyaṃpi  
pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhet-  
thāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam dhārayāmi.*

*Pārajikuddeso niṭṭhito.*

<sup>1</sup> pe: peyyāla: Nidāna còn lại chưa tụng.

<sup>2</sup> pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

Tiếp theo tụng samghādisesa có 13 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto terasa samghādisesā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto terasa samghādisesā dhammā nava paṭhamāpattikā, cattāro yāvata-tiyakā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā yāvatiṃhaṃ jānaṃ paṭicchādeti, tāvatiṃhaṃ tena bhikkhunā akāmā parivatthabbaṃ. Parivutthaparivāsenā bhikkhunā uttari chārattaṃ bhikkhumānattāya paṭipajjitabbaṃ, ciñṇamānatto bhikkhu yattha siyā vīsatiṃhaṃ bhikkhusaṃgho, tattha so bhikkhu abbhetaṃ. Ekenapi ce ūno vīsatiṃhaṃ bhikkhusaṃgho taṃ bhikkhuṃ abhēyya, so ca bhikkhu anabbhito, te ca bhikkhū gārayhā, ayaṃ tattha sāmīci.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam dhārayāmīti.*

*Samghādisesuddeso niṭṭhito.*

Tiếp theo tụng aniyata có 2 điều-giới

---

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 13 điều-giới còn lại chưa tụng.

*Ime kho panāyasmanto dve aniyatā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto dve aniyatā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam dhārayāmīti. Aniyatuddeso niṭṭhito.*

- *Uddiṭṭham kho āyasmanto nidānaṃ.*
- *Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā terasa saṃghādisesā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā dve aniyatā dhammā.*
- *Sutā kho pan'āyasmantehi tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.*
- *Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā.*
- *Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.*
- *Sutā sekhiyā dhammā.*
- *Sutā satta adhikaraṇasamathā dhammā.*

*Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.*

*Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.*

---

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 2 điều-giới còn lại chưa tụng.

Tất cả chư Tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

### 5- Cách tụng bhikkhupātimokkha thứ năm

Sau khi tụng phần đầu trước khi tụng bhikkhupātimokkha xong, tiếp theo tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ thứ năm.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

“Tỳ-khuru tụng *nidāna*, tụng *pārājika* (có 4 điều-giới), tụng *saṃghādisesa* (có 13 điều-giới), tụng *aniyata* (có 2 điều-giới), tụng *nissiya-pācittiya* (có 30 điều-giới), tụng *pācittiya* (có 92 điều-giới), tụng *pāṭidesanīya* (có 4 điều-giới), tụng *sekhiya* (có 75 điều-giới), tụng *adhikaraṇa-samatha* (có 7 điều).

Mọi nghi thức thực hành như sau:

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*

*Suṇātu me bhante (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.*

*Kim saṃghassa pubbakiccaṃ? ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.  
Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā,  
dutiyaṃpi pucchāmi, kaccittha parisuddhā,  
tatiyaṃpi pucchāmi, kaccittha parisuddhā,  
parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam  
dhārayāmi.*

*Nidānuddeso niṭṭhito.*

Tiếp theo tụng pārajika có 4 điều-giới

*Tatime cattāro pārajikā dhammā uddesaṃ  
āgacchanti. ... (pe) <sup>(2)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārajikā  
dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā  
aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi  
saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā,  
pārajiko hoti asaṃvāso.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā,  
dutiyaṃpi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyaṃpi  
pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhet-  
thāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametam dhārayāmi.*

*Pārajikuddeso niṭṭhito.*

<sup>1</sup> pe: peyyāla: Nidāna còn lại chưa tụng.

<sup>2</sup> pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

Tiếp theo tụng saṃghādisesa có 13 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā nava paṭhamāpattikā, cattāro yāvata-tiyakā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā yāvatīhaṃ jānaṃ paṭicchādeti, tāvatīhaṃ tena bhikkhunā akāmā parivatthabbaṃ. Parivutthaparivāsenā bhikkhunā uttari chārattaṃ bhikkhumānattāya paṭipajjitabbaṃ, cinṇamānatto bhikkhu yattha siyā vīsatiḡaṇo bhikkhusaṃgho, tattha so bhikkhu abbhetaṃ. Ekenapi ce ūno vīsatiḡaṇo bhikkhusaṃgho taṃ bhikkhuṃ abhēyya, so ca bhikkhu anabbhito, te ca bhikkhū gārayhā, ayaṃ tattha sāmīci.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Saṃghādisesuddeso niṭṭhito.*

Tiếp theo tụng aniyata có 2 điều-giới

---

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 13 điều-giới còn lại chưa tụng.

*Ime kho panāyasmanto dve aniyatā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto dve aniyatā dhammā. Tathāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametam dhārayāmīti.*

*Aniyatuddeso niṭṭhito.*

Tiếp theo tụng nissaggiyapācittiya có 30 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(2)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.*

*Tathāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametam dhārayāmīti.*

*Nissaggiyapācittiyā niṭṭhitā.*

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 2 điều-giới còn lại chưa tụng.

<sup>2</sup> pe: peyyāla: 30 điều-giới còn lại chưa tụng.



Tiếp theo tụng suddhapācittiya có 92 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto dvenavuti pācittiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti.... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto dvenavuti pācittiyā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Pācittiyā niṭṭhitā.*

Tiếp theo tụng pāṭidesanīya có 4 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto cattāro pāṭidesanīyā dhammā uddesaṃ āgacchanti.... (pe) <sup>(2)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pāṭidesanīyā dhammā.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Pāṭidesanīyā niṭṭhitā.*

---

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 92 điều-giới còn lại chưa tụng.

<sup>2</sup> pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

Tiếp theo tụng sekhiya có 75 điều-giới

*Ime kho panāyasmanto sekhiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(1)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto sekhiyā dhammā.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Sekhiyā niṭṭhitā.*

Tiếp theo tụng adhikaraṇasamatha có 7 điều

*Ime kho panāyasmanto satta adhikaraṇasamathā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) <sup>(2)</sup> ...*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto satta adhikaraṇasamathā dhammā.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṅhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Adhikaraṇasamathā niṭṭhitā.*

---

<sup>1</sup> pe: peyyāla: 75 điều-giới còn lại chưa tụng.

<sup>2</sup> pe: peyyāla: 7 điều adhikaraṇasamatha còn lại chưa tụng.

- *Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.*
- *Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā terasa saṃghādisesā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā dve aniyatā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā dvenavuti pācittiyā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā sekhiyā dhammā.*
- *Uddiṭṭhā satta adhikaraṇasamathā dhammā.*

*Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.*

*Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.*

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

### **Đức-Phật không cho phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt**

Một số vị tỳ-khuru biết Đức-Phật truyền dạy cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, nên mỗi kỳ đến ngày Saṃgha uposatha các vị tỳ-khuru ấy tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt.

Chư tỳ-khuru bạch với Đức-Phật về chuyện các vị tỳ-khuru ấy. Đức-Phật cấm rằng:

*“Na bhikkhave saṃkhittena pātimokkhaṃ uddisitabbam, yo uddiseyya, āpatti dukkaṭassāti.”*

- *Này chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru không được phép tụng pātimokkha tóm tắt. Tỳ-khuru nào tụng pātimokkha tóm tắt, tỳ-khuru ấy phạm āpatti dukkaṭa (làm bậy).*

### **Đức-Phật cho phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, nếu có antarāya (trở ngại)**

Một thuở nọ, một ngôi chùa ở tại làng quê, đám dân làng kéo nhau tràn vào chùa trong ngày lễ Saṃgha uposatha. Vì vậy, chư tỳ-khuru-Tăng không thể hành Tăng-sự tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ trọn vẹn được.

Sau đó, chư tỳ-khuru bạch với Đức-Phật về trường-hợp ấy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

*“Anujānāmi bhikkhave sati antarāye saṃkhittena pātimokkhaṃ uddisituṃ.”*

- *Này chư tỳ-khuru! Khi có antarāya (trở ngại), Như-lai cho phép các con tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt.*

Về sau, nhóm tỳ-khuru chabbaggī (nhóm 6 vị tỳ-khuru) không có điều antarāya (trở ngại), cũng tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt. Chư tỳ-khuru bạch chuyện ấy với Đức-Phật.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

*“Na bhikkhave asati antarāye saṃkhittena pātimokkham uddisitabbam, yo uddiseyya, āpatti dukkaṭassa.”*

- *Này chư tỳ-khuru! Khi không có điều trở ngại, tỳ-khuru không được phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt. Vị tỳ-khuru nào tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, vị tỳ-khuru ấy phạm āpatti dukkaṭa.*

**Antarāya có 10 loại:**

- 1- Đức-vua (đại diện chính quyền) đến chùa.
- 2- Bọn trộm cướp vào chùa.
- 3- Lửa cháy chùa.
- 4- Nước lụt tràn vào chùa.
- 5- Nhiều người đến chùa.
- 6- Phi-nhân nhập vị tỳ-khuru.
- 7- Thú dữ vào chùa.
- 8- Rắn độc bò vào chùa.
- 9- Tỳ-khuru lâm bệnh nặng, hoặc tỳ-khuru chết.
- 10- Có sự tai hại đến phạm-hạnh của tỳ-khuru.

Nếu có điều antarāya (trở ngại) nào xảy ra thì Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru-Tăng tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt. Nếu không có điều antarāya (trở ngại) nào thì chư tỳ-khuru-Tăng tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ trọn vẹn.

### **Tụng bhikkhupātimokkha là phận sự của chư bậc Trưởng-lão**

\* Một ngôi chùa có nhiều vị tỳ-khuru, vào ngày Saṃgha uposatha là ngày chư tỳ-khuru-Tăng hành Tăng-sự tụng bhikkhupātimokkha tại Sīmā. Đức-Phật cho phép tụng bhikkhupātimokkha là phận-sự của Ngài Trưởng-lão cao hạ.

Chư tỳ-khuru kính thỉnh Ngài Trưởng-lão cao hạ nhất rằng:

*- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, hôm nay là ngày Saṃgha uposatha. Chúng con kính thỉnh Ngài Trưởng-lão tụng bhikkhupātimokkha. Bạch Ngài.*

Ngài Trưởng-lão cao hạ nhất dạy rằng:

*- Nay quý āvuso! Tôi tụng bhikkhupātimokkha không được.*

Kế tiếp, chư tỳ-khuru kính thỉnh Ngài Trưởng-lão cao hạ thứ nhì tụng bhikkhupātimokkha. Ngài

Trưởng-lão cao hạ thứ nhì cũng không tụng bhikkhupātimokkha được.

Kế tiếp, chư tỳ-khuru kính thỉnh Ngài Trưởng-lão cao hạ thứ ba tụng bhikkhupātimokkha. Ngài Trưởng-lão cao hạ thứ ba cũng không tụng bhikkhupātimokkha được. v.v...

Các Ngài Trưởng-lão cao hạ trong chùa đều không biết tụng bhikkhupātimokkha, nhưng có vị tỳ-khuru nhỏ hạ biết tụng bhikkhupātimokkha, nên chư tỳ-khuru đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, rồi bạch với Đức-Phật về tình hình trong chùa như vậy.

Nghe chư tỳ-khuru bạch như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

*“Anujānāmi bhikkhave, yo tattha bhikkhuṃ byatto paṭibalo tassādheyyaṃ pātimokkaṃ.”*

- *Này chư tỳ-khuru! Trong ngôi chùa có nhiều vị tỳ-khuru như vậy, nếu có tỳ-khuru nào có khả năng tụng bhikkhupātimokkha được thì Như-lai cho phép vị tỳ-khuru ấy tụng bhikkhupātimokkha trong ngày Saṃgha uposatha.*

\* Một ngôi chùa có các Ngài Trưởng-lão lớn hạ và chư tỳ-khuru nhỏ hạ, trong ngày Saṃgha

uposatha không có một vị nào có khả năng tụng bhikkhupātimokkha được cả.

Chư tỳ-khuru đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch với Đức-Phật về tình hình trong chùa ngày Saṃgha uposatha như vậy.

Nghe chư tỳ-khuru bạch như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép vị tỳ-khuru Trưởng-lão cao hạ chọn một tỳ-khuru khỏe mạnh có trí-nhớ tốt đi đến ngôi chùa gần, đi và trở về kịp trong ngày Saṃgha uposatha ấy, truyền bảo vị tỳ-khuru ấy rằng:*

*“Gacchāvuso saṃkhittena vā vitthārena vā pātimokkhaṃ pariyāpuṇitvāna āgacchāhi.”*

- *Này tỳ-khuru! Con nên đi học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ xong, rồi trở về chùa kịp trong ngày hôm nay!”*

Đức-Phật còn truyền dạy rằng:

*“Na bhikkhave therena āṇattena agilānena na gantabbaṃ, yo na gaccheyya, āpatti dukkaṭassa.”*

- *Này chư tỳ-khuru! Vị tỳ-khuru không bệnh, khỏe mạnh, được Ngài Trưởng-lão truyền bảo đi*



*học bhikkhupātimokkha mà không đi, bị phạm điều-giới dukkaṭa.*

Cho nên, chư tỳ-khuru, chư sa-di ở trong ngôi chùa phải biết kính trọng vâng lời dạy bảo của Ngài Trưởng-lão cao hạ.

\* Một ngôi chùa có nhiều chư tỳ-khuru-Tăng, có các Ngài Trưởng-lão cao hạ và chư tỳ-khuru nhỏ hạ; trong ngày Saṃgha uposatha, không có vị tỳ-khuru nào có khả năng tụng bhikkhupātimokkha được cả.

Chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch với Đức-Phật về tình hình trong chùa ngày Saṃgha uposatha như vậy.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

*“Tehi bhikkhave bhikkhūhi eko bhikkhu sāmāntā āvāsā sajjukaṃ pāhetabbo “gacchāvuso saṃkhittena vā vitthārena vā pātimokkhaṃ pariyāpuṇitvā āgacchā”ti evañcetaṃ labhetha, iccetaṃ kusalaṃ.*

*No ce labbhetha, tehi bhikkhave bhikkhūhi sabbeheva yattha jānanti uposathaṃ vā uposathakammaṃ vā pātimokkhaṃ vā pātimokkhuddesaṃ*

*vā, so avāso gantabbo no ce gaccheyyum āpatti dukkaṭassa.*”<sup>(1)</sup>

- *Này chư tỳ-khuru! Chư tỳ-khuru ấy gọi vị tỳ-khuru có trí nhớ tốt đi đến ngôi chùa gần, đi và trở về kịp trong ngày Saṃgha uposatha ấy, truyền bảo vị tỳ-khuru ấy rằng:*

- *“Này tỳ-khuru! Con nên đi học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ xong, rồi trở về chùa kịp trong ngày hôm nay!”*

*Nếu có vị tỳ-khuru như vậy thì đó là điều tốt.*

*Nếu không được như vậy thì tất cả mọi vị tỳ-khuru trong ngôi chùa cùng nhau đến ngôi chùa mà có vị tỳ-khuru hiểu biết ngày uposatha hoặc biết cách hành lễ uposatha hoặc hiểu biết bhikkhupātimokkha hoặc biết tụng bhikkhupātimokkha ấy để dự lễ hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha.*

*Nếu tất cả mọi vị tỳ-khuru ấy không dẫn nhau đi đến ngôi chùa ấy để dự lễ hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha thì tất cả mọi vị tỳ-khuru ấy đều bị phạm điều-giới dukkaṭa.*

---

<sup>1</sup> Vi. Mahāvagga, Uposathakkhaka, Parisuddhidānakathā.

\* Chư tỳ-khuru có nhiều vị ở trong ngôi chùa không có vị nào hiểu biết ngày uposatha hoặc biết cách hành lễ uposatha hoặc hiểu biết bhikkhupātimokkha hoặc biết tụng bhikkhupātimokkha.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Trong ngày Saṃgha uposatha vị tỳ-khuru cao hạ gởi vị tỳ-khuru có trí nhớ tốt đi đến ngôi chùa gần, đi và trở về kịp trong ngày ấy, truyền bảo vị tỳ-khuru ấy rằng:*

- *“Này tỳ-khuru! Con nên đi học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ xong, rồi trở về chùa kịp trong ngày hôm nay!”*

*Nếu có vị tỳ-khuru như vậy thì đó là điều tốt.*

*Nếu không được thì Ngài Trưởng-lão cao hạ gởi vị tỳ-khuru có trí nhớ tốt đi đến ngôi chùa gần ấy ở lại một thời gian ngắn (7 ngày), truyền bảo với vị tỳ-khuru ấy rằng:*

- *Này tỳ-khuru! Con cố gắng học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ, rồi con trở về chùa.*

*Nếu có được tỳ-khuru như vậy thì đó là điều tốt.*

*Nếu không có được tỳ-khuru như vậy thì tất cả mọi tỳ-khuru không nên ở, không nên an cư nhập*

*hạ tại ngôi chùa ấy, nếu vẫn còn ở lại thì tất cả tỳ-khưu ấy đều bị phạm điều-giới dukkaṭa.*

Tuy nhiên, ngày Saṃgha uposatha là ngày quan trọng không chỉ đối với chư tỳ-khưu phạm-nhân mà còn đối với chư bậc Thánh A-ra-hán cao thượng nữa.

### **Chuyện Ngài Trưởng-lão Mahākappina<sup>(1)</sup>**

Một thuở nọ, Ngài Trưởng-lão Mahākappina là bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, trú tại khu rừng Maddakucchi gần kinh-thành Rājagaha.

Hôm ấy là ngày Saṃgha uposatha, Ngài Trưởng-lão ngồi nơi thanh vắng, một ý nghĩ phát sinh lên rằng:

*“Ta nên đi dự lễ uposatha hay không nên đi; ta nên đi hành lễ Saṃghakamma hay không nên đi. Sự thật, ta là bậc Thánh-nhân hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh.”*

Khi ấy, Đức-Phật đang ngự tại núi Gijjhakūṭa, biết ý nghĩ của Ngài Trưởng-lão Mahākappina với tâm của Đức-Phật, nên Đức-Phật biến thân từ núi Gijjhakūṭa hiện thân ra trước mặt Ngài

---

<sup>1</sup> Vi. Mahāvagga, Uposathakhandhaka, Mahākappinavatthu.

Trưởng-lão Mahākappina tại khu rừng Maddakucchi, nhanh ví như người khỏe mạnh co cánh tay vào hoặc duỗi cánh tay ra vậy.

Đức-Phật ngự ngôi chỗ ngồi đã sắp sẵn. Ngài Trưởng-lão Mahākappina cung-kính đánh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Khi ấy, Đức-Phật truyền hỏi Ngài Trưởng-lão Mahākappina rằng:

- *Này Mahākappina! Con ngồi một mình nơi thanh vắng, một ý nghĩ phát sinh rằng:*

*“Ta nên đi dự lễ uposatha hay không nên đi; ta nên đi hành lễ Saṃghakamma hay không nên đi. Sự thật, ta là bậc Thánh-nhân hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh.”*

*Có đúng như vậy hay không?*

Ngài Trưởng-lão Mahākappina kính bạch với Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thật có đúng như vậy. Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền bảo rằng:

*“Tumhe ce Brāhmanā uposathaṃ na sakka-rissatha na garukarissatha na mānessatha na*

*pūjessatha, atha ko carahi uposathaṃ sakkariṣṣati garukariṣṣati mānessati pūjessati.*

*Gaccha tvaṃ Brāhmana uposathaṃ, mā no agamāsi, gaccha tvaṃ saṃghakammaṃ, mā no agamāsi.”*

- *Này chư Phạm-hạnh cao thượng! Nếu các con không tôn kính, không tôn trọng, không cung kính, không kính lễ uposatha, như vậy thì người nào sẽ tôn kính, sẽ tôn trọng, sẽ cung kính, sẽ kính lễ uposatha.*

- *Này bậc Phạm-hạnh cao thượng! Con phải đi dự lễ uposatha, con không đi dự lễ không được! Con phải đi hành Tăng-sự uposathakamma, con không đi hành Tăng-sự không được!*

Ngài Trưởng-lão Mahākappina cung-kính vâng lời truyền dạy của Đức-Phật.

Đức-Phật khuyên dạy như vậy, Ngài Trưởng-lão Mahākappina phát sinh đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ lời giáo huấn của Đức-Phật.

Khi ấy, Đức-Phật biến thân tại khu rừng Maddakucchi, rồi hiện thân tại núi Gijjhakūta nhanh ví như người khỏe mạnh co cánh tay vào hoặc duỗi cánh tay ra vậy.

## Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đi dự lễ Saṃgha uposatha <sup>(1)</sup>

Thuở nọ, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa từ xóm nhà Andhakavinda đi đến kinh-thành Rājagaha để hành lễ Saṃghakamma trong ngày Saṃgha uposatha, trên đường đi phải băng qua con sông, dòng nước chảy làm y của Ngài Đại-Trưởng-lão bị ướt một phần.

Chư tỳ-khưu thấy vậy bạch hỏi Ngài Đại-Trưởng-lão rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, do nguyên-nhân nào làm y của Ngài Đại-Trưởng-lão ướt như vậy? Bạch Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa cho biết:

- *Này các hiền-đệ! Tôi từ xóm nhà Andhakavinda đi đến kinh-thành Rājagaha để hành lễ Saṃghakamma trong ngày Saṃgha uposatha, trên đường đi phải băng qua con sông, dòng nước chảy làm y của tôi bị ướt một phần như vậy, đó là nguyên nhân làm ướt y của tôi.*

---

<sup>1</sup> Vinayaṭṭaka. Mahāvagga, Uposathakhandhaka.

Cho nên, Saṃgha uposatha là ngày tối ư quan trọng đối với tất cả chư tỳ-khuru phạm-nhân và chư tỳ-khuru bậc Thánh-nhân.

Ngày Saṃgha uposatha, nếu có 4 vị tỳ-khuru trở lên, chư tỳ-khuru-Tăng cần phải hành Tăng-sự tại Sīmā, tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ trọn vẹn.

Nhưng trường hợp nếu có antarāya (trở ngại) nào trong 10 loại antarāya (trở ngại) thì Đức-Phật cho phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt.

Hoặc trường hợp trong chùa có các Ngài Trưởng-lão cao hạ và chư tỳ-khuru nhỏ hạ, trong ngày Saṃgha uposatha không có vị nào tụng bhikkhupātimokkha được, Đức-Phật cho phép Ngài Trưởng-lão cao hạ chọn vị tỳ-khuru có trí nhớ tốt, gửi đi đến ngôi chùa gần, để học ***bhikkhupātimokkha tóm tắt*** hoặc ***đầy đủ*** xong, rồi trở về kịp trong ngày Saṃgha uposatha, để chư tỳ-khuru-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, tụng bhikkhupātimokkha.



## Nghi thức tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt

Ví dụ:

### Tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì

Đức-Phật truyền dạy rằng:

“Tỳ-khuru tụng *nidāna*, tụng *pārājika* có 4 điều-giới xong, còn lại 7 loại tụng bằng *suta* (đã từng nghe).”

Chư tỳ-khuru hành Tăng-sự tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt tại Sīmā. Một vị luật sư trình bày những việc, phạm sự nên thực hiện trước khi tụng tuyên ngôn và bhikkhupātimokkha.

1- **Pubbakaraṇa**: 4 việc cần phải làm trước

*Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca.*

*Uposathassa etāni, “pubbakaraṇan”ti vuccati.*

*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pubbakaraṇāni katāni.*

2- **Pubbakicca**: 5 phạm sự cần phải trình trước

*Chanda pārissuddhi utukkhānaṃ,*

*bhikkhugaṇanā ca ovādo.*

*Uposathassa etāni, “pubbakiccan”ti vuccati.*

*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni pañca pubbakiccāni katāni.*

### 3- **Pattakalla**: 4 điều hợp thời đúng luật

*Uposatho yāvatikā ca bhikkhū kammappattā,  
Sabhāgāpattiyo ca na vijjanti.*

*Vajjanīyā ca puggalā tasmim na honti,  
“pattakallan”ti vuccati.*

*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri patta-  
kallaṅgāni samānītāni.*

*Pubbakaraṇapubbakiccāni samāpetvā desitā-  
pattikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa  
anumatiyā pātimokkhaṃ uddisitum ārādhanam  
karoma.*

(Sau khi vị tỳ-khưu luật sư trình bày xong các điều trên.)

Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*  
(3 lần)

### **Nidāna**: Tụng tuyên-ngôn ñatti

*Suṇātu me bhante<sup>(1)</sup> (āvuso) saṃgho,  
ajjuposatho pannaraso (cātuddaso)<sup>(2)</sup>, yadi*

<sup>1</sup> Vị tỳ-khưu nhỏ hạ dùng từ *bhante*, Ngài Trưởng-lão cao hạ dùng từ *āvuso*.

<sup>2</sup> Tháng thiếu nhằm vào ngày 14 cuối tháng gọi là *cātuddaso*.

*saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.*

*Kim saṃghassa pubbakiccaṃ?*

*Pārisuddhiṃ āyasmanto ārocetha, pātimokkhaṃ uddisissāmi, taṃ sabbeva santā sādhukaṃ suṇoma manasi karoma. Yassa siyā āpatti, so āvikareyya, asantiyā āpattiyā tuṇhī bhavitabbaṃ, tuṇhībhāvena kho panāyasmante “parisuddhā”ti vedissāmi.*

*Yathā kho pana paccekapuṭṭhassa veyyākaraṇaṃ hoti, evameva evarūpāya parisāya yāvattiyāṃ anusāvitāṃ hoti. Yo pana bhikkhu yāvattiyāṃ anusāviyamāne saramāno santiṃ āpattiṃ nāvikareyya, sampajānamusāvādassa hoti. Sampajānamusāvādo kho panā’yasmanto antarāyiko dhammo vutto bhagavatā, tasmā saramānena bhikkhunā āpannena visuddhā-pekkhena santī āpatti āvikātabbā āvikatā hi’ssa phāsu hoti.*

*Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.*

*Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Nidānuddeso niṭṭhito.*

Tiếp theo tụng pārajika có 4 điều-giới như sau:

*Tatrimē cattāro pārajikā dhammā uddesaṃ āgacchanti.*

### 1- Methunadhamma sikkhāpada

*Yo pana bhikkhu bhikkhūnaṃ sikkhā-sājīvasamāpanno sikkhaṃ appaccakkhāya dubbalyaṃ anāvikatvā methunaṃ dhammaṃ paṭiseveyya, antamaso tiracchānagatāyapi, pārajiko hoti asaṃvāso.*

### 2- Adinnādāna sikkhāpada

*Yo pana bhikkhu gāmā vā araññā vā adinnaṃ theyyasaṅkhātamaṃ ādiyeyya, yathārūpe adinnādāne rājāno coramaṃ gahetvā haneyyumaṃ vā bandheyyaṃ vā pabbājeyyumaṃ vā “corosi bālosi muḥhosi thenosī”ti, tathārūpaṃ bhikkhu adinnaṃ ādiyamāno, ayampi pārajiko hoti asaṃvāso.*

### 3- Manussa viggaha sikkhāpada

*Yo pana bhikkhu sañcicca manussaviggahaṃ jīvitā voropeyya, satthahāraṃ vā’ssa pariyeseyya maraṇavaṇṇamaṃ vā saṃvaṇṇeyya, maraṇāya vā samādapeyya “Ambho purisa kiṃ tuyhiminā pāpakena dujjīvitena, mataṃ te jīvitā seyyo”ti, iti cittaṃmano cittasaṅkappo anekapariyāyena*

*marañavaññaṃ vā saṃvaññeyya, marañāya vā samādapeyya, ayampi pārājiko hoti asaṃvāso.*

#### **4- Uttari manussadhamma sikkhāpada**

*Yo pana bhikkhu anabhijānaṃ uttari-manussadhammaṃ attupanāyikaṃ alamariyañāna-dassanaṃ samudācareyya “iti jānāmi, iti passāmī”ti tato aparena samayena samanuggāhīyamāno vā asamanuggāhīyamāno vā āpanno visuddhāpekkho evaṃ vadeyya “ajānamevaṃ āvuso avacaṃ jānāmi, apassaṃ passāmi, tucchaṃ musā vilapi”nti, aññatara adhimānā, ayampi pārājiko hoti asaṃvāso.*

*Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārājikā dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataram vā aññataram vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā, pārājiko hoti asaṃvāso.*

*Tathāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuñhī, evametaṃ dhārayāmīti.*

*Pārājikuddeso niṭṭhito.*

- *Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.*
- *Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā.*

- *Sutā kho pan'āyasmantehi terasa saṃghā-disesā dhammā.*
- *Sutā dve aniyatā dhammā.*
- *Sutā tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.*
- *Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā.*
- *Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.*
- *Sutā sekhiyā dhammā.*
- *Sutā satta adhikaraṇasamathā dhammā.*

*Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ sutta-pariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammadamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.*

*Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.*

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

### Uposatha có 3 loại

- ***Samgha uposatha***: Tỳ-khuru-Tăng (từ 4 vị tỳ-khuru trở lên) hành lễ uposatha.

- ***Gaṇa uposatha***: Nhóm tỳ-khuru (3 hoặc 2 vị tỳ-khuru) hành lễ uposatha.

- ***Puggala uposatha***: Một vị tỳ-khuru hành lễ uposatha.

## 1- Saṃgha uposatha

Một ngôi chùa có 4 vị tỳ-khuru suy nghĩ rằng: “Đức-Phật chế-định rằng: ‘Tỳ-khuru phải hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha.’”

*Chúng ta có 4 vị tỳ-khuru thì hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha như thế nào?”*

Chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này.

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép 4 vị tỳ-khuru hành Tăng-sự Saṃgha uposatha **tụng bhikkhupātimokkha** <sup>(1)</sup> tại Sīmā.*

## 2- Gaṇa uposatha

\* Một ngôi chùa chỉ có 3 vị tỳ-khuru suy nghĩ rằng: “Đức-Phật cho phép 4 vị tỳ-khuru hành Tăng-sự Saṃgha uposatha **tụng bhikkhupātimokkha** tại Sīmā.

*Chúng ta chỉ có 3 vị tỳ-khuru thì hành lễ trong ngày Saṃgha uposatha như thế nào?”*

Chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này.

---

<sup>1</sup> Mọi nghi thức hành Tăng-sự Saṃgha uposatha tụng bhikkhupātimokkha như đã trình bày trong phần trước.

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép 3 vị tỳ-khuru hành lễ parisuddhi uposatha với nhau tại Sīmā.*

Mọi nghi thức thực hành như sau:

**Pubbakaraṇa:** 4 việc cần làm trước

- *Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā.*
- *Đốt đèn thấp sáng tại Sīmā (khi trời tối).*
- *Chuẩn bị nước uống đầy đủ.*
- *Trái tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khuru.*

Đó là 4 việc cần làm trước khi chư tỳ-khuru đều có các điều-giới trong sạch tụ hội hành lễ parisuddhi uposatha tại Sīmā.

### **Cách hành lễ parisuddhi uposatha 3 vị tỳ-khuru**

Đức-Phật truyền dạy cách hành lễ parisuddhi uposatha 3 vị tỳ-khuru như sau:

Vị tỳ-khuru có trí-tuệ hiểu biết về luật tụng tuyên-ngôn ñatti tại Sīmā như sau:

**Tụng tuyên-ngôn ñatti** <sup>(1)</sup>

*Suṇantu me āyasmantā, ajjuposatho  
pannaraso (cātuddaso), yadāyasmantānaṃ*

<sup>1</sup> Vi. Mahāvagga, Uposathakkhandhaka, Saṃghuposatha.



*pattakallam, mayam aññamaññaṃ parisuddhi uposatham kareyyāma.*

Vị tỳ-khuru cao hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hỏm, chấp hai tay trên trán tụng câu parisuddhi của mình 3 lần với 2 vị tỳ-khuru rằng:

*“Parisuddho aham āvuso parisuddho’ti maṃ dhāretha.” (3 lần)*

Hai vị tỳ-khuru nhỏ hạ ngồi chồm hỏm, chấp hai tay trên trán đáp lời rằng: *“Sādhu! Bhante.”*

Tiếp theo mỗi vị tỳ-khuru nhỏ hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hỏm, chấp hai tay trên trán tụng câu parisuddhi của mình 3 lần với 2 vị tỳ-khuru rằng:

*“Parisuddho aham Bhante parisuddho’ti maṃ dhāretha.” (3 lần)*

Vị tỳ-khuru lớn hạ ngồi chấp hai tay trên trán đáp lời rằng: *“Sādhu! Āvuso.”*

Vị tỳ-khuru nhỏ hạ ngồi chồm hỏm, chấp hai tay trên trán đáp lời rằng: *“Sādhu! Bhante.”*

Đó là cách hành lễ parisuddhi uposatha đối với 3 vị tỳ-khuru trong ngày Saṃgha uposatha tại Sīmā.

\* Một ngôi chùa chỉ có 2 vị tỳ-khuru suy nghĩ rằng: *“Đức-Phật cho phép 4 vị tỳ-khuru hành*

*Tăng-sự Saṃgha uposatha tụng bhikkhupāti-mokkha tại Sīmā; Đức-Phật cho phép 3 vị tỳ-khuru hành lễ parisuddhi uposatha tại Sīmā.*

*Chúng ta chỉ có 2 vị tỳ-khuru thì hành lễ trong ngày Saṃgha uposatha như thế nào?”*

Chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này.

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

*- Nay chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép 2 vị tỳ-khuru hành lễ parisuddhi uposatha với nhau tại Sīmā.*

Mọi nghi thức thực hành như sau:

**Pubbakaraṇa:** 4 việc cần làm trước

- *Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā.*
- *Đốt đèn thấp sáng tại Sīmā (khi trời tối).*
- *Chuẩn bị nước uống đầy đủ.*
- *Trái tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khuru.*

Đó là 4 việc cần làm trước khi chư tỳ-khuru đều có các điều-giới trong sạch tụ hội hành lễ parisuddhi uposatha tại Sīmā.

**Cách hành lễ parisuddhi uposatha 2 vị tỳ-khuru**

Đức-Phật truyền dạy 2 vị tỳ-khuru cách hành lễ parisuddhi uposatha với nhau tại Sīmā như sau:

Hai tỳ-khuru không tụng tuyên-ngôn ñatti, vị tỳ-

khuru cao hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hỏm, chắp hai tay trên trán tụng câu parisuddhi của mình 3 lần với vị tỳ-khuru nhỏ hạ rằng:

*“Parisuddho aham āvuso parisuddho’ti maṃ dhārehi.”* (3 lần)

Vị tỳ-khuru nhỏ hạ ngồi chồm hỏm, chắp hai tay trên trán đáp lời rằng: *“Sādhu! Bhante.”*

Tiếp theo vị tỳ-khuru nhỏ hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hỏm, chắp hai tay trên trán tụng câu parisuddhi của mình 3 lần với vị tỳ-khuru cao hạ rằng:

*“Parisuddho aham Bhante parisuddho’ti maṃ dhāretha.”* (3 lần)

Vị tỳ-khuru cao hạ ngồi chắp hai tay trên trán đáp lời rằng: *“Sādhu! Āvuso.”*

Đó là cách hành lễ parisuddhi uposatha đối với 2 vị tỳ-khuru trong ngày Saṃgha uposatha tại Sīmā.

### 3- Puggala uposatha

Một ngôi chùa chỉ có 1 vị tỳ-khuru suy nghĩ rằng: *“Đức-Phật cho phép 4 vị tỳ-khuru hành Tăng-sự Saṃgha uposatha tụng bhikkhupātimokkha tại Sīmā; Đức-Phật cho phép 3, 2 vị tỳ-khuru hành lễ parisuddhi uposatha tại Sīmā.”*

*Ta là vị tỳ-khuru ở một mình thì sẽ hành lễ trong ngày Saṃgha uposatha như thế nào?”*

Vị tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này.

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

*- Nay chư tỳ-khuru! Một ngôi chùa, trong ngày Saṃgha uposatha, chỉ có một vị tỳ-khuru.*

*Vị tỳ-khuru ấy nên quét lau sạch sẽ Sīmā, đặt nước dùng, nước uống, trái tọa-cụ chỗ ngồi, khi trời tối nên đốt đèn sáng. Vị tỳ-khuru ấy ngồi chờ đợi, nếu có vị tỳ-khuru khách nào đến thì hành lễ uposatha với vị tỳ-khuru khách ấy.*

*Nếu không có vị tỳ-khuru khách nào đến thì vị tỳ-khuru chỉ nên thành tâm hành lễ **puggala uposatha**, phát nguyện rằng:*

*“Hôm nay là ngày uposatha của tôi.”*

*Nếu vị tỳ-khuru ấy không phát nguyện ngày uposatha thì vị tỳ-khuru ấy bị phạm điều-giới āpatti dukkaṭa.*

### **Cách hành lễ puggala uposatha**

Nếu vị tỳ-khuru ở một mình nơi thanh vắng, trong ngày Saṃgha uposatha, vị tỳ-khuru ấy có giới trong sạch phát nguyện rằng:

“*Ajja me uposatho.*”

(*Hôm nay là ngày uposatha của tôi.*)

Vào ngày 15 nửa tháng và ngày 30 cuối tháng đủ, vị tỳ-khưu ấy phát nguyện rằng:

“*Ajja me uposatho pannaraso.*”

(*Ngày 15 là ngày uposatha của tôi.*)

Cuối tháng thiếu vào ngày 29, vị tỳ-khưu ấy phát nguyện rằng:

“*Ajja me uposatho cātuddaso.*”<sup>(1)</sup>

(*Ngày 14 này là ngày uposatha của tôi.*)

Đó là cách hành lễ puggala uposatha của vị tỳ-khưu có giới trong sạch một mình ở nơi thanh vắng trong ngày Saṃgha uposatha tại Sīmā.

### **Phần dịch nghĩa bhikkhupātimokkha tóm tắt**

1- **Pubbakarāṇa**: 4 việc cần phải làm trước

*Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca.*

*Uposathassa etāni, “pubbakarāṇan”ti vuccati.*

---

<sup>1</sup> Một tháng đủ có 30 ngày chia ra 2 thời. Sukkapakkha: nửa tháng đầu từ ngày 1 đến ngày 15 (pannaraso), và kālāpakkha: nửa tháng sau từ ngày 1 đến ngày 15 cuối tháng (pannaraso). Nếu tháng thiếu có 29 ngày, thì nửa tháng sau từ ngày 1 đến ngày 14 cuối tháng (cātuddaso).

Ý nghĩa:

**Pubbakaraṇa:** 4 việc cần phải làm trước, tại Sīmā trong ngày Saṃgha uposatha, trước khi chư tỳ-khuru-Tăng tụ hội hành Tăng-sự đó là:

- *Quét lau sạch sẽ nơi Sīmā.*
- *Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (nếu trời tối).*
- *Chuẩn bị nước uống đầy đủ.*
- *Trái tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khuru.*

*Chú-giải sư (Aṭṭhakathācariya)* gọi pubbakaraṇa: 4 việc cần phải làm trước khi chư tỳ-khuru-Tăng tụ hội tại Sīmā hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha.

2- **Pubbakicca:** 5 phận sự cần phải trình trước, sau khi chư tỳ-khuru-Tăng tụ hội tại Sīmā hành Tăng-sự đó là:

- Chanda pārisuddhi utukkhānaṃ,  
bhikkhugaṇanā ca ovādo.  
Uposathassa etāni, “pubbakiccan”ti vuccati.*
- *Vị tỳ-khuru trình chanda.*
  - *Vị tỳ-khuru trình parisuddhi.*
  - *Trình rõ đến mùa trong năm có 3 mùa:*

1- *Hemanta:* Mùa lạnh có 4 tháng từ ngày 16 tháng 10 âm-lịch đến ngày 15 tháng 2 âm-lịch.

2- *Gimhāna*: Mùa nóng có 4 tháng từ ngày 16 tháng 2 âm-lịch đến ngày 15 tháng 6 âm-lịch.

3- *Vassana*: Mùa mưa có 4 tháng từ ngày 16 tháng 6 âm-lịch đến ngày 15 tháng 10 âm-lịch.

Ví dụ: Hiện-tại vào mùa mưa.

- Trình số lượng chư tỳ-khuru tụ hội: có 4 vị...

- Trình việc dạy dỗ tỳ-khuru-ni, không có.

*Chú-giải sư (Aṭṭhakathācariya)* gọi *pubba-kicca*: 5 phận sự cần phải trình lên chư tỳ-khuru-Tăng tại *Sīmā*, trước khi hành Tăng-sự tụng *bhikkhupaṭimokkha*.

3- **Pattakalla**: 4 điều hợp thời đúng luật, tụng *bhikkhupaṭimokkha* trong ngày *Samgha uposatha* đó là:

*Uposatho yāvatikā ca bhikkhū kammappattā,*

*Sabhāgāpattiyo ca na vijjanti.*

*Vajjanīyā ca puggalā tasmim na honti,*

*“pattakallan”ti vuccati.*

- Ngày *Samgha uposatha* có 3 loại: *pannaraso*, *cātuddaso* (tháng thiếu), *samaggī* (chư tỳ-khuru-Tăng đoàn kết hành tăng-sự).

Hôm nay *uposatho pannaraso*.

- Chư tỳ-khuru có từ 4 vị ngồi trong *hatthapāsa* (2 cùi tay và 1 gang tay).

- Chư tỳ-khuru không có *sabhāga āpatti*.

- Có 21 hạng người *vajjanīya* không được phép ngồi trong *Sīmā* trong khi chư tỳ-khuru-Tăng hành Tăng-sự tụng *bhikkhupātimokkha*, đó là: 1) Người tại gia, 2) Tỳ-khuru-ni, 3) *Sikkhamānā*, 4) Sa-di, 5) Sa-di-ni, 6) Tỳ-khuru đã xả giới, 7) Tỳ-khuru phạm điều-giới *pārājika*, 8) Người ái-nam ái-nữ, 9) Người trộm Tăng-tướng, 10) Người theo ngoại-đạo, 11) Người súc-sinh (loài long hóa ra người), 12) Người giết cha, 13) Người giết mẹ, 14) Người giết bậc Thánh *A-ra-hán*, 15) Người làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, 16) Tỳ-khuru chia rẽ Tăng, 17) Người hãm hại tỳ-khuru-ni, 18) Người lưỡng tính (nam và nữ), 19) Tỳ-khuru bị trục xuất vì đã phạm điều-giới mà không chịu nhận lỗi, 20) Tỳ-khuru bị trục xuất vì đã phạm điều-giới mà không chịu sửa, 21) Tỳ-khuru bị trục xuất vì không chịu từ bỏ tà-kiến cố-định.

*Chú-giải sự (Aṭṭhakathācariya)* gọi *pattakalla*: 4 điều hợp thời đúng luật, mà Đức-Phật đã chế-định.

*Pubbakaraṇapubbakiccāni samāpetvā desitā-pattikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa anumatiyā pātimokkhaṃ uddisituṃ ārādhanam karoma.*

- Đã thực hiện xong *pubbakaraṇa* (có 4 việc cần làm trước) và *pubbakicca* (có 5 phận-sự cần phải



trình trước), chư tỳ-khuru-Tăng đều đã sám hối āpatti, đều có giới trong sạch. Với sự cho phép của chư tỳ-khuru-Tăng, chúng tôi đồng kính thỉnh Ngài Trưởng-lão hành lễ tụng bhikkhupātimokkha.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đồng thanh nói lên lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Ví dụ:

**Tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì**

Đức-Phật truyền dạy rằng:

“Tỳ-khuru tụng nidāna, tụng pārājika có 4 điều-giới xong, còn lại 7 loại tụng bằng *suta* (đã từng nghe).”

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*  
(3 lần)

**Nidāna: Tụng tuyên-ngôn ñatti**

“*Suṇātu me Bhante*<sup>(1)</sup> (*Āvuso*) *saṃgho*, *ajjuposatho pannaraso (cātuddaso)*<sup>(2)</sup>, *yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.*”

<sup>1</sup> Vị tỳ-khuru nhỏ hạ dùng từ “*Bhante*”. Ngài Trưởng-lão cao hạ dùng từ “*Āvuso*”.

<sup>2</sup> Cuối tháng thiếu dùng từ *cātuddaso*.

- *Kính bạch quý Ngài Trưởng-lão! Kính xin quý Ngài nghe lời nói của tôi, hôm nay là ngày 15 (14) Saṃgha uposatha, nếu có sự hợp thời đúng luật của chư tỳ-khuru-Tăng, kính xin chư tỳ-khuru-Tăng hành lễ Saṃgha uposatha, sẽ tụng bhikkhupātimokkha.*

### **Xem xét kỹ trước khi tụng bhikkhupātimokkha**

*Chư tỳ-khuru-Tăng đã thực hiện 4 việc cần làm trước và 5 phận-sự cần trình trước hay chưa?*

*Quý Ngài khả kính, xin quý Ngài sám hối āpatti cho được trong sạch, rồi tôi sẽ tụng bhikkhupātimokkha, tất cả chúng ta hiện diện tại Sīmā xin lắng nghe bhikkhupātimokkha này, xin chú tâm. Vị tỳ-khuru nào phạm āpatti nào thì vị tỳ-khuru ấy phải sám hối āpatti ấy; nếu không phạm āpatti nào thì ngồi làm thinh. Tôi nhận biết quý Ngài là bậc có giới-hạnh trong sạch, do thái độ làm thinh của quý Ngài.*

*Ví như người hỏi với đáp, cũng giống như vậy, tụng bhikkhupātimokkha cho đến 3 lần nhắc nhở trong nhóm chư tỳ-khuru ấy. Vị tỳ-khuru nào nghe tụng bhikkhupātimokkha nhắc nhở đến lần thứ 3, ghi nhớ lại được āpatti đã phạm mà không xin*

*sám hối āpatti ấy, thì vị tỳ-khuru ấy phạm sampajā-musāvāda dukkaṭa.* <sup>(1)</sup>

*Kính thưa chư bậc Trưởng-lão, thật ra, Đức-Phật truyền dạy sampajānamusāvāda dukkaṭa là pháp trở ngại chứng đắc các bậc thiền và chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn. Vì vậy, khi vị tỳ-khuru nhớ lại điều-giới đã phạm thì cần phải sám hối āpatti để cho giới trong sạch trở lại. Bởi vì vị tỳ-khuru có giới-hạnh sẽ thuận lợi cho việc chứng đắc các bậc thiền, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.*

*Phần nidāna đã được tụng xong.*

*Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão trong phần nidāna rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không?*

*Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão lần thứ nhì rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không?*

---

<sup>1</sup> Phạm điều-giới nói-dối bằng **khẩu** hoặc bằng **thân**, nhưng khi Ngài Trưởng-lão tụng nidāna rằng: “nếu vị tỳ-khuru nào phạm āpatti nào thì vị tỳ-khuru ấy phải sám hối āpatti ấy”. Vị tỳ-khuru ấy đã phạm āpatti nhưng ngồi làm tỉnh nên phạm sampajānamusāvāda dukkaṭa.

*Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão lần thứ ba rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không?*

*Quý Ngài Trưởng-lão là bậc có giới trong sạch trong phân nidāna này, cho nên ngồi làm thỉnh. Tôi nhận biết giới trong sạch của quý Ngài như vậy.*

*(Xong phân nidāna.)*

\* Tụng pārajika āpatti có 4 điều-giới

*Tatime cattāro pārajikā dhammā uddesaṃ āgacchanti.*

*Trong bhikkhupātimokkha ấy có 4 điều-giới pārajika āpatti được tụng tóm tắt:*

### **1- Methunadhamma sikkhāpada**

*Tỳ-khuru nào đã có giới cao thượng (sikkhā là adhisīlasikkhā) <sup>(1)</sup> và học hành nghiêm chỉnh ājīva <sup>(2)</sup> của tỳ-khuru, tỳ-khuru ấy không nói lời xả giới, không làm rõ là người yếu đuối (không đủ can đảm nói lời xả giới), vị tỳ-khuru ấy hành dâm,*

---

<sup>1</sup> Sikkhā là adhisīlasikkhā: Giới cao thượng đó là bhikkhupātimokkha.

<sup>2</sup> Ājīva nghĩa là Đức-Phật đã chế-định các điều-giới gọi là ājīva, tỳ-khuru giữ gìn học hành nghiêm chỉnh ājīva ấy.

dù hành dâm với loài súc-sinh cái thì vị tỳ-khuru ấy cũng đã hành dâm, phạm điều-giới pārajika āpatti: bại hoại phạm-hạnh tỳ-khuru, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khuru có giới trong sạch khác nữa.

## 2- Adinnādāna sikkhāpada

Tỳ-khuru nào lấy tài sản mà người chủ không cho với tâm trộm-cắp, từ trong nhà hoặc trong rừng, tài sản ấy trị giá một pāda <sup>(1)</sup> hoặc tương đương một pāda hoặc nhiều hơn một pāda (pādam vā pādārahaṃ vā atirekapādam vā). Đức-vua (nhà chức trách) bắt tên trộm đáng bị hành hạ thì hành hạ, đáng bị giam cầm thì giam cầm, đáng bị lưu đày thì lưu đày. Với lời mắng nhiếc rằng: Người là tên cắp, là người ác, là người si mê, là tên trộm.

Bởi vì vị tỳ-khuru lấy tài sản mà người chủ không cho trị giá một pāda hoặc tương đương

---

<sup>1</sup> Theo Chú-giải: **Pāda** trong thời-kỳ tại kinh-thành Rājagaha, 1 pāda có 5 māsaka; 1 kahāpaṇa có 4 pāda đó là 1 pāda vàng, 1 pāda bạc, 2 pāda đồng. Nếu 4 pāda đều được tinh khiết thì gọi là nīlakahāpaṇa. 1 nīlakahāpaṇa có 4 pāda gồm có 20 māsaka; như vậy, 1 **pāda** bằng  $\frac{1}{4}$  nīlakahāpaṇa.

*một pāda hoặc nhiều hơn một pāda. Vị tỳ-khuru ấy đã trộm-cắp, phạm điều-giới pārājika āpatti: bại hoại phạm-hạnh tỳ-khuru, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khuru có giới trong sạch khác nữa.*

### **3- Manussa viggaha sikkhāpada**

*Tỳ-khuru nào có tác-ý sát hại sinh-mạng con người <sup>(1)</sup> (người ấy chết), hoặc đem khí giới đến cho người ấy tự sát, hoặc tán dương ca tụng sự chết, động viên khuyến khích sự chết rằng:*

- “*Này người đàn ông! Ích lợi gì kiếp người của người cực khổ cùng cực như vậy? Người nên chết đi còn cao thượng hơn sống như thế này!*”

*Tâm động viên trong sự chết, tâm có tác-ý tìm cách động viên trong sự chết, tán dương ca tụng sự chết, động viên khuyến khích sự chết bằng nhiều cách. Vị tỳ-khuru đã có tác-ý sát hại sinh-mạng con người (người ấy chết), đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khuru có giới trong sạch khác nữa.*

---

<sup>1</sup> Manussaviggaham: **Thân người** kể từ khi đầu thai cho đến cuối cùng chết.

#### 4- Uttari manussadhamma sikkhāpada

Tỳ-khuru nào chính mình không biết pháp của bậc cao-nhân mà nói-dối tự khoe khoang chứng đắc các bậc thiên, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn rằng:

“Tôi biết bậc thiên này, tôi thấy bậc thiên này. Tôi biết Thánh-đạo, Thánh-quả này; tôi thấy Thánh-đạo, Thánh-quả này.”

Về sau, dù bị tra hỏi để biết về sự-thật hoặc dù không bị tra hỏi, thì vị tỳ-khuru ấy cũng đã phạm điều-giới pārajika āpatti rồi.

Vị tỳ-khuru ấy biết mình đã phạm điều-giới pārajika āpatti rồi, vì muốn trong sạch, nên trình thưa với các Ngài Trưởng-lão rằng:

- “Kính thưa chư bậc Trưởng-lão, sự-thật tôi không biết pháp của bậc cao-nhân mà tôi nói-dối là biết; tôi không thấy pháp của bậc cao-nhân, mà tôi nói-dối là thấy; tôi đã nói-dối, khoe pháp cao-nhân mà tôi không có, chỉ là rỗng không mà thôi.”

Ngoại trừ tỳ-khuru nào đã chứng đắc pháp bậc cao-nhân (thì vị tỳ-khuru ấy không bị phạm điều-giới pārajika āpatti).

*Vị tỳ-khuru ấy đã nói-dối, khoe pháp cao-nhân mà chính mình không có, đã phạm điều-giới pārajika āpatti rồi, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khuru có giới trong sạch khác nữa.*

*Kính thưa quý Ngài Trưởng-lão, bốn điều-giới pārajika āpatti đã được tụng xong rồi. Tỳ-khuru nào đã phạm điều-giới nào trong bốn điều-giới pārajika āpatti này rồi, trước kia còn là cận-sự-nam hoặc vị sa-di không được phép hành Tăng-sự chung với chư tỳ-khuru có giới trong sạch; cũng như sau khi đã phạm điều-giới pārajika āpatti rồi cũng không được phép hành Tăng-sự chung với chư tỳ-khuru có giới trong sạch.*

*Kính thưa chư bậc Trưởng-lão, bốn điều-giới pārajika āpatti này đã được tụng xong.*

*Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão trong bốn điều-giới pārajika āpatti này rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không?*

*Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão lần thứ nhì rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không?*

*Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão lần*



*thứ ba rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không?*

*Quý Ngài bậc Trưởng-lão là bậc có giới trong sạch trong bốn điều-giới pārajika āpatti này, cho nên ngồi làm thỉnh. Tôi nhận biết giới trong sạch của quý Ngài như vậy.*

*(Xong bốn điều-giới pārajika āpatti.)*

*Kính bạch quý Ngài Trưởng-lão,*

- *Phần nidāna đã được tụng xong.*
- *4 điều-giới pārajika āpatti đã được tụng xong.*

*Kính bạch quý Ngài Trưởng-lão,*

- *Đã từng nghe 13 điều-giới saṃghādisesa āpatti.*
- *Đã từng nghe 2 điều-giới aniyata āpatti.*
- *Đã từng nghe 30 điều-giới nissaggiya pācittiyā āpatti.*
- *Đã từng nghe 92 điều-giới pācittiya āpatti.*
- *Đã từng nghe 4 điều-giới pāṭidesanīya āpatti.*
- *Đã từng nghe 75 điều-giới sekhiya āpatti.*
- *Đã từng nghe 7 pháp adhikaraṇasamatha.*

*Gom các điều-giới này chừng ấy từ trong bhikkhupātimokkha của Đức-Phật đã chế-định, tụng bhikkhupātimokkha hằng nửa tháng một lần.*

*Trong các điều-giới này, tất cả chư tỳ-khuru đoàn kết đồng tâm nhất trí với nhau, cùng nhau hoan-hỷ, không cãi cọ nhau, cùng nhau học hỏi thực hành giữ gìn các điều-giới trong bhikkhupātimokkha.*

*(Xong bhikkhupātimokkha.)*

#### **Phạm 4 điều-giới pārājika āpatti với 4 ví dụ**

1- Tỳ-khuru đã hành dâm, phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, ví như người đàn ông bị chặt đứt cái đầu lia khỏi cổ rồi, không thể còn sống được nữa. Cũng như vậy, vị tỳ-khuru đã hành dâm, đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, không còn là tỳ-khuru, không còn thuộc dòng dõi Sakya nữa, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khuru có giới trong sạch khác nữa.

2- Tỳ-khuru đã trộm-cắp, phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, ví như chiếc lá vàng lia khỏi cành rơi xuống đất rồi, không thể gắn dính trở lại tốt tươi như trước được nữa. Cũng như vậy, vị tỳ-khuru đã trộm-cắp, đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, không còn là tỳ-khuru, không còn thuộc dòng dõi Sakya nữa, không được phép hành

Tăng-sự chung với những vị tỳ-khuru có giới trong sạch khác nữa.

3- Tỳ-khuru đã có tác-ý sát hại sinh-mạng con người (người ấy chết), đã phạm điều-giới pārajika āpatti rồi, ví như tảng đá dày bị vỡ ra làm hai mảnh rồi, không thể làm cho dính chắc trở lại được như thế nào. Cũng như vậy, vị tỳ-khuru đã có tác-ý sát hại sinh-mạng con người (người ấy chết), đã phạm điều-giới pārajika āpatti rồi, không còn là tỳ-khuru, không còn thuộc dòng dõi Sakya nữa, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khuru có giới trong sạch khác nữa.

4- Tỳ-khuru đã nói-dối khoe pháp cao-nhân mà chính mình không có, đã phạm điều-giới pārajika āpatti rồi, ví như cây thốt nốt đã bị đứt ngọn rồi, không thể phát triển tốt tươi trở lại được như thế nào. Cũng như vậy, vị tỳ-khuru đã nói-dối khoe pháp cao-nhân mà chính mình không có, đã phạm điều-giới pārajika āpatti rồi, không còn là tỳ-khuru, không còn thuộc dòng dõi Sakya nữa, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khuru có giới trong sạch khác nữa.

*Uttarimanussadhamma*: Pháp cao-nhân nghĩa là

các pháp của bậc cao-nhân đó là 5 *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm*, 4 *bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm*, 5 *phép-thần-thông* (abhiññā) đối với các hạng phàm-nhân.

Và 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* và *Niết-bàn* thuộc về 9 *pháp siêu-tam-giới* là pháp cao-nhân của 4 bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo (*bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán*).

### **Tỳ-khuru phạm điều-giới pārajika āpatti**

Nếu vị tỳ-khuru nào đã phạm 1 trong 4 điều-giới pārajika āpatti nào rồi, thì vị tỳ-khuru ấy đã bị bại hoại phẩm-hạnh tỳ-khuru, không còn là tỳ-khuru nữa.

Nếu vị tỳ-khuru đã phạm điều-giới pārajika āpatti ấy rồi, không thay đổi y phục của người tại gia mà vẫn còn mặc y cà-sa màu lõi mít của tỳ-khuru thì mọi thiện-pháp không phát sinh, chỉ có ác-pháp phát sinh mà thôi. Sau khi chết, ác-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Nếu vị tỳ-khưu đã phạm điều-giới pārajika āpatti ấy rồi, liền thay y phục của người tại gia, xin thọ trì Tam-quy và ngũ-giới hoặc bát-giới uposathasīla, trở thành người cận-sự-nam, hoặc xin làm lễ xuất gia trở thành vị sa-di, thì mọi thiện-pháp có khả năng phát triển như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành thiền, v.v...

Sau khi cận-sự-nam hoặc vị sa-di chết, đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới, hưởng sự an-lạc cho đến hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp.

Nếu chúng đấng các bậc thiên sắc-giới thiện-tâm nào thì sau khi chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy, hưởng sự an-lạc cho đến hết tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp.

## Lễ sám hối āpatti

**Lễ sám hối āpatti** là nghi lễ theo truyền thống được Đức-Phật chế-định đối với tỳ-khuru đã phạm điều-giới. *Giới của tỳ-khuru trong bhikkhu-pātimokkha gồm có 227 điều-giới, còn trong Tạng-luật gồm có 91.805.036.000 điều-giới.* <sup>(1)</sup>

Mỗi vị tỳ-khuru phạm-nhân giữ gìn các điều-giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là việc không dễ, nên Đức-Phật chế-định nghi thức lễ sám hối āpatti đối với vị tỳ-khuru nào biết mình đã phạm điều-giới nhẹ nào rồi, để vị tỳ-khuru ấy xin làm ***lễ sám hối āpatti*** với vị tỳ-khuru khác không phạm điều-giới có đối-tượng phạm điều-giới giống như mình.

Sau khi vị tỳ-khuru ấy làm lễ sám hối āpatti xong, vị tỳ-khuru ấy có giới trong sạch trở lại.

Đức-Phật chế-định rằng:

*Bhagavā paññattam “na sāpattikena uposatho kātabbo.”* <sup>(2)</sup>

<sup>1</sup> Visuddhimagga, Sīlaniddesa, ...

<sup>2</sup> Vi. Mahāvagga, Uposathakkhandhaka, Āpattipāṭikamma.

*Đức-Thế-Tôn chế-định rằng: Tỳ-khuru phạm điều-giới không được phép hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha tại Sīmā.*

Vì vậy, nếu vị tỳ-khuru nào biết mình đã phạm điều-giới nhẹ nào, thì vị tỳ-khuru ấy cần phải tìm vị tỳ-khuru khác không phạm điều-giới giống như mình, xin **làm lễ sám hối** điều-giới ấy.

Sau khi vị tỳ-khuru ấy làm lễ sám hối āpatti xong rồi, vị tỳ-khuru ấy có giới trong sạch trở lại, được phép hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha, nghe tụng bhikkhupātimokkha, hoặc hành lễ pavāraṇā, đọc lời pavāraṇā 3 lần giữa chư tỳ-khuru-Tăng tại Sīmā.

### **Giới của tỳ-khuru**

Giới của tỳ-khuru trong *bhikkhupātimokkha* có 227 điều-giới được phân chia ra làm 7 loại giới:

1- **Giới pārajika**: Giới bại hoại tỳ-khuru, có 4 điều-giới.

2- **Giới saṃghādisesa**: Giới hành phật, vẫn còn là tỳ-khuru, có 13 điều-giới.

3- **Giới aniyata**: Giới bất định, có 2 điều-giới.

4- **Giới nissaggiyapācittiya**: Xả đối-tượng phạm giới rồi sám hối, có 30 điều-giới.

5- **Giới pācittiya**: Giới sám hối được, có 92 điều-giới.

6- **Giới pāṭidesanīya**: Giới sám hối riêng rẽ, có 4 điều-giới.

7- **Giới sekhiya**: Giới hành, có 75 điều-giới.

8- **Điều adhikaraṇasamatha**: có 8 điều giảng hòa.

### Phạm điều-giới (āpatti)

Tỳ-khuru phạm điều-giới có 7 loại:

1- **Pārājika āpatti**: Tỳ-khuru nào phạm 1 điều-giới nào trong 4 điều-giới pārājika bại hoại, thì tỳ-khuru ấy không còn phẩm-hạnh tỳ-khuru nữa.

2- **Samghādisesa āpatti**: Tỳ-khuru nào phạm 1 điều-giới nào trong 13 điều-giới samghādisesa, tỳ-khuru ấy vẫn còn là tỳ-khuru, nhưng phải xin chư tỳ-khuru-Tăng hành Tăng-sự hành phạt tỳ-khuru ấy đúng theo luật mà Đức-Phật chế-định.

3- **Thullaccaya āpatti**: Tỳ-khuru phạm điều-giới nặng kém thua 2 điều-giới trên, có thể sám hối.

4- **Pācittiya āpatti**: Tỳ-khuru nào phạm điều-giới nào trong 92 điều-giới pācittiya, tỳ-khuru ấy sám hối điều-giới ấy.

5- **Pāṭidesanīya āpatti**: Tỳ-khuru nào phạm



điều-giới nào trong 4 điều-giới pāṭidesanīya, tỳ-khuru ấy sám hối riêng rẽ mỗi điều-giới ấy.

6- **Dukkaṭa āpatti**: Tỳ-khuru nào phạm điều-giới dukkaṭa (làm bậy), tỳ-khuru ấy sám hối điều-giới ấy.

7- **Dubbhāsita āpatti**: Tỳ-khuru nào phạm điều-giới dubbhāsita (nói bậy), tỳ-khuru ấy sám hối điều-giới ấy.

7 loại phạm điều-giới chia ra làm 2 loại:

1- **Garuka āpatti**: Phạm điều-giới nặng, có 2 loại là *pārājika āpatti* và *saṃghādisesa āpatti*.

\* Tỳ-khuru nào phạm điều-giới bại hoại (pārājika) thì vị tỳ-khuru ấy không còn là tỳ-khuru nữa, suốt đời không thể xuất gia trở thành tỳ-khuru mà chỉ có thể xuất gia trở thành sa-di, hoặc là cận-sự-nam sống tại gia.

\* Tỳ-khuru nào phạm điều-giới saṃghādisesa nào, tỳ-khuru ấy vẫn còn là tỳ-khuru, nhưng mà tỳ-khuru ấy phải liền trình ngay saṃghādisesa āpatti ấy với vị tỳ-khuru khác, không nên giấu āpatti, rồi đến xin chư tỳ-khuru-Tăng hành Tăng-sự hành phạt tỳ-khuru ấy đúng theo luật mà Đức-Phật đã chế-định.

Vị tỳ-khuru ấy đến xin trình chư tỳ-khuru-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, xin hành phạt *parivāsakamma* suốt thời gian phạm điều-giới saṃghādisesa āpatti xong, rồi tiếp theo xin hành phạt *mānattakamma* suốt 6 đêm xong, rồi cuối cùng xin chư tỳ-khuru-Tăng có ít nhất 21 vị tỳ-khuru hành Tăng-sự tụng *abhānañattikammavācā* xong, vị tỳ-khuru ấy thoát ra khỏi saṃghādisesa āpatti, trở lại vị tỳ-khuru có giới trong sạch như trước.

2- **Lahuka āpatti**: Phạm điều-giới nhẹ có 5 loại còn lại là *thullaccaya āpatti*, *pācittiya āpatti*, *pāṭidesanīya āpatti*, *dukkata āpatti*, *dubbhāsita āpatti*.

Nếu vị tỳ-khuru nào phạm āpatti nhẹ thì vị tỳ-khuru ấy đi tìm một vị tỳ-khuru khác không cùng phạm āpatti nhẹ có đối-tượng giống như mình để xin làm lễ sám hối āpatti, bởi vì Đức-Phật không cho phép các tỳ-khuru phạm *sabhāga āpatti* sám hối với nhau.

**Sabhāga āpatti** nghĩa là phạm điều-giới có đối-tượng giống nhau. Ví dụ: Vị tỳ-khuru A với vị tỳ-khuru B cùng phạm điều-giới pācittiya có đối-tượng giống nhau, gọi là *sabhāga āpatti*. Như vậy, vị tỳ-khuru A với vị tỳ-khuru B không được phép sám hối pācittiya āpatti với nhau.

Như Đức-Phật truyền dạy rằng:

*“Bhagavā paññattam na sabhāgā āpatti desetabbā, na sabhāgā āpatti paṭiggahetabbā.”*<sup>(1)</sup>

- Đức-Thế-Tôn chế-định tỳ-khuru có *sabhāga āpatti* không được phép sám hối với tỳ-khuru có *sabhāga āpatti* với nhau, và tỳ-khuru có *sabhāga āpatti* không được phép nhận sám hối với tỳ-khuru có *sabhāga āpatti* với nhau.

Vì vậy, vị tỳ-khuru này tìm một vị tỳ-khuru kia không phạm điều-giới chung *sabhāga āpatti*, để xin làm lễ sám hối *āpatti* với nhau. Sau khi tỳ-khuru ấy làm lễ sám hối *āpatti* xong thì giới của tỳ-khuru ấy được trong sạch trở lại.

### **Nghi thức lễ sám hối *āpatti***

*Lễ sám hối āpatti* là lễ nghi theo truyền thống mà Đức-Phật đã chế-định đối với chư tỳ-khuru.

Mỗi khi vị tỳ-khuru nào biết mình phạm các điều-giới nhẹ nào, giới không trong sạch thì vị tỳ-khuru ấy tìm đến một vị tỳ-khuru khác không phạm điều-giới giống mình, để xin làm lễ sám hối *āpatti*. Sau khi làm lễ sám hối *āpatti* xong, giới của vị tỳ-khuru ấy được trong sạch trở lại.

<sup>1</sup> Vi. Mahāvagga, Uposathakkhandhaka, Sabhāga āpatti.

Sau đây, trình bày nghi thức làm lễ sám hối āpatti theo *chư tỳ-khuru Myanmar*.

Theo Tạng Luật, hai vị tỳ-khuru làm lễ sám hối āpatti với nhau, đều ngồi chồm hóm (ukkuṭikaṃ nisīditvā), đều chấp hai tay trên trán (añjalim paggahetvā) làm lễ sám hối āpatti lẫn nhau.

1- Trường-hợp vị tỳ-khuru nhỏ-hạ xin làm lễ sám hối ***nhiều āpatti nhẹ*** với vị tỳ-khuru lớn-hạ, qua cuộc đối thoại giữa vị tỳ-khuru nhỏ-hạ xin sám hối nhiều āpatti nhẹ với vị tỳ-khuru lớn-hạ:

N. hạ<sup>(1)</sup>: *Ahaṃ Bhante, sabbā āpattiyo āvikaromi.*

L. hạ: *Sādhu! Sādhu!*

N. hạ: *Ahaṃ Bhante, sambahulā nānāvattukā sabbā āpattiyo āpajjim, tā tumhamūle patidesemi.*

L. hạ: *Passasi āvuso, tā āpattiyo?*

N. hạ: *Āma Bhante, passāmi.*

L. hạ: *Ayatim āvuso, saṃvareyyāsi.*

N. hạ: *Sādhu! Suṭṭhu Bhante, saṃvarissāmi.*

L. hạ: *Sādhu! Sādhu!*

---

<sup>1</sup> N. hạ: viết tắt tỳ-khuru nhỏ-hạ và L. hạ: viết tắt tỳ-khuru lớn-hạ.

Sau khi vị tỳ-khuru nhỏ-hạ làm lễ sám hối nhiều *āpatti* nhẹ xong thì giới của vị tỳ-khuru nhỏ-hạ được trong sạch trở lại.

2- Trường-hợp vị tỳ-khuru lớn-hạ làm lễ sám hối ***nhiều āpatti nhẹ*** với vị tỳ-khuru nhỏ-hạ, qua cuộc đối thoại giữa vị tỳ-khuru lớn-hạ sám hối nhiều *āpatti* nhẹ với vị tỳ-khuru nhỏ-hạ như sau:

*L. hạ: Ahaṃ āvuso, sabbā āpattiyo āvikaromi.*

*N. hạ: Sādhu! Sādhu! Bhante.*

*L. hạ: Ahaṃ āvuso, sambahulā nānāvattukā sabbā āpattiyo āpajjim, tā tuyhamūle patidesemi.*

*N. hạ: Passatha Bhante, tā āpattiyo?*

*L. hạ: Āma āvuso, passāmi.*

*N. hạ: Ayatiṃ Bhante, saṃvareyyātha.*

*L. hạ: Sādhu! Suṭṭhu āvuso, saṃvarissāmi.*

*N. hạ: Sādhu! Sādhu! Bhante.*

Sau khi vị tỳ-khuru lớn-hạ làm lễ sám hối nhiều *āpatti* nhẹ xong thì giới của vị tỳ-khuru lớn-hạ được trong sạch trở lại.

3- Trường-hợp 2 vị tỳ-khuru đều phạm nhiều điều-giới nhẹ, nếu có ***sabhāga āpatti*** mà đã sám hối lẫn nhau, thì vị tỳ-khuru nhỏ-hạ xin sám hối bị

phạm điều-giới ***dukkata mới***, và vị tỳ-khuru lớn-hạ nhận sám hối cũng bị phạm điều-giới ***dukkata mới***.

\* Tiếp theo vị tỳ-khuru lớn-hạ làm lễ sám hối nhiều āpatti nhẹ cũ và ***dukkata āpatti mới*** với vị tỳ-khuru nhỏ-hạ, nên sau khi vị tỳ-khuru lớn-hạ làm lễ sám hối xong thì giới của vị tỳ-khuru lớn-hạ được trong sạch trở lại.

\* Khi vị tỳ-khuru nhỏ-hạ làm lễ sám hối nhiều āpatti nhẹ cũ xong, nhiều điều-giới nhẹ cũ đều được trong sạch, nhưng mà còn phạm điều-giới ***dukkata āpatti mới*** chưa được trong sạch.

Cho nên, vị tỳ-khuru nhỏ-hạ cần phải xin làm lễ sám hối ***dukkata āpatti mới*** một lần nữa như sau:

N. hạ: *Ahaṃ Bhante, sambahulā nānāvattukā sabbā āpattiyo āpajjīṃ, tā tumhamūle patidesemi.*

L. hạ: *Passasi āvuso, tā āpattiyo?*

N. hạ: *Āma Bhante, passāmi.*

L. hạ: *Ayatīṃ āvuso, saṃvareyyāsi.*

N. hạ: *Sādhu! Suṭṭhu Bhante, saṃvarissāmi.*

L. hạ: *Sādhu! Sādhu!*

Như vậy, sau khi vị tỳ-khuru nhỏ hạ xin làm lễ sám hối nhiều āpatti một lần nữa, thì giới của vị tỳ-khuru nhỏ trở lại hoàn toàn trong sạch.

## **Pháp-hành phạm-sự (vatta) có 14 loại**

*Tỳ-khuru cần phải giữ gìn các điều-giới trong bhikkhupātimokkha gồm có 227 điều-giới cho được trong sạch; và thực hành nghiêm chỉnh đầy đủ 14 pháp-hành phạm-sự chu đáo của tỳ-khuru, sa-di theo Tạng luật phần Cūlavagga như sau:*

1- *Āgantukavatta: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di khách đến chùa.*

2- *Āvasikavatta: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di chủ ở trong chùa.*

3- *Gamikavatta: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di sắp đi xa.*

4- *Anumodanavatta: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di nói đạo, thuyết pháp làm cho thí-chủ phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ.*

5- *Bhattaggavatta: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di tại nơi trai-đường.*

6- *Piṇḍacārikavatta: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di khi đi khát thực.*

7- *Āraññikavatta: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di ở trong rừng.*

8- *Senāsanavatta*: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di nơi chỗ ở, xung quanh chùa, ... giữ gìn sạch sẽ, gọn gàng.

9- *Jantāgharavatta*: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di trong nhà tắm hơi nóng.

10- *Vaccakuṭivatta*: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di nơi nhà vệ sinh: cần phải có nước đầy đủ và sạch sẽ.

11- *Upajjhāyavatta*: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di phục vụ chu đáo đối với vị Thầy tế-độ.

12- *Siddhivihārikavatta*: Pháp-hành phạm-sự của vị Thầy tế-độ đối với đệ-tử là tỳ-khuru, sa-di.

13- *Ācariyavatta*: Pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di phục vụ chu đáo đối với vị Thầy dạy.

14- *Antevāsikavatta*: Pháp-hành phạm-sự của vị Thầy dạy đối với đệ-tử là tỳ-khuru, sa-di. <sup>(1)</sup>

Đó là 14 pháp-hành phạm-sự của tỳ-khuru, sa-di cần phải thực hành nghiêm chỉnh một cách cẩn trọng và chu đáo, để giữ gìn đời sống giới luật trong Phật-giáo.

---

<sup>1</sup> Tìm hiểu đầy đủ trong quyển “Gương Bạc Xuất Gia”, trong phần 14 pháp-hành của tỳ-khuru, sa-di, cùng soạn giả.



Trong phần Vattakkhandhaka, đoạn chót của bài kệ như sau:

*“Vattaṃ aparipūrento, na sīlaṃ paripūrati.  
Asuddhasīlo duppañño, cittekaggaṃ na vindati.  
Vikkhittacittonekaggo, sammā dhammaṃ na passati.  
Apassamāno saddhammaṃ, dukkhā na parimuccati.  
Yaṃ vattaṃ paripūrento, sīlampi paripūrati.  
Visuddhasīlo sappañño, cittekaggampi vindati.  
Avikkhitacitto ekaggo, sammā dhammaṃ vipassati.  
Sampassamāno saddhammaṃ, dukkhā so parimuccati.  
Tasmā hi vattaṃ pūreyya, jinaputto vicakkaṇo.  
Ovādaṃ Buddhaseṭṭhassa, tato nibbānamehiti.”*<sup>(1)</sup>

### **Dịch nghĩa**

*Tỳ-khuru, sa-di không thực hành pháp-hành  
phận-sự đầy đủ, là người không giữ gìn các  
điều-giới đầy đủ.*

*Hành-giả không giữ gìn giới-hạnh trong sạch,  
là người thiếu-trí, không có được định tâm.*

*Hành-giả phát sinh phóng-tâm các đối tượng,  
không thể chứng đắc chánh-pháp.*

*Hành-giả không chứng đắc chánh-pháp,  
không thể giải thoát khổ được.*

<sup>1</sup> Vinayapiṭaka, Cūlavagga, Vattakkhandhaka.

*Hành-giả thực hành pháp-hành phạm-sự đầy đủ, cũng là người giữ gìn giới-hạnh đầy đủ. Hành-giả giữ gìn giới-hạnh trong sạch, là bậc có trí-tuệ sáng suốt, có định-tâm vững chắc.*

*Hành-giả không có phóng-tâm, có định-tâm vững trong đối-tượng, chứng đắc chánh-pháp. Khi chứng đắc chánh-pháp Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, hành-giả ấy giải thoát khổ.*

*Vì vậy, đệ-tử của Đức-Phật có trí-tuệ sáng suốt thực hành nghiêm chỉnh các pháp-hành phạm-sự, đó là lời giáo huấn của Đức-Phật cao thượng, từ đó dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khổ.*

## Lễ an cư nhập hạ <sup>(1)</sup>

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veļuvana gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn chưa chế-định chư tỳ-khuru an cư nhập hạ trong mùa mưa, nên chư tỳ-khuru đi lại trong mùa lạnh, mùa nóng, mùa mưa. Vì vậy, dân chúng phàn nàn rằng:

*“Tại sao chư tỳ-khuru thuộc dòng dõi Sakya đi lại trong mùa lạnh, mùa nóng, mùa mưa, giẫm đạp lên mùa màng, các côn trùng nhỏ bé như thế!”*

Chư tỳ-khuru nghe dân chúng phàn nàn như vậy nên kính bạch chuyện ấy lên Đức-Phật.

Nghe chư tỳ-khuru kính bạch chuyện ấy như vậy nên Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

*- Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép chư tỳ-khuru an cư nhập hạ tại một chỗ cố định suốt 3 tháng mùa mưa.*

Nước Ấn-độ (India) một năm có 3 mùa:

1- **Hemanta**: Mùa lạnh có 4 tháng từ ngày 16 tháng 10 âm-lịch đến ngày 15 tháng 2 âm-lịch.

---

<sup>1</sup> Vinayapiṭaka. Mahāvagga, Vassūpanāyikakkhandhaka.

2- **Gimhāna**: Mùa nóng có 4 tháng từ ngày 16 tháng 2 âm-lịch đến ngày 15 tháng 6 âm-lịch.

3- **Vassana**: Mùa mưa có 4 tháng từ ngày 16 tháng 6 âm-lịch đến ngày 15 tháng 10 âm-lịch.

### Lễ an cư nhập hạ có 2 ngày

Đức-Phật truyền dạy ngày làm lễ an cư nhập hạ có 2 ngày:

1- **Purimikā**: Ngày lễ an cư nhập hạ trước, hạ trước bắt đầu từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch) cho đến rạng đông ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) đủ 3 tháng.

Trường hợp nếu vị tỳ-khuru nào gặp antarāya (sự trở ngại) không thể an cư nhập hạ trước thì vị tỳ-khuru ấy phải làm lễ an cư nhập hạ sau.

2- **Pachimikā**: Ngày lễ an cư nhập hạ sau, hạ sau bắt đầu từ ngày 16 tháng 7 (âm-lịch) cho đến rạng đông ngày 16 tháng 10 (âm-lịch) đủ 3 tháng.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru đã an cư suốt 3 tháng hạ trước hoặc suốt 3 tháng hạ sau, không được phép bỏ đi nơi khác. Tỳ-khuru nào bỏ đi, tỳ-khuru ấy bị phạm điều-giới dukkaṭa.*

- *Này chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru không an cư nhập hạ trong mùa mưa không được. Nếu tỳ-khuru nào không an cư nhập hạ thì tỳ-khuru ấy bị phạm điều-giới dukkaṭa.*

### **Lễ phát nguyện an cư nhập hạ**

Chư tỳ-khuru chuẩn bị sẽ làm lễ an cư nhập hạ tại chỗ ở nào, cần phải làm chỗ ở, ngôi chùa được an toàn, che mưa che nắng, ngăn ngừa các loài rắn độc, ... Chư tỳ-khuru đi đến đánh lễ ngôi Bảo-tháp, các Ngài Đại-Trưởng-lão, các Vị Thầy Tổ.

Đến ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), chư tỳ-khuru tụ hội tại chánh-điện nơi tôn thờ tượng Đức-Phật, tụng kinh Paritta, rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh muôn loài. Làm lễ phát nguyện an cư nhập hạ rằng:

*“Imasmim vihare imam temāsam vassam upemi.” (3 lần)*

- *Con xin nguyện an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa trong tịnh-xá này.*

- *Imasmim ārāme: trong ngôi chùa lớn.*

- *Imasmim āvāse: trong ngôi chùa.*

- *Imasmim araññe: trong cốc nhỏ trong rừng.*

- *Imasmim susāne: trong nghĩa địa.*

- *Imāya gūhāyam: trong động. ...*

### **Đức-Phật cho phép tỳ-khuru đi trong vòng 7 ngày**

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthī. Khi ấy, cận-sự-nam Udena thuê mướn nhóm thợ xây dựng xong một ngôi Tăng-xá tại xóm nhà trong đất nước Kosala, để cúng dường đến chư tỳ-khuru-Tăng. Thí-chủ Udena gọi nhóm người đại-diện đi đến ngôi chùa có đông chư tỳ-khuru-Tăng, đánh lễ chư tỳ-khuru-Tăng, rồi bạch theo lời của thí-chủ Udena rằng:

*“Āgacchantu Bhadantā, icchāmi dānañca dātum, dhammañca sotum, bhikkhū ca passitum.”*<sup>(1)</sup>

- Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng, con muốn tạo phước-thiện bố-thí cúng dường ngôi Tăng-xá, nghe pháp, chiêm bái chư tỳ-khuru. Bạch Ngài.

Nghe bạch như vậy, chư tỳ-khuru nói nhóm người đại diện về thưa với thí-chủ Udena rằng:

- Này cận-sự-nam thí-chủ Udena! Đức-Thế-Tôn chế-định rằng: “Chư tỳ-khuru đang an cư nhập hạ trước hoặc an cư nhập hạ sau tại một chỗ cố định suốt 3 tháng mùa mưa, không được phép rời đi nơi khác.

<sup>1</sup> Vinayapiṭaka, Mahāvagga, Sattāhakaranīyānujānanā.

*Vì vậy, xin cận-sự-nam Udena chờ đợi sau khi chư tỳ-khuru ra hạ xong, chư tỳ-khuru sẽ đi đến nơi ấy. Nhưng nếu cận-sự-nam cần gấp thì hãy làm lễ dâng cúng đường ngôi Tăng-xá đến chư tỳ-khuru tại bản xứ trong đất nước Kosala.”*

Khi biết chư tỳ-khuru không đến, cận-sự-nam thí-chủ Udena không hài lòng, phàn nàn.

Chư tỳ-khuru kính bạch chuyện này lên Đức-Phật. Do nhân chuyện này, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

*- Đây chư tỳ-khuru! Khi **nhóm 7 người** có gởi người đại-diện đến thỉnh mời, Như-lai cho phép đi và trở về **trong vòng 7 ngày** (sattāhakarāṇīya). Nếu không có gởi người đại-diện đến thỉnh mời thì Như-lai không cho phép đi.*

***Nhóm 7 người** đó là tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, sikkhamānā, sa-di, sa-di-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

*- Đây chư tỳ-khuru! Khi trong nhóm 7 người này có gởi người đại-diện đến thỉnh mời, Như-lai cho phép đi và trở về **trong vòng 7 ngày** (sattāhakarāṇīya). Nếu họ không gởi người đại-diện đến thỉnh mời thì Như-lai không cho phép đi.*

*- Đây chư tỳ-khuru! Cận-sự-nam thí-chủ đã cho*

xây dựng ngôi vihāra, để tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khuru-Tăng, khi thí-chủ ấy có gởi người đại-diện đến thỉnh mời, Như-lai cho phép đi và trở về **trong vòng 7 ngày** (sattāhakarāṇīya). Nhưng nếu không gởi người đại-diện đến thỉnh mời thì Như-lai không cho phép đi.

\* Thuở nọ, **vị tỳ-khuru** lâm bệnh, gởi người đại-diện đi đến ngôi chùa có nhiều vị tỳ-khuru, đánh lễ chư tỳ-khuru, bạch theo lời của vị tỳ-khuru rằng:

- Kính bạch chư tỳ-khuru, tôi đang lâm bệnh, kính thỉnh chư tỳ-khuru đến tìm cách chữa trị bệnh cho tôi. Bạch quý Ngài.

Chư tỳ-khuru kính bạch chuyện này lên Đức-Phật. Nghe như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru!* Khi **sahadhammika**: bạn đồng xuất gia bị bệnh, dù không có gởi người đại-diện thỉnh mời, Như-lai vẫn cho phép đi và trở về **trong vòng 7 ngày** (sattāhakarāṇīya), huống gì có gởi người đại-diện đến thỉnh mời.

**Sahadhammika**: Bạn đồng xuất gia, đó là tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, sikkhamānā<sup>(1)</sup>, sa-di, sa-di-ni.

---

<sup>1</sup> Sikkhamānā: Tu-nữ đang thực hành để trở thành tỳ-khuru-ni.



- *Này chư tỳ-khuru! Khi trong nhóm sahadhammika lâm bệnh, dù không có gởi người đại-diện thỉnh mời, Như-lai vẫn cho phép đi và trở về trong vòng 7 ngày (sattāhakaranīya).*

Vị tỳ-khuru đến thăm *sahadhammika* lâm bệnh với tác-ý tìm *gilānabhatta* (vật thực thích hợp với tỳ-khuru bệnh), *gilānupaṭṭhākabhatta* (vật thực cho tỳ-khuru nuôi bệnh), *gilānabhesajja* (thuốc cho tỳ-khuru bệnh), chăm sóc tỳ-khuru bệnh, ... nhưng mà tỳ-khuru ấy phải trở về trong vòng 7 ngày.

\* Thuở nọ, **mẫu-thân** của vị tỳ-khuru lâm bệnh, gởi người đại-diện đi đến gặp vị tỳ-khuru vốn là con trai, đánh lễ vị tỳ-khuru, bạch theo lời của mẫu-thân rằng:

- *Kính bạch tỳ-khuru, mẹ đang lâm bệnh, xin thỉnh tỳ-khuru về thăm, mẹ rất trông mong đánh lễ tỳ-khuru.*

Chư tỳ-khuru kính bạch chuyện này lên Đức-Phật. Nghe như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Khi trong nhóm 7 người đó là tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, sikkhamānā, sa-di, sa-di-ni và mẫu-thân, phụ-thân của tỳ-khuru lâm bệnh, dù không có gởi người đại-diện thỉnh mời,*

*Như-lai vẫn cho phép đi và trở về trong vòng 7 ngày (sattāhakaṇṭiya), huống gì có gởi người đại-diện đến thỉnh mời.*

### **Nguyện đi và về trong vòng 7 ngày**

Trong khi đang an cư nhập hạ tại một ngôi chùa, vị tỳ-khưu có lý do chính đáng được phép đi ra khỏi chùa và trở về trong vòng 7 ngày. Trước khi đi vị tỳ-khưu phát nguyện rằng:

*“Anto sattāhe paṭinivattissāmi.” (3 lần)*

*(Tôi sẽ trở về trong vòng 7 ngày.) (3 lần)*

(Phát nguyện bằng tiếng Pāli hoặc tiếng Việt đều hợp pháp. Nếu vị tỳ-khưu nào đi quá 7 đêm, thì vị tỳ-khưu ấy bị dứt hạ và bị phạm điều-giới dukkaṭa.)

### **Tỳ-khưu nhập hạ gặp tai nạn**

Chư tỳ-khưu đang an cư nhập hạ tại ngôi chùa gần ven rừng, gặp các loài thú dữ đến làm tai hại đến sinh-mạng.

Chư tỳ-khưu kính bạch chuyện ấy lên Đức-Phật. Nghe như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Nếu chư tỳ-khuru đang an cư nhập hạ mà bị các loài thú dữ làm tai hại đến sinh-mạng, thì các con hãy đi nơi khác lánh nạn. Đó là tai nạn (antarāya) nên các con không phạm điều-giới dukkaṭa, nhưng bị đứt hạ.*

Tương tự cho những trường hợp sau:

- Xóm làng bị nạn cháy thiêu hủy nên chư tỳ-khuru đi khát thực không đủ sống.

- Xóm làng bị nạn lũ lụt tàn phá nên chư tỳ-khuru đi khát thực không đủ sống.

- Xóm làng bị nạn dịch có nhiều gia đình chết nên chư tỳ-khuru đi khát thực không đủ sống, ...

Chư tỳ-khuru đang an cư nhập hạ tại nơi nào gần xóm làng, nếu bị nạn như vậy thì chư tỳ-khuru hãy tránh đi nơi khác lánh nạn. Đó là tai nạn (antarāya) nên chư tỳ-khuru không phạm điều-giới dukkaṭa, nhưng bị đứt hạ.

## Lễ Pavāraṇā

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthī. Theo thông lệ, sau khi chư tỳ-khuru an cư nhập hạ xong, cùng nhau đến hầu đánh lễ Đức-Phật.

Theo thông lệ, Đức-Phật truyền hỏi chư tỳ-khuru rằng:

*- Nay chư tỳ-khuru! Thân tứ-đại của các con được điều hòa hay không? Các con có kham nhẫn nổi thọ khổ không? Các con sống hòa thuận nhau, chăm sóc lẫn nhau, không cãi cọ nhau, an cư nhập hạ được an-lạc suốt 3 tháng mùa mưa phải không?*

*Hằng ngày các con đi khát thực nuôi mạng không vất vả phải không?*

Chư tỳ-khuru kính bạch với Đức-Phật rằng:

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thân tứ-đại của chúng con được điều hòa, chúng con kham nhẫn nổi thọ khổ. Chúng con sống hòa thuận nhau, biết chăm sóc lẫn nhau, không cãi cọ nhau, an cư nhập hạ được an-lạc trong suốt 3 tháng mùa mưa.*

*Hằng ngày chúng con đi khát thực nuôi mạng không vất vả. Bạch Ngài.*

Chư tỳ-khưu an cư nhập hạ suốt ba tháng mùa mưa, Đức-Phật cho phép hành **lễ pavāraṇā** rằng:

- *Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép chư tỳ-khưu an cư nhập hạ suốt ba tháng mùa mưa, được phép hành lễ pavāraṇā với 3 điều: do lỗi đã thấy (ditṭhena vā), hoặc do lỗi đã nghe (sutena vā), hoặc do nghi ngờ lỗi (parisaṅkāya vā).*

*Lễ pavāraṇā này là cách để các con nhắc nhở lẫn nhau và là cách giúp các con thoát khỏi āpatti, cũng là cách biết giữ gìn, tôn trọng giới-luật của các con.*

### Ngày lễ pavāraṇā

\* Chư tỳ-khưu nào an cư nhập hạ trước từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), suốt ba tháng mùa mưa đến ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày **lễ pavāraṇā**, qua rằm đông ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) là ngày mãn 3 tháng hạ trước.

\* Chư tỳ-khưu nào an cư nhập hạ sau từ ngày 16 tháng 7 (âm-lịch), suốt ba tháng mùa mưa đến ngày rằm (15) tháng 10 (âm-lịch) là ngày **lễ pavāraṇā**, qua rằm đông ngày 16 tháng 10 (âm-lịch) là ngày mãn 3 tháng hạ sau.

## Nghi thức hành lễ pavāraṇā

Ngày chur tỳ-khuru-Tăng hành lễ pavāraṇā thay thế ngày lễ tụng bhikkhupātimokkha, nghi thức phần đầu lễ pavāraṇā giống như nghi thức lễ tụng bhikkhupātimokkha, chỉ có khác lễ pavāraṇā mà thôi.

Ngày hành lễ *pavāraṇā* có chur tỳ-khuru từ 5 vị tỳ-khuru trở lên, chur tỳ-khuru-Tăng đều có giới trong sạch tụ hội hành Tăng-sự hành lễ Saṃghapavāraṇā tại Sīmā như sau:

1- **Pubbakaraṇa**: 4 việc làm trước

*Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca.*

*Pavāraṇāya etāni, “pubbakaraṇan”ti vuccati.*

*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pubba-karaṇāni katāni.*

2- **Pubbakicca**: 5 phận-sự trình trước

*Chandapavāraṇā utukkhānaṃ,*

*bhikkhugaṇanā ca ovādo.*

*Pavāraṇāya etāni, “pubbakiccan”ti vuccati.*

*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni pañca pubba-kiccāni katāni.*

3- **Pattakalla**: 4 điều hợp thời đúng luật

*Pavāraṇā yāvaticā ca bhikkhū kammappattā,  
Sabhāgāpattiyo ca na vijjanti.*

*Vajjanīyā ca puggalā tasmim na honti,  
“pattakallan”ti vuccati.*

*Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pattakallaṅ-  
gāni samānītāni.*

*Pubbakaraṇapubbakiccāni samāpetvā desitā-  
pattikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa  
anumatiyā pavāraṇāñattiṃ ṭhapetuṃ ārādhanam  
karoma.*

(Sau khi vị tỳ-khuru luật sư trình bày xong các điều trên.)

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đều đồng thanh nói lên lời rằng: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*  
(3 lần)

### **Tụng tỳ-khuru-nghôn Saṃghapavāraṇāñatti**

*Suṇātu me **Bhante**<sup>(1)</sup> (Āvuso) saṃgho, ajja  
pavāraṇā pannarasī yadi saṃghassa pattakallaṃ,  
saṃgho tevāsikaṃ pavāreyya.*

---

<sup>1</sup> Vị tỳ-khuru nhỏ hạ dùng từ “**Bhante**”, Ngài Trưởng-lão cao hạ dùng từ “**Āvuso**”.

*Kính bạch chư Đại-đức-Tăng, kính xin chư tỳ-khuru-Tăng nghe rõ lời tuyên-ngôn pavāraṇā của tôi. Hôm nay là ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lich) là ngày lễ pavāraṇā, nếu việc hành Tăng-sự lễ pavāraṇā hợp thời đối với chư tỳ-khuru-Tăng, xin chư tỳ-khuru-Tăng thỉnh mời đọc câu pavāraṇā 3 lần.*

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đều mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chòm-hỏm (ukkuṭikaṃ nisīditvā), chấp hai tay trên trán (añjalim paggahetvā) đọc câu pavāraṇā 3 lần.

Đầu tiên Ngài Đại-Trưởng-lão lớn hạ nhất đọc câu pavāraṇā 3 lần:

*“Saṃghaṃ āvuso pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Dutiyampi āvuso saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Tatīyampi āvuso saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.”*

*(Thưa chư pháp-đệ, tôi xin chư tỳ-khuru-Tăng,*



*xin quý vị nhắc nhở tôi với tâm-từ do lỗi của tôi mà quý vị đã thấy, hoặc do lỗi của tôi mà quý vị đã nghe, hoặc do nghi ngờ lỗi của tôi. Khi nhận thức thấy rõ lỗi, tôi sẽ sửa lại cho được hoàn thiện.)*

*(Lần thứ nhì. Lần thứ ba.)*

Chư tỳ-khuru ngồi chồm hồm, chắp 2 tay trên trán đồng thanh nói lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Sau khi Ngài Đại-Trưởng-lão lớn hạ nhất đọc câu pavāraṇā 3 lần xong, Ngài có thể ngồi nghỉ tự nhiên như thường.

Tiếp theo, Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ kế tiếp đọc câu pavāraṇā 3 lần:

*“Saṃghaṃ Bhante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Dutiyampi Bhante saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Tatīyampi Bhante saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*(Kính bạch chư Đại-đức, tôi kính xin chư tỳ-khuru-Tăng, xin quý Đại-đức nhắc nhở tôi với tâm-từ do lỗi của tôi mà quý vị đã thấy, hoặc do lỗi của tôi mà quý vị đã nghe, hoặc do nghi ngờ lỗi của tôi. Khi nhận thức thấy rõ lỗi, tôi sẽ sửa lại cho được hoàn thiện.)*

*(Lần thứ nhì. Lần thứ ba.)*

Chư tỳ-khuru ngồi chồm hồm, chắp 2 tay trên trán đồng thanh nói lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Sau khi Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ kế tiếp đọc câu pavāraṇā 3 lần xong, Ngài có thể ngồi nghỉ tự nhiên như thường.

Và theo tuần tự mỗi vị tỳ-khuru như vậy, cho đến vị tỳ-khuru nhỏ hạ cuối cùng đọc câu pavāraṇā 3 lần:

*“Saṃghaṃ Bhante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Dutiyampi Bhante saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Tatīyampi Bhante saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*(Kính bạch chư Đại-đức, con kính xin chư tỳ-khuru-Tăng, xin quý Ngài nhắc nhở con với tâm-từ tế độ do lỗi của con mà quý Ngài đã thấy, hoặc do lỗi của con mà quý Ngài đã nghe, hoặc do nghi ngờ lỗi của con. Khi nhận thức thấy rõ lỗi, con sẽ sửa lại cho được hoàn thiện.)*

*(Lần thứ nhì. Lần thứ ba.)*

Chư tỳ-khuru ngồi chấp 2 tay trên trán đồng thanh nói lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Như vậy, chư tỳ-khuru-Tăng đã hành Tăng-sự hành lễ pavāraṇā ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) xong, qua rạng đông ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) là ngày mãn 3 tháng hạ trước.

\* Chư tỳ-khuru nào an cư nhập hạ sau từ ngày 16 tháng 7 (âm-lịch), suốt ba tháng mùa mưa đến ngày rằm (15) tháng 10 (âm-lịch) là ngày lễ **pavāraṇā**. Mọi nghi thức và cách thức hành lễ pavāraṇā hoàn toàn giống như chư tỳ-khuru an cư nhập hạ trước.

## Pavāraṇā có 3 loại

**1- Saṃghapavāraṇā:** Chư tỳ-khưu-Tăng hành lễ pavāraṇā nơi chư tỳ-khưu-Tăng có từ 5 vị tỳ-khưu trở lên.

**2- Gaṇapavāraṇā:** Chư tỳ-khưu hành lễ pavāraṇā nơi nhóm tỳ-khưu chỉ có 4 hoặc 3 hoặc 2 vị tỳ-khưu mà thôi.

**3- Puṅgalapavāraṇā:** Tỳ-khưu hành lễ adhiṭṭhāna-pavāraṇā chỉ có 1 vị tỳ-khưu mà thôi.

## Giải giải

### 1- Saṃghapavāraṇā có 5 vị tỳ-khưu

\* Một ngôi chùa chỉ có 5 vị tỳ-khưu an cư nhập hạ, đến ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày **lễ pavāraṇā**, chư tỳ-khưu suy nghĩ rằng: “Đức-Phật chế-định rằng: ‘Tỳ-khưu phải hành lễ Saṃghapavāraṇā.’”

*Chúng ta có 5 vị tỳ-khưu sẽ hành lễ Saṃghapavāraṇā như thế nào?”*

Chư tỳ-khưu đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này.

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép 5 vị tỳ-khuru hành lễ Saṃghapavāraṇā<sup>(1)</sup> tại Sīmā.*

## 2- Gaṇapavāraṇā có 4 vị tỳ-khuru

\* Một ngôi chùa chỉ có 4 vị tỳ-khuru an cư nhập hạ, chư tỳ-khuru suy nghĩ rằng: “Đức-Phật cho phép 5 vị tỳ-khuru hành lễ Saṃghapavāraṇā tại Sīmā.

*Chúng ta chỉ có 4 vị tỳ-khuru sẽ hành lễ pavāraṇā như thế nào?”*

Chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này.

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép 4 vị tỳ-khuru hành lễ **gaṇapavāraṇā** với nhau tại Sīmā.*

Mọi nghi thức thực hành như sau:

**Pubbakaraṇa:** 4 việc cần làm trước

- *Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā.*
- *Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (khi trời tối).*
- *Chuẩn bị nước uống đầy đủ.*

---

<sup>1</sup> Mọi nghi thức hành lễ Saṃghapavāraṇā 5 vị tỳ-khuru giống như đã trình bày trong phần Saṃghapavāraṇā từ 5 vị tỳ-khuru trở lên.

- *Trái tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khuru.*

Đó là 4 việc cần làm trước khi chư tỳ-khuru đều có các điều-giới trong sạch tụ hội hành lễ pavāraṇā với nhau tại Sīmā.

### **Cách hành lễ gaṇapavāraṇā 4 vị tỳ-khuru**

Đức-Phật truyền dạy cách hành lễ gaṇapavāraṇā 4 vị tỳ-khuru với nhau như sau:

Vị tỳ-khuru có trí-tuệ hiểu biết về luật tụng tuyên-ngôn gaṇapavāraṇāñatti tại Sīmā.

### **Tụng tuyên-ngôn gaṇapavāraṇāñatti <sup>(1)</sup>**

*Suṇantu me āyasmanto, ajja pavāraṇā  
pannarasī yadāyasmantānaṃ pattakallaṃ,  
mayam aññamaññaṃ tevāsikaṃ pavāreyyāma.*

Vị tỳ-khuru lớn hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hóm, chấp hai tay trên trán đọc câu pavāraṇā 3 lần với 3 vị tỳ-khuru nhỏ hạ rằng:

*“Ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi, diṭṭhena  
vā sutena vā parisankāya vā, vadantu maṃ  
āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto  
paṭikarissāmi.*

<sup>1</sup> Vi. Mahāvagga, Pavāraṇākkhandhaka, Saṃghapavāraṇā.

*Dutiyampi ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Tatīyampi ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*(Này chư pháp-đệ! Tôi xin chư pháp-đệ, xin quý pháp-đệ nhắc nhở tôi với tâm-từ do lỗi của tôi mà quý vị đã thấy, hoặc do lỗi của tôi mà quý vị đã nghe, hoặc do nghi ngờ lỗi của tôi. Khi nhận thức thấy rõ lỗi, tôi sẽ sửa lại cho được hoàn thiện.)*

*(Lần thứ nhì. Lần thứ ba.)*

Ba vị tỳ-khuru nhỏ hạ ngời chòm hóm chấp tay trên trán nói lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Sau khi vị tỳ-khuru lớn hạ nhất đọc câu pavāraṇā 3 lần xong. Tiếp theo, 3 vị tỳ-khuru nhỏ hạ tuần tự mỗi vị tỳ-khuru đọc câu pavāraṇā 3 lần, vị tỳ-khuru nhỏ hạ nhất đọc như sau:

*“Ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Dutiyampi ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Tatīyampi ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*(Kính bạch chư pháp-huynh, đệ kính xin chư pháp-huynh, xin quý pháp-huynh nhắc nhở đệ với tâm-từ tế độ do lỗi của đệ mà quý vị đã thấy, hoặc do lỗi của đệ mà quý vị đã nghe, hoặc do nghi ngờ lỗi của đệ. Khi nhận thức thấy rõ lỗi, đệ sẽ sửa lại cho được hoàn thiện.)*

*(Lần thứ nhì. Lần thứ ba.)*

Ba vị tỳ-khuru ngồi chấp hai tay trên trán nói lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Bốn vị tỳ-khuru đã hành lễ pavāraṇā xong.

## **2.1- Gaṇapavāraṇā có 3 vị tỳ-khuru**

\* Một ngôi chùa chỉ có 3 vị tỳ-khuru an cư nhập hạ, chư tỳ-khuru suy nghĩ rằng: “Đức-Phật cho phép 4 vị tỳ-khuru hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā.



*Chúng ta chỉ có 3 vị tỳ-khuru sẽ hành lễ pavāraṇā như thế nào?”*

Chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này.

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

*- Nay chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép 3 vị tỳ-khuru hành lễ **gaṇapavāraṇā** với nhau tại Sīmā.*

Mọi nghi thức thực hành như sau:

**Pubbakaraṇa:** 4 việc cần làm trước

- *Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā.*
- *Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (khi trời tối).*
- *Chuẩn bị nước uống đầy đủ.*
- *Trái tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khuru.*

Đó là 4 việc cần làm trước khi chư tỳ-khuru đều có các điều-giới trong sạch tụ hội hành lễ pavāraṇā với nhau tại Sīmā.

**Cách hành lễ gaṇapavāraṇā 3 vị tỳ-khuru**

Đức-Phật truyền dạy cách hành lễ gaṇapavāraṇā 3 vị tỳ-khuru với nhau như sau:

Vị tỳ-khuru có trí-tuệ hiểu biết về luật tụng tuyên-ngôn gaṇapavāraṇāñatti tại Sīmā.

### Tụng tuyên-ngôn gaṇapavāraṇāñatti <sup>(1)</sup>

*Suṇantu me āyasmantā, ajja pavāraṇā  
pannarasī yadāyasmantānaṃ pattakallaṃ,  
mayam aññamaññaṃ tevāsikaṃ pavāreyyāma.*

Vị tỳ-khuu lớn hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hòm, chấp hai tay trên trán đọc câu pavāraṇā 3 lần với 2 vị tỳ-khuu nhỏ hạ rằng:

*“Ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi, diṭṭhena  
vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ  
āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto  
paṭikarissāmi.*

*Dutiyampi ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi,  
diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu  
maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto  
paṭikarissāmi.*

*Tatiyampi ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi,  
diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu  
maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto  
paṭikarissāmi.*

Hai vị tỳ-khuu nhỏ hạ ngồi chồm hòm chấp tay trên trán nói lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Sau khi vị tỳ-khuu lớn hạ nhất đọc câu pavāraṇā

---

<sup>1</sup> Vi. Mahāvagga, Pavāraṇākkhandhaka, Saṃghapavāraṇā.

3 lần xong. Tiếp theo, 2 vị tỳ-khuru nhỏ hạ theo tuần tự mỗi vị tỳ-khuru đọc câu pavāraṇā 3 lần:

*“Ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Dutiyaṃpi ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Tatiyaṃpi ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

Hai vị tỳ-khuru ngồi chấp hai tay trên trán nói lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Ba vị tỳ-khuru đã hành lễ pavāraṇā xong.

## 2.2- Gaṇapavāraṇā có 2 vị tỳ-khuru

\* Một ngôi chùa chỉ có 2 vị tỳ-khuru an cư nhập hạ, chư tỳ-khuru suy nghĩ rằng: *“Đức-Phật cho phép 3 vị tỳ-khuru hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā.*

*Chúng ta chỉ có 2 vị tỳ-khuru sẽ hành lễ pavāraṇā như thế nào?”*

Chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này.

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép 2 vị tỳ-khuru hành lễ **gaṇapavāraṇā** với nhau tại Sīmā.*

Mọi nghi thức thực hành như sau:

**Pubbakaraṇa**: có 4 việc cần làm trước

- *Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā.*
- *Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (khi trời tối).*
- *Chuẩn bị nước uống đầy đủ.*
- *Trải tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khuru.*

Đó là 4 việc cần làm trước khi chư tỳ-khuru đều có các điều-giới trong sạch tụ hội hành lễ pavāraṇā với nhau tại Sīmā.

### **Cách hành lễ gaṇapavāraṇā 2 vị tỳ-khuru**

Đức-Phật truyền dạy cách hành lễ gaṇapavāraṇā 2 vị tỳ-khuru với nhau như sau:

Hai vị tỳ-khuru không tụng tuyên-ngôn ñatti, mà mỗi vị tỳ-khuru đọc câu pavāraṇā 3 lần.

Vị tỳ-khuru lớn hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hóm, chắp hai tay trên trán đọc câu pavāraṇā 3 lần với 1 vị tỳ-khuru nhỏ hạ rằng:

*“Ahaṃ āvuso āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Dutiyampi ahaṃ āvuso āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Tatiyampi ahaṃ āvuso āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

Vị tỳ-khuru nhỏ hạ ngòì chòm hỏm chấp tay trên trán nói lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Sau khi vị tỳ-khuru lớn hạ đọc câu pavāraṇā 3 lần xong. Tiếp theo, vị tỳ-khuru nhỏ hạ đọc câu pavāraṇā 3 lần:

*“Ahaṃ Bhante āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Dutiyampi ahaṃ Bhante āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.*

*Tatīyampi ahaṃ Bhante āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisāṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.”*

Vị tỳ-khuru lớn hạ ngời chấp hai tay trên trán nói lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Hai vị tỳ-khuru đã hành lễ pavāraṇā xong.

### **3- Puggalapavāraṇā có 1 vị tỳ-khuru**

\* Một chỗ chỉ có 1 vị tỳ-khuru an cư nhập hạ, vị tỳ-khuru suy nghĩ rằng: *“Đức-Phật cho phép 2 vị tỳ-khuru hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā.*

*Ta chỉ có một mình sẽ hành lễ pavāraṇā như thế nào?”*

Vị tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này.

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

*- Nay chư tỳ-khuru! Một chỗ ở chỉ có 1 vị tỳ-khuru an cư nhập hạ, đến ngày lễ pavāraṇā vị tỳ-khuru cần phải thực hành mọi nghi thức như sau:*

**Pubbakaraṇa:** 4 việc cần làm trước

*- Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā.*

- Đốt đèn thấp sáng tại Sīmā (khi trời tối).
- Chuẩn bị nước uống đầy đủ.
- Trải tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khuru.

Vị tỳ-khuru ấy chờ đợi chư tỳ-khuru khách đến, để cùng chung hành lễ pavāraṇā. Nếu không có vị tỳ-khuru khách nào đến thì vị tỳ-khuru ấy một mình thực hành **adhīṭṭhānapavāraṇā** (phát nguyện pavāraṇā) rằng:

“Ajja me pavāraṇā pannarasī.”

(Hôm nay ngày rằm (15) là ngày pavāraṇā của tôi.)

Ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày lễ pavāraṇā. Nếu vị tỳ-khuru nào không hành lễ pavāraṇā thì vị tỳ-khuru ấy phạm điều-giới dukkaṭa āpatti.

### **Tỳ-khuru có āpatti không được dự lễ pavāraṇā**

Thuở ấy, nhóm 6 tỳ-khuru chabbaggiya có āpatti vào hành lễ pavāraṇā. Chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, bạch chuyện này. Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru có āpatti không được phép vào ngồi chung với chư tỳ-khuru có giới trong sạch tại Sīmā, khi hành lễ pavāraṇā. Tỳ-*

*khuru nào có āpatti mà hành lễ pavāraṇā, tỳ-khuru ấy phạm điều-giới dukkaṭa.*

*- Nay chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru nào có āpatti cần phải sám hối āpatti ấy để giới trong sạch trở lại, rồi Như-lai cho phép tỳ-khuru ấy vào hành lễ pavāraṇā.*

### **Lễ pavāraṇā có 4 cách**

- Tevācīkāpavāraṇā: Đọc pavāraṇā 3 lần.*
- Dvevācīkāpavāraṇā: Đọc pavāraṇā 2 lần.*
- Ekavācīkāpavāraṇā: Đọc pavāraṇā 1 lần.*
- Samānavassīkāpavāraṇā: Chư tỳ-khuru đồng hạ với nhau cùng đọc pavāraṇā 3 lần.*

### **Giải giải**

#### **1- Tevācīkāpavāraṇā: Đọc pavāraṇā 3 lần**

Chư tỳ-khuru an cư nhập hạ trước trong 3 tháng mùa mưa tại một ngôi chùa từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), đến ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày **lễ pavāraṇā**, tất cả chư tỳ-khuru từ Ngài Trưởng-lão lớn hạ nhất cho đến vị tỳ-khuru nhỏ hạ nhất đều hành lễ pavāraṇā.

Đầu tiên, Ngài Trưởng-lão lớn hạ nhất theo tuần tự cho đến vị tỳ-khuru nhỏ hạ nhất, mỗi vị tỳ-



khuru đều hành lễ pavāraṇā đọc câu pavāraṇā 3 lần gọi là *tevācīkāpavāraṇā*.

## 2- *Dvivācīkāpavāraṇā*: Đọc pavāraṇā 2 lần

Trong vùng thôn quê của đất nước Kosala có một ngôi chùa có nhiều vị tỳ-khuru an cư nhập hạ trong 3 tháng mùa mưa từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), đến ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày *lễ pavāraṇā*, chư tỳ-khuru theo tuần tự lớn hạ, nhỏ hạ đang hành lễ pavāraṇā, mỗi vị tỳ-khuru đọc câu pavāraṇā 3 lần, gọi là *tevācīkāpavāraṇā*.

Khi ấy, dân chúng đông đảo từ các ngôi làng dẫn nhau vào chùa lánh nạn.

Vì vậy, chư tỳ-khuru không thể hành lễ pavāraṇā mỗi vị tỳ-khuru đọc câu pavāraṇā 3 lần, nên chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, kính bạch chuyện này. Đức-Phật truyền dạy rằng:

*- Nay chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép mỗi vị tỳ-khuru chỉ đọc câu pavāraṇā 2 lần mà thôi, gọi là *dvivācīkāpavāraṇā*.*

## 3- *Ekavācīkāpavāraṇā*: Đọc pavāraṇā 1 lần

Dân chúng càng đông đảo từ các ngôi làng dẫn nhau vào chùa lánh nạn. Vì vậy, chư tỳ-khuru

không thể hành lễ pavāraṇā mỗi vị tỳ-khuru đọc câu *pavāraṇā* 2 lần, nên chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, kính bạch chuyện này. Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép mỗi vị tỳ-khuru chỉ đọc câu pavāraṇā 1 lần mà thôi, gọi là ekavācīkāpavāraṇā.*

4- **Samānavassikāpavāraṇā**: Chư tỳ-khuru đồng hạ với nhau cùng đọc pavāraṇā 3 lần.

Dân chúng càng thêm đông đảo từ các ngôi làng dẫn nhau vào chùa lánh nạn. Vì vậy, chư tỳ-khuru không thể hành lễ pavāraṇā mỗi vị tỳ-khuru đọc câu *pavāraṇā* 1 lần, nên chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, kính bạch chuyện này. Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép tỳ-khuru có tuổi hạ đồng nhau, cùng nhau đọc câu pavāraṇā 3 lần, gọi là samānavassikāpavāraṇā.*

**Antarāya có 10 điều:**

- 1- Đức-vua (đại diện chính quyền) đến chùa.
- 2- Bọn cướp vào chùa.
- 3- Chùa bị thiêu cháy.

- 4- Nước ngập lụt vào chùa.
- 5- Nhiều người đến chùa.
- 6- Phi nhân nhập tỳ-khuru.
- 7-Thú dữ vào chùa.
- 8- Rắn độc bò vào chùa.
- 9- Tỳ-khuru lâm bệnh nặng, hoặc tỳ-khuru chết.
- 10- Có sự tai hại đến phạm-hạnh của tỳ-khuru.

Đó là 10 điều antarāya: điều tai-hại, điều trở-ngại làm cản trở việc hành **lễ pavāraṇā** của chư tỳ-khuru.

\* Một ngôi chùa nào có đông chư tỳ-khuru-Tăng, vào ngày **lễ pavāraṇā** nếu có antarāya: điều tai-hại, điều trở-ngại nào trong 10 điều xảy ra tại ngôi chùa ấy, thì Đức-Phật cho phép Ngài Đại-Trưởng-lão hội họp chư tỳ-khuru-Tăng bàn thảo, mỗi vị tỳ-khuru nên đọc *câu pavāraṇā* 2 lần hoặc đọc *câu pavāraṇā* 1 lần hoặc các tỳ-khuru có đồng tuổi hạ cùng nhau đọc *câu pavāraṇā* 3 lần, để cho tất cả các vị tỳ-khuru đều hành lễ pavāraṇā đúng theo Đức-Phật đã chế-định, bởi vì nếu vị tỳ-khuru nào không hành **lễ pavāraṇā** thì vị tỳ-khuru ấy bị phạm điều-giới dukkaṭa.

## Lễ dâng y kathina đến chư tỳ-khuru-Tăng

*Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa. Thật ra, mùa mưa gồm có 4 tháng kể từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch) cho đến rạng đông ngày 16 tháng 10 (âm-lịch).*

- Nếu vị tỳ-khuru nào an cư nhập hạ trước kể từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch) cho đến ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày hành lễ pavāraṇā, qua rạng đông ngày 16 tháng 9 là ngày mãn hạ trước.

- Nếu vị tỳ-khuru nào an cư nhập hạ sau kể từ ngày 16 tháng 7 (âm-lịch) cho đến ngày rằm (15) tháng 10 (âm-lịch) là ngày hành lễ pavāraṇā, qua rạng đông ngày 16 tháng 10 là ngày mãn hạ sau.

### Sau khi ra hạ, Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru thọ y kathina<sup>(1)</sup>

Trong Tạng Luật, bộ Mahāvagga, phần Kathinakkhandhaka:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú-hộ Anāthapiṇḍika, gần kinh-thành Sāvattthī. Khi ấy, nhóm 30 vị tỳ-khuru xứ Pāveyya là huynh đệ trong hoàng tộc, đều là

<sup>1</sup> Vinayaṭṭaka, Mahāvagga, Kathinakkhandhaka.

bậc Thánh-nhân như *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai*, chưa có vị tỳ-khưu nào là *bậc Thánh A-ra-hán*. Tất cả quý Ngài đều thọ hạnh dhutaṅga (đầu-đà) như *hạnh đầu-đà thọ tam y, hạnh đầu-đà đi khát thực, hạnh đầu-đà ở trong rừng, ...* Quý Ngài đều có ý định đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật tại ngôi chùa Jetavana, rồi sẽ an cư nhập hạ tại kinh-thành Sāvathī.

Trên đường đi chùa đến kinh-thành Sāvathī, quý Ngài mới đến xứ Sāketa, nhằm vào ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), là ngày chư tỳ-khưu-Tăng phải an cư nhập hạ tại một chỗ cố định suốt 3 tháng mùa mưa. Cho nên, quý Ngài cũng phải an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại xứ Sāketa, mà tâm của quý Ngài luôn luôn hướng về Đức-Phật, quý Ngài thường nói với nhau rằng:

*“Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvathī, cách chỗ ở của chúng ta chỉ có 6 do-tuần (120 cây số), nhưng mà chúng ta không thể đi đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn được.”*

Vào ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày hành lễ pavāraṇā, mỗi Ngài hành lễ pavāraṇā xong. Rạng đông ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) mãn 3 tháng hạ, quý Ngài tiếp tục lên đường đi đến

kinh-thành Sāvattthī. Mặc dù tháng cuối mùa mưa, nhưng trời vẫn còn mưa nhẹ hột, trên đường có nhiều vũng nước, đường sá lầy lội, quý Ngài mặc trên mình bộ tam y ướt đẫm và dính đầy sinh lầy, thân thể phải chịu nhiều vất vả. Khi đi đến ngôi chùa Jetavana, quý Ngài vào hầu đánh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Đức-Phật truyền hỏi chư tỳ-khuru rằng:

*- Nay chư tỳ-khuru! Thân tứ-đại của các con được điều hòa hay không? Các con có kham nhẫn nổi thọ khổ không? Các con sống hòa thuận nhau, chăm sóc lẫn nhau, không cãi cọ nhau, an cư nhập hạ được an-lạc suốt 3 tháng mùa mưa phải không?*

*Hằng ngày các con đi khát thực nuôi mạng không vất vả phải không?*

Chư tỳ-khuru kính bạch với Đức-Phật rằng:

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thân tứ-đại của chúng con được điều hòa, chúng con có kham nhẫn nổi thọ khổ. chúng con sống hòa thuận nhau, biết chăm sóc lẫn nhau, không cãi cọ nhau, an cư nhập hạ được an-lạc trong suốt 3 tháng mùa mưa.*

*Hằng ngày chúng con đi khát thực nuôi mạng không vất vả. Bạch Ngài.*

*Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con có 30 huynh đệ người xứ Pāveyya đều có ý định đi đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi sẽ an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại kinh-thành Sāvathī. Khi chúng con đến xứ Sāketa, nhằm vào ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), là ngày chư tỳ-khuru-Tăng phải an cư nhập hạ tại một chỗ cố định suốt 3 tháng mùa mưa. Cho nên, chúng con cũng phải an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại xứ Sāketa, mà tâm của chúng con luôn luôn hướng về Đức-Thế-Tôn, chúng con thường nói với nhau rằng:*

*“Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvathī, cách chỗ ở của chúng ta chỉ có 6 do-tuần, nhưng mà chúng ta không thể đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn được.”*

*Vào ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày hành lễ pavāraṇā, mỗi người chúng con hành lễ pavāraṇā xong. Sáng ngày 16 tháng 9, chúng con tiếp tục lên đường đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn.*

### **Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru thọ y kathina**

Khi ấy, Đức-Phật thuyết pháp tế độ nhóm 30 vị tỳ-khuru xứ Pāveyya. Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp xong, tất cả nhóm 30 vị tỳ-khuru ấy đều trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cả thảy.

Nhóm 30 vị tỳ-khuru xứ Pāveyya là nguyên-nhân đầu tiên, Đức-Phật truyền dạy cho phép chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép, sau khi chư tỳ-khuru đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa xong, được phép nhận y kathina của thí-chủ.*

- *Này chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru đã hành lễ thọ y kathina xong rồi, hưởng được 5 đặc-ân là:*

1- *Khi vị tỳ-khuru nào được thỉnh mời, vị tỳ-khuru ấy đi ra khỏi chùa mà không kịp báo cho vị tỳ-khuru khác biết, cũng không phạm điều-giới.*

2- *Vị tỳ-khuru ấy không giữ gìn đủ tam y, cũng không phạm điều-giới.*

3- *Vị tỳ-khuru ấy dùng vật thực cùng nhóm có 4 vị tỳ-khuru trở lên, dù thí-chủ gọi tên vật thực ấy, cũng không phạm điều-giới.*

4- *Vị tỳ-khuru ấy nhận tám y khác ngoài tam y, được phép giữ gìn quá 10 đêm, không phạm điều-giới.*

5- *Y phát sinh tại nơi nào, vị tỳ-khuru ấy được phép nhận y tại nơi ấy.*



- *Này chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru đã làm lễ thọ y kathina xong rồi, sẽ hưởng được 5 đặc-ân này.* <sup>(1)</sup>

### **Thời hạn tỳ-khuru hưởng 5 đặc-ân**

Chư tỳ-khuru an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa trước, kể từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch) cho đến rạng đông ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) là ngày mãn hạ trước. Đức-Phật cho phép chư tỳ-khuru nhận y kathina của thí-chủ.

\* Nếu chư tỳ-khuru nào không hành lễ thọ y kathina (bởi vì không có thí-chủ dâng y kathina đến chư tỳ-khuru-Tăng), thì chư tỳ-khuru ấy hưởng được 5 đặc-ân chỉ được 1 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến ngày rằm (15) tháng 10 là hết thời hạn hưởng 5 đặc-ân.

\* Nếu chư tỳ-khuru nào có thí-chủ tạo phước-thiện cúng-dường dâng y kathina đến chư tỳ-khuru-Tăng thì chư tỳ-khuru-Tăng nhận y kathina của thí-chủ, rồi chọn một vị tỳ-khuru xứng đáng để làm lễ thọ y kathina của chư tỳ-khuru-Tăng xong. Chư tỳ-khuru ấy đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathina của chư tỳ-khuru-Tăng xong, được hưởng **5 đặc-ân** của lễ thọ y kathina suốt 5 tháng, kể từ

<sup>1</sup> Vinayapiṭaka, Mahāvagga, phần Kathinakkhandhaka.

ngày 16 tháng 9 đến ngày rằm (15) tháng 2 là hết thời hạn hưởng 5 đặc-ân.

Trong 45 hạ của Đức-Phật, vào hạ thứ 14, Đức-Phật cùng chư tỷ-khuru-Tăng an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvattthī.

Sau khi mãn hạ, nhóm 30 vị tỷ-khuru xứ Pāvēyya đến hầu đánh lễ Đức-Phật tại ngôi chùa Jetavana, Đức-Phật thuyết pháp tế độ nhóm 30 vị tỷ-khuru xứ Pāvēyya đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán. Khi ấy, Đức-Phật cho phép sau khi chư tỷ-khuru đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa xong, *được phép nhận y kathina của thí-chủ.*

### **Tám y kathina (kathinacīvara)**

*Đức-Phật cho phép tám y gọi là tám y kathina là 1 trong 3 tám y: tám y saṃghāṭi (tám y dày 2 lớp) hoặc tám y uttarasaṅga (tám y mặc choàng từ vai che phủ xuống dưới 2 đầu gối 4 lóng tay) hoặc tám y antaravāsaka (tám y mặc che lỗ rún phủ xuống dưới 2 đầu gối 8 lóng tay).*

**Tám y kathina (kathinacīvara)** là tám y như thế nào?

Trong Chú-giải bộ Luật Mahāvagga dạy rằng:

*“Kathinaṃ nāma ati ukkaṭṭhaṃ vaṭṭati, mātarampi viññāpetuṃ na vaṭṭati, ākāsaṭo otiṇṇa-sadisameva vaṭṭati.”* <sup>(1)</sup>

- Y *kathinacīvara* là tấm y hoàn toàn trong sạch và cao quý nhất, vị tỳ-khuru không được phép xin tấm y *kathinacīvara*, dù xin từ mẫu thân. Tấm y *kathinacīvara* phát sinh một cách hoàn toàn trong sạch, ví như từ trên hư không rơi xuống giữa chư tỳ-khuru-Tăng (không dành riêng cho vị tỳ-khuru nào).

Thật ra, vị tỳ-khuru được phép xin 4 thứ vật dụng từ mẫu-thân hoặc phụ-thân của mình, thậm chí từ người thí-chủ xin hộ độ mình, nhưng về *tấm y kathinacīvara*, vị tỳ-khuru không được phép xin trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc biểu lộ bằng lời nói cho thí-chủ biết để làm lễ kính dâng y *kathinacīvara* đến chư tỳ-khuru-Tăng, bởi vì tấm y *kathinacīvara* phát sinh hoàn toàn trong sạch và cao quý nhất (ati ukkaṭṭha).

### \* Thời gian làm lễ kính dâng y *kathinacīvara*

Đức-Phật cho phép làm lễ kính dâng y *kathinacīvara* đến chư tỳ-khuru-Tăng kể từ ngày

<sup>1</sup> Vi. Aṭṭhakathā, Mahāvaggaṭṭhakathā, Kathinakkhandhaka.

16 tháng 9 (âm-lịch) cho đến ngày rằm (15) tháng 10 (âm-lịch), thời gian khoảng một tháng.

**\* Thí-chủ làm lễ kính dâng y kathinacīvara**

Thí-chủ gồm có 7 hạng là *chur-thiên, loài-người, tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, sikkhamānā (tu-nữ học tập để lên tỳ-khuru-ni), sa-di, sa-di-ni*, đều có thể làm lễ kính dâng y kathina đến chư tỳ-khuru-Tăng.

**\* Chư tỳ-khuru-Tăng nhận y kathinacīvara**

Chư tỳ-khuru an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một ngôi chùa hoặc một chỗ ở nhất định được phép nhận y kathinacīvara của thí-chủ kính-dâng đến chư tỳ-khuru-Tăng, để chư tỳ-khuru-Tăng chọn vị tỳ-khuru xứng đáng làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng. Mỗi ngôi chùa, chư tỳ-khuru-Tăng chỉ được nhận y kathinacīvara của thí-chủ một lần duy nhất mà thôi.

Quả-báu của phước-thiện bố-thí kính dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khuru-Tăng thật là vô-lượng cao quý không sao kể xiết.

**Lễ dâng y kathinacīvara thời xưa và thời nay**

\* Thời xưa, thí-chủ làm lễ kính-dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khuru-Tăng bằng tấm vải

may y kathina gọi là *kathinadussa* (tám vải may y *kathinacīvara*). Cho nên, rạng đông ngày lễ dâng y *kathinacīvara*, các thí-chủ cùng nhau đội tám vải mới đến chùa, các thí-chủ cung-kính làm lễ kính dâng tám vải may y kathina cùng với các thứ kim, chỉ, thuốc nhuộm y, v.v... dâng tận tay trong *hatthapāsa* (2 cùi tay 1 gang) đến chư tỳ-khuru-Tăng. Ngài Trưởng-lão đại diện chư tỳ-khuru-Tăng nhận tám vải may y *kathinacīvara* và các thứ kim, chỉ, thuốc nhuộm y *kathinacīvara* ấy.

Ngay sáng sớm hôm ấy, chư tỳ-khuru-Tăng tụ hội tại Sīmā, chọn ưu tiên vị tỳ-khuru nào có y cũ, y rách nhận tám vải may y *kathinacīvara* ấy, rồi tất cả chư tỳ-khuru kể cả các Ngài Trưởng-lão cùng nhau cắt, may từng mảnh rồi may ráp lại thành tám y *kathinacīvara*, nhuộm màu, mọi công việc cần phải hoàn thành xong tám y gọi là *kathinacīvara* trong ngày (đêm) hôm ấy.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng cùng tụ hội tại Sīmā, vị tỳ-khuru ấy làm các nghi lễ *thọ y kathinacīvara* của chư tỳ-khuru-Tăng, rồi kính thỉnh tất cả chư tỳ-khuru-Tăng hoan-hỷ lễ *thọ y kathinacīvara* của chư tỳ-khuru-Tăng.

\* Thời nay, những thí-chủ làm lễ kính dâng

*tám y kathinacīvara* đã may sẵn gọi là *tám y kathinacīvara* cùng với các thứ vật dụng khác đến chư tỳ-khuru-Tăng đã an cư nhập hạ tại ngôi chùa ấy.

Các thí-chủ cung-kính đem *tám y kathinacīvara* ấy đến dâng tận tay trong hatthapāsa (2 cùi tay 1 gang) đến chư tỳ-khuru-Tăng. Ngài Trưởng-lão đại diện chư tỳ-khuru-Tăng nhận *tám y kathinacīvara* ấy của các thí-chủ.

### Nghi lễ trao y kathinacīvara của tỳ-khuru-Tăng

Sau khi đã nhận *tám y kathinacīvara*, *tám y kathinacīvara* này đã thuộc về chư tỳ-khuru-Tăng, tất cả chư tỳ-khuru có từ 5 vị tỳ-khuru trở lên (đủ chư tỳ-khuru-Tăng) đều tụ hội tại Sīmā, thông báo chọn ưu tiên vị tỳ-khuru nào có y cũ, y rách xứng đáng nhận *tám y kathinacīvara* ấy của chư tỳ-khuru-Tăng. Nếu không có vị tỳ-khuru nào thì tiếp theo chọn vị tỳ-khuru có công đức lớn đối với chư tỳ-khuru trong chùa xứng đáng nhận *tám y kathinacīvara* ấy của chư tỳ-khuru-Tăng.

Khi tất cả chư tỳ-khuru đều chấp thuận, không có vị tỳ-khuru nào phản đối. Khi ấy, vị tỳ-khuru luật-sư đặt tên vị tỳ-khuru ấy là *Tissa* khi hành

Tăng-sự tụng *kathinatthāra kammavācā* trao *tám y kathinacīvara* ấy cho vị tỳ-khuru ấy như sau:

“*Suṇātu me Bhante (āvuso) Saṃgho. Idaṃ Saṃghassa kathinacīvaraṃ uppannaṃ. Yadi Saṃghassa pattakallaṃ, Saṃgho imaṃ kathinacīvaraṃ Tissassa bhikkhuno dadeyya kathinaṃ attharituṃ. Esā ñatti.*

*Suṇātu me Bhante (āvuso) Saṃgho. Idaṃ Saṃghassa kathinacīvaraṃ uppannaṃ. Saṃgho imaṃ kathinacīvaraṃ Tissassa bhikkhuno deti kathinaṃ attharituṃ, yassāyasmato khamati, imassa kathinacīvarassa Tissassa bhikkhuno dānaṃ kathinaṃ attharituṃ, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya.*

*Dinnaṃ idaṃ Saṃghena kathinacīvaraṃ Tissassa bhikkhuno kathinaṃ attharituṃ. Khamati Saṃghassa, tasmā tuṇhī. Evametam dhārayāmi.”*

(Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng, kính xin chư tỳ-khuru-Tăng nghe rõ lời tuyên-ngôn của tôi.<sup>(1)</sup> *Tám y kathinacīvara* của chư tỳ-khuru-Tăng đã được phát sinh, nếu việc hành Tăng-sự hợp thời đối với

<sup>1</sup> Xung tôi hoặc xung con.

*chư tỷ-khuru-Tăng, kính xin chư tỷ-khuru-Tăng cho phép trao tẩm y kathinacīvara này đến vị tỷ-khuru Tissa, để làm lễ thọ y kathinacīvara. Đó là lời tuyên-ngôn. Kính bạch quý Ngài được rõ.*

*Kính bạch chư tỷ-khuru-Tăng, kính xin chư tỷ-khuru-Tăng nghe rõ lời thành-sự-ngôn của tôi. Tẩm y kathinacīvara của chư tỷ-khuru-Tăng đã được phát sinh, kính xin chư tỷ-khuru-Tăng cho phép trao tẩm y kathinacīvara này đến vị tỷ-khuru Tissa, để làm lễ thọ y kathinacīvara.*

*Quý Ngài cho phép trao tẩm y kathinacīvara này đến vị tỷ-khuru Tissa, để làm lễ thọ y kathinacīvara. Vị tỷ-khuru hài lòng, xin ngồi làm thỉnh, vị tỷ-khuru nào không hài lòng, xin phát biểu lên giữa chư tỷ-khuru-Tăng.*

*Chư tỷ-khuru-Tăng đã cho phép trao tẩm y kathinacīvara này đến vị tỷ-khuru Tissa, để làm lễ thọ y kathinacīvara. Chư tỷ-khuru-Tăng đều hài lòng chấp thuận, vì vậy, quý Ngài đều ngồi làm thỉnh. Tôi xin ghi nhận trạng-thái hài lòng bằng cách làm thỉnh ấy.)*

Sau khi tụng ñattikammavācā xong, vị tỷ-khuru lậu-sur mở gói y kathinacīvara, nếu có 3 tẩm y:



1- **Tám y saṃghāṭi** là tám y 2 lớp dùng để đắp.

2- **Tám y uttarāsaṅga** là tám y dùng để mặc choàng từ vai che phủ xuống dưới 2 đầu gối 4 lóng tay.

3- **Tám y antaravāsaka** là tám y dùng để mặc che lỗ rốn phủ xuống dưới 2 đầu gối 8 lóng tay.

Trong 3 tám y này, Đức-Phật cho phép chỉ chọn 1 trong 3 tám y ấy làm **tám y kathinacīvara** mà thôi.

### Nghi thức thọ y kathinacīvara

1- Nếu vị tỳ-khưu ấy chọn **tám y saṃghāṭi** để làm lễ thọ y **kathinacīvara** thì nghi thức làm lễ thọ **tám y saṃghāṭi** làm tám y **kathinacīvara** theo tuần tự như sau:

- Xả tám y saṃghāṭi cũ của mình:

*“Imaṃ saṃghāṭiṃ paccuddharāmi.”*

*(Tôi xin xả tám y saṃghāṭi cũ này.)*

- Làm dấu tám y saṃghāṭi mới:

*“Kappabinduṃ karomi.”*

*(Tôi làm dấu vòng tròn nhỏ bằng mắt con công bằng mực màu đen (hoặc màu xanh đậm) tại góc tám y saṃghāṭi mới.)*

- Nguyện tấ́m y saṃghāṭi mới của chư tỷ-khuru-Tăng:

*“Imaṃ saṃghāṭiṃ adhiṭṭhāmi.”*

(Tôi xin nguyện tấ́m y saṃghāṭi mới này.)

\* Vị tỷ-khuru ấy ngồi chồm hỏ́m (ukkuṭikaṃ nisīditvā), chấ́p hai tay trên trán (añjalim paggahetvā) làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỷ-khuru-Tăng với tấ́m y saṃghāṭi mới này:

*“Imāya saṃghāṭiyā kathinaṃ attharāmi.”*

(Tôi xin làm lễ thọ y kathinacīvara với tấ́m y saṃghāṭi mới này.)

(Xong lễ thọ y kathinacīvara với tấ́m y saṃghāṭi của chư tỷ-khuru-Tăng.)

2- Nếu vị tỷ-khuru ấy chọn **tấ́m y uttarasaṅga** để làm lễ thọ y kathinacīvara thì nghi thức làm lễ thọ **tấ́m y uttarasaṅga** làm tấ́m y kathinacīvara theo tuần tự như sau:

- Xả tấ́m y uttarasaṅga cũ của mình:

*“Imaṃ uttarasaṅgaṃ paccuddharāmi.”*

(Tôi xin xả tấ́m y uttarasaṅga cũ này.)

- Làm dấ́u tấ́m y uttarasaṅga mới:

*“Kappabinduṃ karomi.”*

(Tôi làm dấu vòng tròn nhỏ bằng mắt con công bằng mực màu đen (hoặc màu xanh đậm) tại góc tấm y uttarasaṅga mới.)

- Nguyên tấm y uttarasaṅga mới của chư tỳ-khuru-Tăng:

*“Imaṃ uttarasaṅgaṃ adhiṭṭhāmi.”*

(Tôi xin nguyện tấm y uttarasaṅga mới này.)

\* Vị tỳ-khuru ấy ngồi chồm hồm (ukkuṭikaṃ nisīditvā), chấp hai tay trên trán (añjalim paggahevā) làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng với tấm y uttarasaṅga mới này:

*“Iminā uttarasaṅgena kathinaṃ attharāmi.”*

(Tôi xin làm lễ thọ y kathinacīvara với tấm y uttarasaṅga mới này.)

(Xong lễ thọ y kathinacīvara với tấm y uttarasaṅga của chư tỳ-khuru-Tăng.)

3- Nếu vị tỳ-khuru ấy chọn **tấm y antaravāsaka** để làm lễ thọ y kathinacīvara thì nghi thức làm lễ **thọ tấm y antaravāsaka** làm tấm y kathinacīvara theo tuần tự như sau:

- Xả tấm y antaravāsaka cũ của mình:

*“Imaṃ antaravāsakaṃ paccuddharāmi.”*

(Tôi xin xả tấm y antaravāsaka cũ này.)

- Làm dấu tằm y antaravāsaka mới:

*“Kappabindum karomi.”*

(Tôi làm dấu vòng tròn nhỏ bằng mắt con công bằng mực màu đen (hoặc màu xanh đậm) tại góc tằm y antaravāsaka mới.)

- Nguyện tằm y antaravāsaka mới của chư tỳ-khuru-Tăng:

*“Imaṃ antaravāsakaṃ adhiṭṭhāmi.”*

(Tôi xin nguyện tằm y antaravāsaka mới này.)

\* Vị tỳ-khuru ấy ngồi chồm hỏm (ukkuṭikaṃ nisīditvā), chấp hai tay trên trán (añjalim paggahetvā) làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng với tằm y antaravāsaka mới này:

*“Iminā antaravāsakena kathinaṃ attharāmi.”*

(Tôi xin làm lễ thọ y kathinacīvara với tằm y antaravāsaka mới này.)

(Xong lễ thọ y kathinacīvara với tằm y antaravāsaka của chư tỳ-khuru-Tăng.)

### **Nghi lễ thỉnh chư tỳ-khuru-Tăng anumodanā**

Sau khi vị tỳ-khuru ấy đã chọn 1 trong 3 tằm y của chư tỳ-khuru-Tăng để làm lễ thọ y *kathinacīvara* xong, tiếp theo vị tỳ-khuru ngồi chồm hỏm

chắp hai tay trên trán kính thỉnh chư tỳ-khuru-Tăng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y *kathinacīvara* của chư tỳ-khuru-Tăng rằng:

“*Atthatam Bhante (āvuso) Saṃghassa kathinam, dhammiko kathinatthāro anumodatha.*”

(Kính bạch chư tỳ-khuru-Tăng, lễ thọ y *kathinacīvara* của chư tỳ-khuru-Tăng đã xong, lễ thọ y *kathinacīvara* của chư tỳ-khuru-Tăng hợp pháp. Kính thỉnh quý Ngài đọc câu hoan-hỷ.)

Theo Chú-giải của tạng Luật Mahāvagga, giảng giải rằng:

- Chư tỳ-khuru an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa, không bị đứt hạ, chư tỳ-khuru-Tăng cho phép vị tỳ-khuru làm lễ thọ y *kathinacīvara*. Chư tỳ-khuru đồng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y *kathinacīvara* của chư tỳ-khuru-Tăng xong, hưởng được **5 đặc-ân** suốt 5 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến ngày rằm (15) tháng 2 là mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y *kathinacīvara*.

Vị sa-di an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa, khi đủ 20 tuổi được làm lễ nâng lên tỳ-khuru trong mùa an cư nhập hạ. Vị tân tỳ-khuru ấy được phép hành lễ *pavāraṇā* cùng với chư tỳ-khuru-

*Tăng, khi mãn hạ, kể là hạ thứ nhất, được phép đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng, và được hưởng 5 đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara 5 tháng như chư tỳ-khuru.*

### **Chư tỳ-khuru đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathina**

Tất cả chư tỳ-khuru ngồi chồm hóm chấp hai tay trên trán đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng rằng:

*“Atthatam Bhante (āvuso) Saṃghassa kathinaṃ, dhammiko kathinatthāro anumodāma.”*

*(Kính bạch Ngài Trưởng-lão (hoặc pháp-đệ), lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng đã xong, lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng hợp pháp. Tất cả chúng tôi đồng thanh đọc câu hoan-hỷ.)*

Tất cả chư tỳ-khuru đồng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathina của chư tỳ-khuru-Tăng xong, hưởng được **5 đặc-ân** suốt 5 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến ngày rằm (15) tháng 2 là mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara.

Hoàn tất xong lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng.

## Những tỳ-khuru không được đọc câu hoan-hỷ

- Tỳ-khuru an cư nhập hạ trước, nếu bị đứt hạ thì không được phép đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng.

- Tỳ-khuru an cư nhập hạ sau, không được phép đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng.

- Tỳ-khuru an cư nhập hạ trước tại ngôi chùa khác đến tham dự lễ thọ y kathinacīvara ...

- Tỳ-khuru không an cư nhập hạ ...

Tất cả những hạng tỳ-khuru trên không được phép đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng, cũng không được hưởng 5 **đặc-ân** của lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng.

Đặc biệt, tất cả mọi sa-di cùng an cư nhập hạ trước với chư tỳ-khuru, không được hành Tăng-sự hành lễ pavāraṇā, không được đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng, nhưng mà tất cả mọi sa-di được phép hưởng phần quả-báu phát sinh trong lễ dâng y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng.

## Nhận y và thọ y kathinacīvara

Một xóm làng nọ, vị tỷ-khuru một mình an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại xóm làng ấy. Sau khi mãn 3 tháng hạ, những thí-chủ trong làng đem dâng tám y kathinacīvara đến vị tỷ-khuru ấy, bạch rằng:

*- Kính bạch Ngài, chúng con kính dâng tám y kathinacīvara này đến tỷ-khuru-Tăng. Kính xin Ngài nhận tám y kathinacīvara của chúng con.*

Vị tỷ-khuru ấy nhận tám y kathinacīvara của các thí-chủ xong, suy nghĩ rằng:

*“Đức-Phật chế-định chư tỷ-khuru ít nhất có 4 vị gọi là tỷ-khuru-Tăng. Còn ta chỉ có một mình, nhưng mà các thí-chủ dâng tám y kathinacīvara này đến tỷ-khuru-Tăng. Vậy, ta nên đem tám y kathinacīvara của tỷ-khuru-Tăng, đi đến kinh-thành Sāvattthī, bạch hỏi Đức-Phật về chuyện này.”*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

*“Tuyheva bhikkhu, tāni cīvarāni yāva kathinassa ubbhārāyāti.*

*Idha pana bhikkhave, bhikkhu eko vassaṃ vasati, tattha manussā “saṃghassa demā”ti cīvarāni denti.*



*Anujānāmi bhikkhave tasseva tāni cīvarāni yāva kathinassa ubbhārāyāti.*”<sup>(1)</sup>

- *Này tỳ-khuru! Những tám y kathinacīvara ấy chỉ thuộc về một mình con mà thôi; con được hưởng 5 đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara cho đến khi mãn thời hạn 5 tháng.*

- *Này chư tỳ-khuru! Trong trường-hợp một tỳ-khuru an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa. Dân chúng trong xóm làng dâng y kathinacīvara bạch rằng: “Chúng con xin dâng y kathinacīvara đến tỳ-khuru-Tăng.”*

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai cho phép những tám y kathinacīvara ấy chỉ thuộc về một mình vị tỳ-khuru ấy mà thôi; vị tỳ-khuru ấy được hưởng 5 đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara cho đến khi mãn thời hạn 5 tháng.*

Thật ra, để trở thành tám y kathinacīvara, một vị tỳ-khuru (an cư nhập hạ một mình) đem tám y kathinacīvara đến ngôi chùa khác, thỉnh mời thêm 4 vị tỳ-khuru nữa cho đủ tỳ-khuru-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, thỉnh vị tỳ-khuru luật-sư tụng

<sup>1</sup> Vinayapiṭaka, Mahāvagga, Cīvarakkhandhaka.

kathinatthārañattikammavācā làm lễ trao y kathinacīvara cho vị tỳ-khuru ấy.

Vị tỳ-khuru ấy cảm tạ chư tỳ-khuru-Tăng, rồi đem tấm y kathinacīvara trở về chỗ ở của mình, hành đầy đủ nghi lễ thọ tấm y kathinacīvara ấy, rồi hưởng được **5 đặc-ân** trong 5 tháng cho đến khi mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara vào ngày rằm tháng 2 (âm-lịch).

Tương tự như vậy:

\* Trường-hợp 2 vị tỳ-khuru an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một xóm làng nọ. Sau khi mãn 3 tháng hạ, những dân chúng trong xóm làng ấy dâng tấm y kathinacīvara, rồi bạch rằng:

*“Chúng con xin dâng y kathinacīvara đến tỳ-khuru-Tăng.”*

Hai vị tỳ-khuru ấy nhận tấm y kathinacīvara của thí-chủ xong, đem tấm y kathinacīvara đến ngôi chùa khác, thỉnh mời thêm 3 vị tỳ-khuru nữa cho đủ tỳ-khuru-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, thỉnh vị tỳ-khuru luật-sư tụng kathinatthārañattikammavācā làm lễ trao y kathinacīvara cho 1 vị tỳ-khuru nào trong 2 vị tỳ-khuru ấy.

Hai vị tỳ-khuru ấy cảm tạ chư tỳ-khuru-Tăng, rồi đem tám y kathinacīvara trở về chỗ ở của mình. Vị tỳ-khuru ấy hành đầy đủ nghi lễ thọ tám y kathinacīvara ấy, rồi thỉnh vị tỳ-khuru còn lại đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳ-khuru-Tăng. Vị tỳ-khuru còn lại đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳ-khuru-Tăng.

Hai vị tỳ-khuru hưởng được **5 đặc-ân** trong 5 tháng cho đến khi mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara vào ngày rằm tháng 2 (âm-lịch).

\* Trường-hợp 3 vị tỳ-khuru an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một xóm làng nọ. Sau khi mãn 3 tháng hạ, những dân chúng trong xóm làng ấy dâng tám y kathinacīvara, rồi bạch rằng:

*“Chúng con xin dâng y kathinacīvara đến tỳ-khuru-Tăng.”*

Ba vị tỳ-khuru ấy nhận tám y kathinacīvara của thí-chủ xong, đem tám y kathinacīvara đến ngôi chùa khác, thỉnh mời thêm 2 vị tỳ-khuru nữa cho đủ tỳ-khuru-Tăng hành Tăng sự tại Sīmā, thỉnh vị tỳ-khuru luật-sư tụng kathinatthārañattikammavācā làm lễ trao y kathinacīvara cho 1 vị tỳ-khuru nào trong 3 vị tỳ-khuru ấy.

Ba vị tỳ-khuru ấy cảm tạ chư tỳ-khuru-Tăng, rồi đem tám y kathinacīvara trở về chỗ ở của mình. Vị tỳ-khuru ấy hành đầy đủ nghi lễ thọ tám y kathinacīvara ấy, rồi thỉnh 2 vị tỳ-khuru còn lại đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳ-khuru-Tăng. Hai vị tỳ-khuru còn lại đọc lời hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳ-khuru-Tăng.

Ba vị tỳ-khuru hưởng được **5 đặc-ân** trong 5 tháng cho đến khi mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara vào ngày rằm tháng 2 (âm-lịch).

\* Trường-hợp 4 vị tỳ-khuru an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một xóm làng nọ. Sau khi mãn 3 tháng hạ, những dân chúng trong xóm làng ấy dâng tám y kathinacīvara, rồi bạch rằng:

*“Chúng con xin dâng y kathinacīvara đến tỳ-khuru-Tăng.”*

Bốn vị tỳ-khuru ấy nhận tám y kathinacīvara của thí-chủ xong, đem tám y kathinacīvara đến ngôi chùa khác, thỉnh mời thêm 1 vị tỳ-khuru nữa cho đủ tỳ-khuru-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, thỉnh vị tỳ-khuru luật-sur tụng kathinatthāra-ñattikammavācā làm lễ trao y kathinacīvara cho 1 vị tỳ-khuru nào trong 4 vị tỳ-khuru ấy.

Bốn vị tỳ-khưu ấy cảm tạ chư tỳ-khưu-Tăng, rồi đem tám y kathinacīvara trở về chỗ ở của mình. Vị tỳ-khưu ấy hành đầy đủ nghi lễ thọ tám y kathinacīvara ấy, rồi thỉnh 3 vị tỳ-khưu còn lại đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳ-khưu-Tăng. Ba vị tỳ-khưu còn lại đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳ-khưu-Tăng.

Bốn vị tỳ-khưu hưởng được **5 đặc-ân** trong 5 tháng cho đến khi mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara vào ngày rằm tháng 2 (âm-lịch).

Chư tỳ-khưu nào an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một chỗ. Sau khi mãn 3 tháng hạ, nếu không có thí-chủ nào đến tạo phước-thiện cúng-dường kính-dâng *tám y kathinacīvara*, thì chư tỳ-khưu ấy chỉ hưởng được **5 đặc-ân** trong một tháng kể từ ngày 16 tháng 9 cho đến ngày rằm (15) tháng 10 mà thôi.

Thật ra, \* Phần **thí-chủ**, Đức-Phật cho phép 7 hạng *thí-chủ* là:

- **Chư-thiên** hóa ra thành người làm thí-chủ dâng y kathinacīvara.

- **Loài người** là cận-sự-nam, cận-sự-nữ hạng người tại gia làm thí-chủ dâng y kathinacīvara.

- **Vị tỳ-khưu** làm thí-chủ dâng y kathinacīvara.

- *Vị tỳ-khuru-ni* làm thí-chủ dâng y kathinacīvara.

- *Vị sikkhamānā* là người nữ đang thực hành để trở thành tỳ-khuru-ni làm thí-chủ dâng y kathinacīvara.

- *Vị sa-di* làm thí-chủ dâng y kathinacīvara.

- *Vị sa-di-ni* làm thí-chủ dâng y kathinacīvara.

Thời nay, *các tu-nữ* cũng làm thí-chủ dâng y kathinacīvara.

\* Còn phần *y kathinacīvara*, tấm y kathinacīvara chỉ là 1 trong 3 tấm y là tấm y saṃghāṭi (y 2 lớp), hay tấm y uttarasaṅga (y mặc choàng từ vai che phủ xuống dưới 2 đầu gối 4 lòng tay), hay tấm y antaravāsaka (y mặc che lỗ rốn phủ xuống dưới 2 đầu gối 8 lòng tay).

Tấm y kathinacīvara là tấm y rất đặc biệt hơn tất cả các tấm y khác, bởi vì tấm y kathinacīvara được phát sinh lên một cách hoàn toàn trong sạch, ví như từ trên hư không rơi xuống giữa chư tỳ-khuru-Tăng, không dành riêng cho một vị tỳ-khuru nào cả. Chư tỳ-khuru-Tăng tụ hội tại Sīmā, chọn một vị tỳ-khuru nào xứng đáng, rồi vị tỳ-khuru luật sư tụng ñattikammavācā xong, trao tấm y kathinacīvara cho vị tỳ-khuru ấy.

Vị tỳ-khuru ấy làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng, rồi kính thỉnh tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng.

Tất cả chư tỳ-khuru-Tăng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng xong, hưởng được **5 đặc-ân** suốt 5 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến ngày rằm (15) tháng 2 là mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara.

**Tỳ-khuru hưởng được 5 đặc-ân trọn 5 tháng với 2 điều-kiện:**

- *Āvāsapalibodha*: Gắn bó với ngôi chùa cũ.
- *Cīvarapalibodha*: Gắn bó với tấm vải may y.

1- *Āvāsapalibodha*: Gắn bó với ngôi chùa cũ nghĩa là vị tỳ-khuru nào đã an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại ngôi chùa nào hoặc chỗ ở nào, có làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng, vị tỳ-khuru ấy đã đọc lời hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara ấy.

Nếu vị tỳ-khuru ấy gắn bó với ngôi chùa cũ, dù vị tỳ-khuru ấy có công việc cần thiết phải rời khỏi chùa đến ngôi chùa khác, nhưng tâm của vị tỳ-

khuru ấy vẫn gắn bó tha thiết với ngôi chùa cũ, chắc chắn sẽ trở về ngôi chùa cũ, thì vị tỳ-khuru ấy vẫn được hưởng **5 đặc-ân** suốt 5 tháng đến rằm tháng 2 (âm-lịch), hết kỳ hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara.

Nhưng nếu vị tỳ-khuru ấy khi rời khỏi ngôi chùa cũ, đi đến ngôi chùa mới khác, tâm không còn gắn bó với ngôi chùa cũ, quyết tâm không trở về ngôi chùa cũ ấy nữa. Ngay khi ấy, vị tỳ-khuru ấy không còn được hưởng **5 đặc-ân** của lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng.

2- **Cīvarapalibodha**: Gắn bó với tấm vải may y, nghĩa là thời xưa, vị tỳ-khuru nào hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng, rồi được hưởng đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng, mỗi vị tỳ-khuru được chia một tấm vải chưa đủ may thành một tấm y. Vị tỳ-khuru ấy đem tấm vải ấy rời khỏi ngôi chùa cũ, đi đến ngôi chùa mới với hy vọng sẽ có thêm vải để may thành tấm y để mặc.

Thời nay, trong lễ dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khuru-Tăng, ngoài tấm y để làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khuru-Tăng ra, các thí-chủ còn dâng đến mỗi vị tỳ-khuru tấm y đã may sẵn.



Vì vậy, sau khi vị tỳ-khuru ấy đã đọc lời hoan-hỷ lễ thọ y *kathinacīvara* của chư tỳ-khuru-Tăng, rồi gắn bó với ngôi chùa, dù vị tỳ-khuru ấy có công việc cần thiết phải rời khỏi chùa đến ngôi chùa mới khác, nhưng tâm của vị tỳ-khuru ấy vẫn gắn bó tha thiết với ngôi chùa cũ, sẽ trở về ngôi chùa cũ. Như vậy, vị tỳ-khuru ấy mới được hưởng **5 đặc-ân** suốt 5 tháng đến rằm tháng 2 (âm-lịch), hết kỳ hạn 5 đặc-ân của lễ thọ y *kathinacīvara*.

Thí-chủ có trí-tuệ sáng suốt hiểu biết hợp thời đúng lúc tạo phước-thiện cúng dường dâng *một tấm y kathinacīvara* đến chư tỳ-khuru-Tăng, sau khi đã an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một ngôi chùa nào hoặc một chỗ ở nào, thì thí-chủ tạo được phước-thiện bố-thí cao quý vô-lượng, có quả-báu của lễ dâng y *kathinacīvara* cao quý vô-lượng không sao kể xiết.

## Đoạn Kết

Quyển sách “*Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt*” tuy là một quyển sách nhỏ, nhưng mà gom nhặt những điều thiết yếu cần biết đối với chư tỳ-khưu, từ các nơi trong Tạng-luật và các Chú-giải.

*Bhikkhupātimokkha* có 2 từ là *Bhikkhu* và *pātimokkha*.

\* Ý-nghĩa *Bhikkhu* trong văn-phạm Pāli

- *Bhikkhati sīlenā'ti bhikkhu*.

*Bậc có thói quen thường đi khát thực để nuôi mạng gọi là bhikkhu.*

- *Samsāre bhayaṃ ikkhatī'ti bhikkhu*.

*Bậc thấy rõ, biết rõ sự tai họa trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài gọi là bhikkhu.*

\* Ý-nghĩa *Bhikkhu* trong Tạng-kinh

- *Yo ca imaṃ paṭipattiṃ paṭipajjati, so bhikkhu nāma hotīti paṭipattiyā bhikkhubhāvadassanatopi bhikkhu*.

Hành-giả nào thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ, hành-giả ấy được gọi là **tỳ-khuru**. Hành-giả thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ chứng tỏ là **tỳ-khuru**.

- *Paṭipannako hi devo vā hotu manusso vā bhikkhū'ti saṅkhyam gacchatiyeva.*

Hành-giả thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ dù là chư-thiên hoặc nhân-loại đều xem là **tỳ-khuru** cả thảy.

Như vậy, **tỳ-khuru** theo ý nghĩa trong Tạng-kinh đó là hành-giả thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ.

\* Ý-nghĩa **Bhikkhu** trong Tạng-luật

Để trở thành **tỳ-khuru**, vị sa-di nào đầy đủ 20 tuổi kính xin chư tỳ-khuru-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, nâng lên bậc tỳ-khuru bằng cách Ngài Trưởng-lão luật-sư tụng **ñatticatutthakamma-vācā**: tụng **ñatti** (tuyên-ngôn) 1 lần và tiếp theo tụng **kammavācā** (thành-sự-ngôn) 3 lần xong, ngay khi ấy vị sa-di ấy trở thành **bhikkhu**: vị tỳ-khuru, có đầy đủ 227 điều-giới của tỳ-khuru, vị tân tỳ-khuru ấy có thể ăn ở chung với chư tỳ-khuru, hành Tăng-sự chung với chư tỳ-khuru.

Trong Tạng-luật, bộ Cūlavagga, **tỳ-khuru** được thành-tựu cần phải hội đủ 5 chi-pháp.

## Năm chi-pháp trở thành tỳ-khuru

1- *Vatthusampatti*: Người cận-sự-nam đủ 20 tuổi, không thuộc vào 1 trong 13 hạng người bị cấm làm lễ thọ tỳ-khuru.

2- *Ñattisampatti*: Tụng *ñatti* (tuyên-ngôn) đúng theo văn-phạm Pāli.

3- *Anusāsanasampatti*: Tụng *kammavācā* (thành-sự-ngôn) đúng theo văn-phạm Pāli.

4- *Sīmāsampatti*: Chỗ ranh-giới *Sīmā* hoàn toàn đúng theo Luật mà Đức-Phật đã ban hành.

5- *Purisasampatti*: Chư tỳ-khuru-Tăng hội đầy đủ 5 vị tỳ-khuru thật trở lên tham dự tại *Sīmā*.

Nếu hội đầy đủ 5 chi-pháp này, không thiếu 1 chi-pháp nào, thì sau khi Ngài Trưởng-lão luật-sư tụng *ñatticatutthakammavācā*: tụng *ñatti* (tuyên-ngôn) 1 lần và tiếp theo tụng *kammavācā* (thành-sự-ngôn) 3 lần xong, ngay khi ấy vị sa-di ấy trở thành vị tỳ-khuru thật (*bhikkhu*) có đầy đủ 227 điều-giới của tỳ-khuru, vị tân tỳ-khuru ấy có thể ăn ở chung với chư tỳ-khuru, hành Tăng-sự chung với chư tỳ-khuru. <sup>(1)</sup>

---

<sup>1</sup> Tìm hiểu rõ trong quyển “Guơng Bạc Xuất-Gia” cùng soạn giả.

Nếu thiếu 1 trong 5 chi-pháp này, dù sau khi Ngài Trưởng-lão luật-sư tụng *ñatticatuttha-kammavācā*: tụng *ñatti* (tuyên-ngôn) 1 lần và tiếp theo tụng *kammavācā* (thành-sự-ngôn) 3 lần xong, thì vị sa-di ấy chắc chắn cũng không trở thành *bhikkhu*: vị tỳ-khuru, vẫn còn là vị sa-di.

### Năm chi-pháp không trở thành tỳ-khuru

1- *Vatthuvippatti*: Người cận-sự-nam không đủ 20 tuổi hoặc thuộc vào 1 trong 13 hạng người bị cấm làm lễ thọ tỳ-khuru.

2- *Ñattivippatti*: Tụng *ñatti* (tuyên-ngôn) không đúng theo văn-phạm Pāli.

3- *Anusāsanavippatti*: Tụng *kammavācā* (thành-sự-ngôn) không đúng theo văn-phạm Pāli.

4- *Sīmāvippatti*: Chỗ ranh-giới *Sīmā* không đúng theo Luật mà Đức-Phật đã ban hành.

5- *Purisavippatti*: Chư tỳ-khuru-Tăng không hội đủ 5 vị tỳ-khuru thật tham dự tại Sīmā.

Nếu có 1 trong 5 chi-pháp này thì buổi lễ thọ tỳ-khuru không thành-tựu, sa-di ấy không trở thành *bhikkhu*: tỳ-khuru.

\* Ý nghĩa *Pātimokkha*:

Trong bộ Vibhaṅgapāḷi định nghĩa rằng:

*Pātimokkhan'ti sīlaṃ patitṭhā ādi caranaṃ  
saññaṃ saṃvaro mokkhaṃ pamokkhaṃ  
kusalānaṃ dhammānaṃ samāpattiyā.*

*Pātimokkha* nghĩa là đặt trong giới-hạnh, giữ gìn cẩn trọng, thoát khỏi phiền-não, đạt đến các loại thiện-pháp đó là dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.

*Bhikkhupātimokkha* nghĩa là vị tỳ-khuru có tác-ý giữ gìn các điều-giới của mình trong sạch và đầy đủ, giữ gìn thân và khẩu được trong sạch khỏi mọi ác-nghiệp nên không tự chê trách mình, tránh khỏi bị bậc thiện-trí chê trách, thoát khỏi 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

Giới của vị tỳ-khuru có 227 điều-giới trong bhikkhupātimokkha liên quan đến thân và khẩu.

Cho nên, tỳ-khuru giữ gìn thân và khẩu tránh xa không phạm điều-giới, tránh xa thân hành 3 loại ác-nghiệp và tránh xa khẩu hành 4 loại ác-nghiệp, giữ gìn thân và khẩu được trong sạch thanh-tịnh.

Vị tỳ-khuru thực hành **pháp-hành-giới** giữ gìn giới-hạnh trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ để thực hành **pháp-hành thiền-định** dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm; để thực hành **pháp-hành thiền-tuệ** dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Phật-lich 2565 / DL.2021*  
*Rừng Núi Viên Không,*  
*xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ,*  
*tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

*Tỳ-khuru Hộ-Pháp*  
*(Dhammarakkhita Bhikkhu)*  
*(Aggamahāpaṇḍita)*

## Patthanā

*Iminā puññakammena,  
Sukhī bhavāma sabbadā.  
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo,  
Loke sattā sumaṅgalā.*

*Vietnam raṭṭhikā ca sabbe,  
Janā pappontu sāsane.  
Vuddhiṃ viruḥhivepullaṃ,  
Patthayāmi nirantaraṃ.*

*Năng lực phước-thiện thanh cao này,  
Mong chúng con thường được an-lạc.  
Mong cho chánh-pháp được trường tồn,  
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.  
Dân tộc Việt Nam được phát triển,  
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo,  
Bản sư nguyện cầu với tâm thành,  
Hằng mong được thành tựu như nguyện.*

- \* *Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ,*
- \* *Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnam-raṭṭhe.*
- \* *Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn  
trên thế gian.*
- \* *Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn  
trên tổ quốc Việt-Nam thân yêu.*



## **Sách tham khảo và trích dẫn**

- Vinayaṭṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.
- Các quyển sách tài liệu khác.

## PHẦN PHỤ LỤC

### Cách Phát Âm Mẫu Tự Pāli

Tiếng Pāli gồm có 41 mẫu tự, chia làm 2 loại:

1- **Nguyên-âm** gồm có 8 mẫu tự: *a, ā, i, ī, u, ū, e, o.*

\* 8 nguyên âm này chia làm hai loại:

- 3 nguyên âm đọc giọng ngắn, thời gian 1 lần nháy mắt.

Nguyên-âm Pāli	a	i	u
Cách phát âm	á	í	ú

- 5 nguyên âm đọc giọng dài gấp đôi, thời gian 2 lần nháy mắt:

Nguyên âm Pāli	ā	ī	ū	e	o
Cách phát âm	aa	ii	uu	êê	ôô

2- **Phụ-âm** gồm có 33 phụ âm, chia thành nhóm như sau:

1	ka	kha	ga	gha	ñ	Phát âm ở cổ	
	cá	khá	gá	ghá	ngá		
2	ca	cha	ja	jha	ña	Phát âm ở đóc họng	
	chá	schá	chá	schá	nhá		
3	ṭa	ṭha	ḍa	ḍha	ṇa	Phát âm cong đầu lưỡi trên hàm ếch	
	tá	thá	đá	thá	ná		
4	ta	tha	da	dha	na	Phát âm đặt đầu lưỡi vào 2 đầu răng	
	tá	thá	đá	thá	ná		
5	pa	pha	ba	bha	ma	Phát âm ở hai đầu môi	
	pá	phá	bá	phá	má		
ya	ra	la	va	sa	ha	ḷa	ṃ
giá	rá	lá	wóa	xá	há	lá	ân

Thực ra, 33 phụ âm này được phiên âm cách phát âm rất khó chuẩn. Nên học tập cách phát âm trực tiếp với thầy dạy.

## Cách phát âm

41 mẫu tự Pāli chia làm 6 cách phát âm:

1- Những nguyên âm và phụ âm **phát âm ở cổ**, có 8 âm: **a, ā, ka, kha, ga, gha, ñ, ha.**

2- Những nguyên âm và phụ âm **phát âm ở đóc họng**, có 8 âm: **i, ī, ca, cha, ja, jha, ña, ya.**

3- Những phụ âm **phát âm bằng cách cong đầu lưỡi ở hàm ếch**, khi phát âm đánh đầu lưỡi ra ngoài, có 7 phụ âm: **ṭa, ṭha, ḍa, ḍha, ṇa, ra, la.**

4- Những phụ âm **phát âm bằng cách đặt đầu lưỡi ở hai đầu răng**, khi phát âm đồng thời hờ 2 đầu răng, có 7 phụ âm là: **ta, tha, da, dha, na, la, sa.**

5- Những nguyên âm và phụ âm **phát âm ở 2 đầu môi** (miệng ngậm lại), khi phát âm đồng thời hờ đầu môi, có 7 âm: **u, ū, pa, pha, ba, bha, ma.**

6- Phụ âm (**m**) **m** có dấu chấm ở phía dưới **phát âm nơi lỗ mũi**, khi phát âm 2 đầu môi ngậm lại. Phụ âm này thường theo sau 3 nguyên âm là: **aṃ, iṃ, uṃ.**

Những nguyên âm, phụ âm phát sinh 2 nơi:

- Nguyên âm “ê” phát âm nơi cổ và đóc họng.
- Nguyên âm “ô” phát âm nơi cổ và môi.
- Phụ âm “va” phát âm nơi răng và môi.



“Vinayo nāma Buddhasāsanassa āyu,  
Vinaye ṭhite, sāsanaṃ ṭhitaṃ hoti.”

(Tạng-luật gọi là tuổi thọ của Phật-giáo,  
khi Tạng-luật tồn tại thì Phật-giáo tồn tại.)

Buddhasāsanam ciraṃ tiṭṭhatu.

Nguyện cho Phật-giáo được trường tồn.